

80
INDO-CHINOIS

1211

佛 教 宗 旨
PHẬT GIÁO TÒN CHỈ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

13/94

家 禪 律

LUẬT ÔNG THẦY CHÙA

TÌ-NHĨ, SA-ĐI, OAL-NGHI, KINH-SÁCH, 4 QUYỀN

毗尼爾威儀警策四卷

Của thầy chủ tự

TRANG-QUẢNG-HƯNG

ở chùa

SẮC-TỬ TỪ-VÂN

Mời Soạn

勅賜 慈雲寺寺主莊廣興新撰

Dà-năng Đông-Pháp Ngân-hành

HÀN-ĐỊNH-PHONG nguyên in

銀行座福主韓定丰願印

Tourane - năm Phật-lich thứ 2955

沱濕佛曆二千九百五十五年

Tue thứ Mậu-thìn - (1928) soạn

歲次戊辰年撰

Năm Canh-ngũ (1930) xuất-bản

庚午年出板

QUẢNG-NAM ĐÀ-NĂNG TRUNG-KỶ

廣南 沱濕 中圻

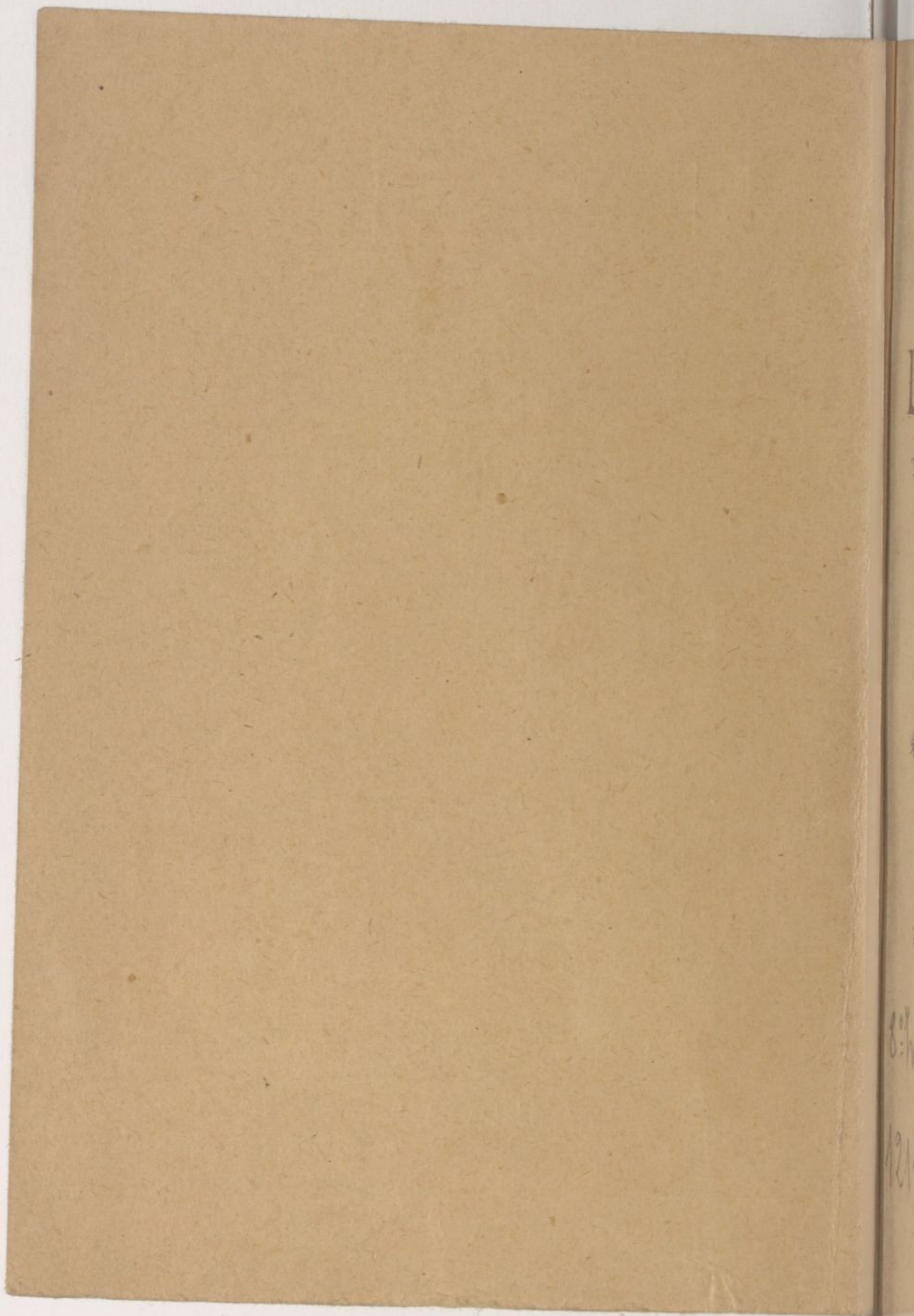
IMP. TIẾNG-DÂN - HUẾ

Handwritten notes:
Certificat de tirage
Cinq cent
Mue' le 26 mai 1930
Le Directeur-Imprimerie

Blue circular stamp:
TINH DAI
HANG HAI
HANG HAI
HANG HAI

Handwritten signature:
H. H. H. H.

1211



佛 教 宗 旨
PHẬT GIÁO TÔN CHỈ

僧 家 禪 律

LUẬT ÔNG THẦY CHÙA

TÌ-NI, SA-DI, OAI-NGHI, KINH-SÁCH, 4 QUYỀN

毗 尼 沙 彌 威 儀 警 策 四 卷

Của thầy chủ tự

TRANG-QUẢNG-HƯNG

ở chùa

SẮC-TỬ TỪ-VÂN

Mời Soạn

勅 賜 慈 雲 寺 寺 主 莊 廣 興 新 撰

Đà-năng Đông-Pháp Ngân-hành

HÀN-ĐỊNH-PHONG nguyên in

銀 行 座 福 主 韓 定 丰 願 印

Tourane — năm Phật - lịch thứ 2955

沱 漚 佛 曆 二 千 九 百 五 十 五 年

Tuế thứ Mậu-thìn — (1928) soạn

歲 次 戊 辰 年 撰

Năm Canh-ngũ (1930) xuất-bản

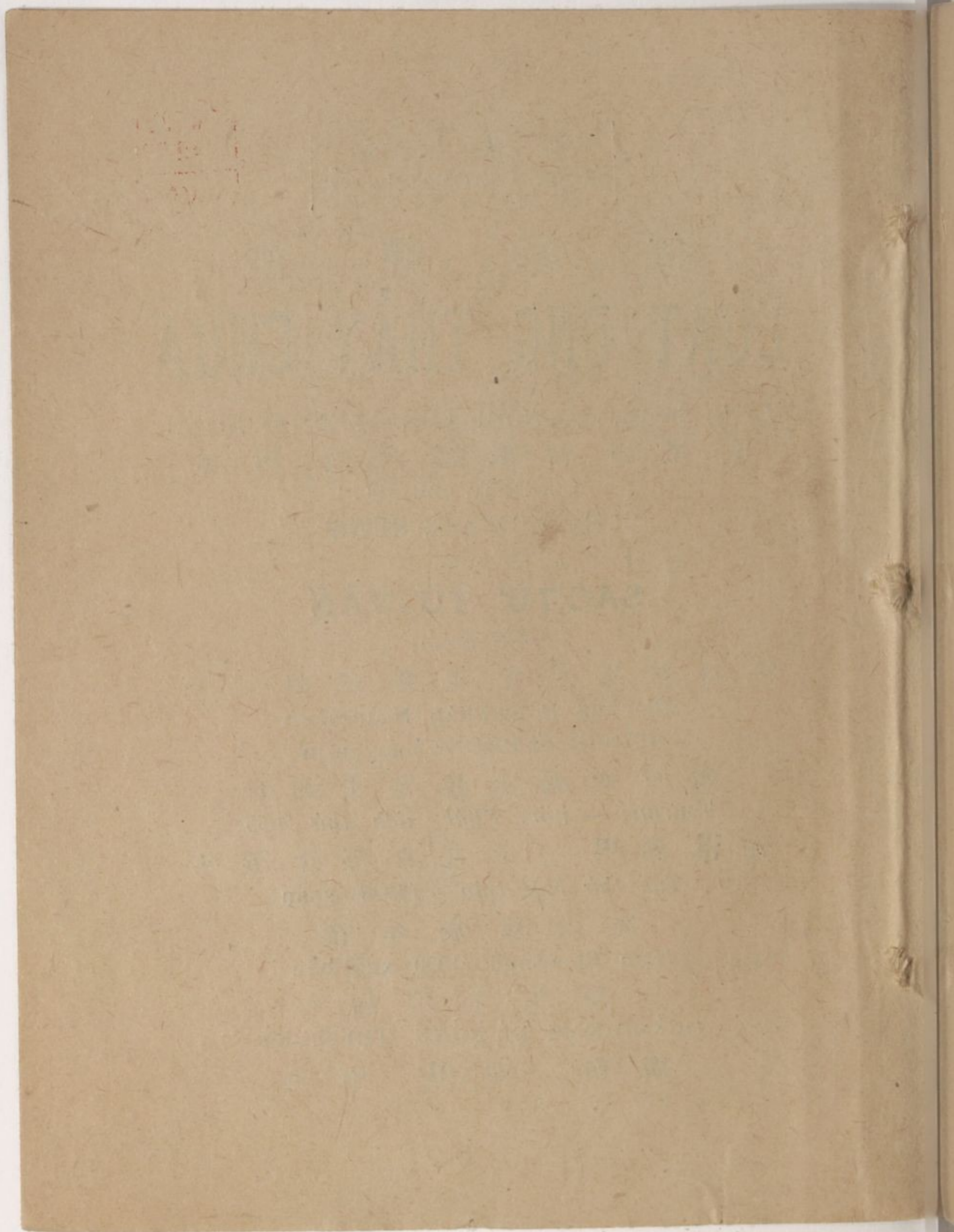
庚 午 年 出 板

QUẢNG-NAM ĐÀ-NĂNG TRUNG-KỶ

廣 南 沱 漚 中 圻

8° Indoch

1211



LỜI CÁO-BẠCH



Tôi Trang-Quảng-Hung chủ chùa Từ-Vân ở Tourane có lời cáo-bạch cùng quý ngài rõ. Đạo phật trong nước ta, bên Tàu truyền qua xưa nay vẫn chưa có chùa nào thể theo lời phật dạy cấp-độc, tế-cô, từ-bi, bác-ái, nay tôi xin phép :

Hai chánh-phủ cho các điện nhỏ học chữ quốc-ngữ và dịch kinh-luật ra chữ quốc-ngữ, có nuôi trẻ con nghèo ăn học làm phước.

Vậy các học trò đã phần nhiều biết chữ quốc-ngữ soạn dịch quyền luật này lớp trung-học đạo Phật cho dễ thông dụng, dịch rồi năm 1928, Triều vua Bảo-Đại năm thứ ba. Mậu-thìn niên, tôi có nhờ quan bác-sĩ y-khoa, quan tư Monsieur Sa-Lê, xét gửi ra trường bác-cổ Hà-nội, quan chánh bác-

cổ trường ấy và quý sư cụ chùa Bà Đá làm việc trường bác-cổ chứng xét công nhận cho quyền luật nầy các điều ở nhà chùa, học biết đủ bốn phần ông thầy.

Nay có vợ chồng ông Hàn-định-Phong là chủ kho-bạc ở Tourane, ông và quý bà vợ của ông mở lượng từ - bi xuất tiền in quyền luật nầy ban-bố cho các điều chùa, dùng học cho tiện dặng biết cội gốc ông thầy tu là thế nào. Vậy tôi cấp bi hai là đơn và lá lục văn của trường bác - cổ gửi vào đình như sau nầy.

Nay kính cáo-bạch

Sắc - tứ Từ - Vân Tự chủ tự

勅賜慈雲寺主寺

Trang Quảng-Hưng

莊廣興

Kính Bạch

敬白

École française
d'Extrême - Orient
N° 1102

Copie

Gouvernement Générale de l'Indochine

Hanoi, le 17 Mai 1929

Le Directeur p. i. de l'école française d'Extrême-
Orient

à Monsieur le Docteur Sallet, correspondant de
l'école française d'Extrême-Orient Tourane.

Mon cher Docteur,

Je vous renvoie le manuscrit du bonze de Tùr-vân
sur l'enseignement de la discipline bouddhique.

Les bonzes de Bà-Đà, qui l'ont examiné, le
déclarent correct et digne d'encouragement, la
lettre ci-incluse exprime leur opinion.

Ils disent qu'ils sont disposés à recevoir ici leur
confrère et à joindre leurs lumières aux siennes
pour l'élucidation des questions doctrinales qui
l'intéressent, mais qu'ils ne sauraient s'engager
dans un commerce épistolaire, cette réserve ne
peut qu'être approuvée.

Veillez agréer, mon cher Docteur, l'assurance de
mes sentiments très dévoués.

Signé : FINOT

copie conforme

Tourane, le 15 Août 1927

Bẩm quan lớn Công-Sứ TOURANE

Bẩm quan lớn Công-Sứ,

Chùa tôi xin phép cho mấy thầy nhỏ ở chùa được học kinh Phật bằng chữ quốc-ngữ và chữ Tàu, học tập theo đạo Phật, Lục-cúng, kinh-đàn, kèn, trống, có giảng kinh cho mấy thầy cùng bọn đạo nghe, dịch kinh Tàu ra chữ quốc-ngữ, và bố thí cho kẻ nghèo đến ăn học kinh, hoặc người nào có cúng tiền vào trong chùa theo sự học ấy, cũng được phép dùng, còn trò nào đã đến học, mà không giữ đủ phép, thì tôi xin bẩm ngay cho quan lớn xét.

Nay kính bẩm

Sắc-Tứ Pagode Từ-Vân

Concession Française de Tourane

Le fondateur chef Trang-quảng-Hung

Autorisation accordée

Tourane, le 16 Août 1927

P. le Résident maire absent

L'Administrateur secrétaire municipale

Signature illisible et cachet.

Vu

Le f. de police

Signature illisible et cachet

防非人混入以完福菓

稟

經貴使並警察官察許咱其奉行仍須嚴

或有非法何情奉稟嚴懲幸蒙寔惠萬賴今叩

引後來利生進化第有檀椰募濟自咱隨緣併就學者

本省督部堂大臣列憲大人炤許文批俾便宏開禪教接

在案具單訂後仍僧係屬省轄人莫敢擅便萬賴伏乞

菓圓成具稟 沱座正督理公使並警察官依許文批

六供禪門音樂或孤貧願學者僧誠保養以弘象教福

漢文國語字講演經律譯漢經爲國語字並習學經壇

清規祈僧衆及本道善信人之弟子親就學習經仍及

恩賜其文憑履歷具有明彰茲僧寺立場筵師演教佛律

稟爲乞審炤文批憑事緣僧崇興佛道善事經來幸蒙

廣南省沱瀆

勅賜慈雲寺寺主莊廣興叩

總督關防

保大貳年柒月貳拾伍日
廣南廣義

寫單阮文願字記
寺主莊廣興記

SẮC-TỬ TỪ-VÂN TỰ
PHẬT-HỌC-GIÁO-DỤC TRƯỜNG
TỶ-NI LUẬT TỰ

Cõi Diêm-phù-đề này, có đạo Thích-thị là rất mau, xưa nay Phật-tổ tương truyền, lấy giới-luật mà làm gốc, những người mộ đạo, đều có nhiệt tâm, nhưng chưa dám chắc tất cả đã rõ hết cả cái quy-tắc xuất gia học đạo.

Ở Xứ Trung-kỳ Đà-nẵng, chùa Từ-vân, có làm trường, gọi là Phật-học-giáo-dục trường, mấy lâu nay, các trẻ con kẻ nghèo, nhờ ơn ông chủ-tự Trang-quảng-Hưng nuôi cho ăn học, đã biết Quốc-ngữ phần nhiều, ở trường ấy có rước thầy diên-dịch bộ luật Tỷ-ni trường hàng xưa, ra Quốc-ngữ, (luật ấy chia làm 4 quyển : 1° Tỷ-ni ; 2° Sa-di ; 3° Oai-nghi ; 4° Kinh-sách). Các học trò đó, lại xin ông chủ-tự xuất tiền để mượn Ấn-quản in, in rồi thời có lẽ các học trò nhỏ coi đọc được liền.

Vậy xin những kẻ thiện-nam, tín-nữ, mộ tâm, xem đọc bốn quyển luật này, chẳng khác thể là : ngọn từ-bi sáng khắp cảnh trần-lao, chuông cảnh-

*tỉnh khua vang trường mê-mộng, thời giá-trị bộ
luật này biết dường bao. Lời cổ ngữ có câu :
Chuông có gõ mới kêu, đèn có khêu mới sáng ;
chuông đèn nào lại hơn chuông đèn này nữa.*

*Bắc Nam Trung ba cõi, ngọc hào-quang Phật-
pháp chứng minh.*

Quảng-bình, La-hà, kỹ-dậu khoa Tú-tài, Hàn-lâm-
viện Cung-phụng, nguyên Lại-mục, Trần văn-Bích
kinh tựa.

廣平羅河己酉科秀才翰林院恭奉
原吏目陳文碧敬序

Phép làm thầy Sa-Di

Phàm người đã vào ở chùa, học Phật hoặc lớn
nhỏ cũng gọi thầy Sa-Di cả, rồi có lên từng bậc
gọi là Tỷ kheo, tu hành đã đắc đạo, gọi là Sa Môn.

Dưới đây nói về ba phẩm Sa-Di. Một là từ bảy
tuổi đến 13 tuổi, gọi rằng thầy Xu-Ô Sa-Di, công
việc thầy ấy để coi vườn chùa hoặc là giữ lúa ngô
gạo, ngô chim giữ quạ, coi ngô kẻ tới người lui

đặng thông báo thừa bách cho trong chùa chủ-sư đặng biết. Hai là 14 tuổi đến 19 tuổi gọi rằng thầy Ứng-pháp Sa-Di công việc thầy ấy để ứng phú đạo tràng giảng diễn phật sự kinh luật tùy theo cơ duyên giáo hóa dạy biểu đạo lý hoặc là thay mặt cho các thầy cả mỗi việc của trong nhà Thuyền. Ba là từ 19 tuổi đến 70 tuổi gọi rằng thầy Tùy-biện Sa-Di là thầy đó học hành ít thông kinh luật, công việc thầy ấy hoặc chấp Lao Công vụ nhà chùa mỗi sự Thuyền môn xưng chịu làm phước quả. Theo trong Thuyền Lâm không có lên chức chi cả.

Còn từ 20 tuổi chịu đủ giới luật tinh nghiêm và thông đạo lý hoặc người xuất gia đã muợn chẳng hay giữ đủ luật giới, tuy đã nèn bực Tỷ-kheo nhưng cũng gọi rằng Sa-Di một hạng. bằng người đã chịu cạo đầu mặc áo Ca-Sa chưa đủ mười giới, tuy hình thể đồng thầy Sa-Di, nhưng giới luật khác bằng chưa đủ.

Đây tóm nói sơ-lược ba phẩm Sa Di gọi là ba hạng Thầy Sa-Di vậy. Tiếng Sa-Di của Ấn-đô ta gọi rằng ông thầy vào ở chùa xin qui ngài phải coi cho hiểu rõ gốc ngọn bộ luật này, phải coi bộ luật giải, thời sẽ biết cả).

TÌ-NI NHỰT DỤNG YẾU LƯỢC

(Phép tắc thường dùng rất giốn)

毗 尼 日 用 要 略

Tảo-giác (sớm mai thức dậy)

Thùy miên thủy ngộ, đương nguyện chúng sanh (khi ngủ, nghỉ mới dậy cầu cho chúng sanh), nhưt thiết, trí-giác, châu cố thập phương (hết thấy tỏ biết cái trí-giác khắp đến trong mười phương).

Kích chung kệ vân

(bài kệ đóng chuông rảng)

Nguyện thử chung thính siêu pháp giới (cầu tiếng chuông này thấu trong các cõi pháp giới), thiết vi u-ám tất giai văn (trong ngực thiết-vi túi tâm thấy đều nghe), văn trần thanh tịnh chứng viên thông (nghe rồi lòng trần trong sạch chứng đặng bậc viên thông), nhưt thiết chúng sanh thành chánh giác (hết thấy chúng sanh đều nên bậc chánh giác).

Văn chung mặc niệm kệ vân

(nghe tiếng chuông thầm tưởng bài kệ rằng)

Văn chung thanh phiến não khinh (nghe tiếng chuông rồi lòng phiến não nhẹ), trí tuệ trưởng bồ đề sanh (lớn giống trí tuệ sanh đạo bồ đề), ly địa ngục, xuất hỏa khanh (lìa địa-ngục khỏi hầm lửa), nguyện thành phật, độ chúng sanh (cầu cho nên phật độ các loài chúng sanh).

Áng già ra để da ta bà ha. (mỗi câu thần chú nào cũng phải đọc 3 lần).

Nhược trước thượng y, đương nguyện chúng sanh (bằng mặc áo trên cầu cho chúng sanh), **hoạch thẳng thiên căn chí pháp bỉ ngạn** (đặng căn lành tốt, đến phép bờ kia), **Trước hạ quần thời đương nguyện chúng sanh** (khi mặc quần dưới cầu cho chúng sanh), **phục chư thiện căn cụ túc tâm quý** (mặc các căn lành đều đủ hồ thẹn), **chỉnh y thúc đới, đương nguyện chúng sanh** (sửa áo buộc dải cầu cho chúng sanh), **kiềm thúc thiện căn, bất linh tán thất** (bó buộc căn lành chẳng cho tan mất).

Hạ đơn (bước chun xuống đơn)

Tùng triều dần đáng trực chi mộ (từ khi sớm mai giờ dần thẳng cho tới tui), nhứt thiết chúng sanh tự hồi hộ (hết thấy mình phải giữ cho chúng sanh các loài bèn lánh dữ), nhược ư tức hạ táng kỳ hình (như bước dưới bàn chun nát sứt hình, nguyện như tức thời sanh tịnh độ (nguyện cho người bây giờ về tịnh độ).

Áng dật để luật ni tóa ha.

Hành bộ bất thương trùng

(bước chun ra đi chẳng hại loài trùng)

Nhược cử ư tức, đương nguyện chúng sanh (bằng bước chun đi, cầu cho chúng sanh), xuất sanh tử hải, cụ chúng thiện pháp (khỏi bể sanh tử, đủ các phép lành).

Áng địa rị nhựt rị tóa ha.

Xuất đường (ở trong nhà bước chun ra)

Tùng xá xuất thời, đương nguyện chúng sanh (từ khi trong nhà ra đi cầu cho chúng sanh), thâm nhập

phật trí, vĩnh xuất tam giới (thăm vào trí phật, hăng ra trong ba cõi).

Đăng xí (lên nhà xí)

Đại tiểu tiện thời, đương nguyện chúng sanh (đến khi đi đại tiểu cầu cho chúng sanh) khí tham, sân, si quyên trừ tội pháp (bỏ lòng tham, sân, si dứt hết các pháp tội).

Áng lan lộ đà da tóa ha.

Tẩy tịnh (rửa sạch)

Sự ngật tự thủy, đương nguyện chúng sanh (khi đi đại tiểu rồi đến chỗ nước, cầu cho chúng sanh), xuất thế pháp trung tốc tạt nhi vãng (khỏi các cái trong đời, chóng kịp mà qua).

Áng Thất rị bà hê tóa ha.

Khử huế (rửa dơ)

Tẩy dịch hình huế, đương nguyện chúng sanh (rửa giặt mình dơ cầu cho chúng sanh), thanh tịnh điều

nhu, tất cánh vô cấu, (trong sạch hòa diệu, rốt rồi không dư).

Áng hạ năng mật lật để tóa ha.

Tẩy thủ (rửa tay)

Đĩ thủy quán chưởng đương nguyện chúng sanh (lấy nước rửa tay cầu cho chúng sanh), đặc thanh tịnh thủ, thọ tri phật pháp (đặt tay trong sạch, giữ gìn phép phật).

Áng chủ ca ra da tóa ha.

Tẩy diện (rửa mặt)

Đĩ thủy tẩy diện đương nguyện chúng sanh (lấy nước rửa mặt cầu cho chúng sanh), đặc tịnh pháp môn, vĩnh vô cấu nhiễm (đặng sạch pháp môn hằng không dư bợn).

Áng lam tóa ha.

Âm thủy (uống nước)

Phật quan nhưt bát thủy bát vạn từ thiên trùng (phật coi trong một bát nước tám muôn bốn

ngàn con trùng), nhược bất tri thử chú, như thực chúng sanh nhục (bằng chẳng giữ chú này, như ăn thịt chúng sanh).

Áng phạt tất ba ra ma ni tóa ha.

Ngũ điều y kệ (lời kệ y năm điều)

Thiện tai giải thoát, phục vô thượng phước điều y (lành thay bận áo giải thoát không trên áo phước điều), ngã kim đánh đơi thọ, thế thế bất xả ly (ta nay chịu mang đời đời chẳng bỏ lia).

Áng tất dà da tóa ha.

Thất điều y kệ (bài kệ y bảy điều)

Thiện tai giải thoát phục vô thượng phước điều y (lành thay áo giải thoát lành, không trên áo phước điều), ngã kim đánh đơi thọ, thế thế thường đắc phi (ta nay chịu mang đời đời hằng đặn đặn).

Áng độ ba độ ba tóa ha.

Nhị thập ngũ điều y (y hai mươi năm điều)

Thiện tai giải thoát, phục vô thượng phước điều

y (lành thay áo giải thoát không trên áo phước điều) phụng trì Như-Lai mạng, quảng độ như chúng sanh.

Áng ma ha ca bà ba tra tất để tóa ha.

Triển cụ kệ vân (trải cụ kệ rằng) :

Ngoạ cụ ni sư đang, trưởng dưỡng tâm miêu tánh (cái nọ ngoạ cụ làm nền ni sư, nuôi lớn lòng đa tốt, triển khai đấng thánh địa, phụng trì Như-Lai mạng (mở trải lên bực thánh, vâng giữ lời Như-Lai dạy).

Áng đàn bà đàn ba tóa ha.

Đăng đạo tràng chú (lên chốn đạo tràng)

Nhược đặc kiến phật, đưng nguyện chúng sanh (bằng đặng thấy phật, cầu cho chúng sanh), đặc vô ngại nhãn kiến nhưt thiết phật (đặng con mắt vô ngại thấy hết thấy các đức phật).

Áng a mật lật để hồng phin tra.

Tán phật (lời khen phật)

Pháp vương vô thượng tôn, tam giới vô luân

thất (ngôi pháp vương trọng không bực nào lớn hơn trong ba cõi không ai sánh), thiên như chi đạo sư, tứ sanh chi từ phụ (làm ông thầy dạy trong cõi như thiên cha lành chung bốn loài sanh), ngã kim tam qui y, năng duyệt tam kỳ nghiệp (ta nay chút cung kính, dứt đặng nghiệp tam kỳ), xưng dương nhược tán thán, ức kiếp mạc năng tận (tổ bày hoặc khen ngợi, muôn kiếp chẳng hay hết).

Lễ phật kệ vân. (bài kệ lay phật)

Thiên thượng thiên hạ vô như phật (trên cõi trời dưới cõi đất không ai bằng phật), thập phương thế giới diệc vô tỷ (mười phương các cõi cũng chẳng sánh), thế gian sở hữu ngã tận kiến (trong đời xưa có việc chi ta thấy hết, chỗ có ta đều thấy) nhưt thiết vô hữu như phật giả (hết thấy không ai bằng phật ấy), phổ lễ chơn ngôn (lời chơn ngôn khắp lay).

Áng phạ nhưt ra học.

Nặng lễ, sở lễ tánh không tịch

(hay lay sửa lay lòng phải vắng lặng)

Cảm ứng đạo giao nan tư nghị (chỗ cảm ứng nhiệm đạo khó nghĩ nghị) ngã thử đạo trường như đế châu (đạo trường ta đây như đèn ngọc vua), thập phương chư Phật ảnh hiện trung (mười phương các đức Phật hiện hình ở trong), ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền (thân tôi hiện hình trước các đức Phật), đầu diện tiếp túc qui mạng lễ (đầu mặt nối với hai chơn cung kính lay).

Cúng tịnh bình (khi cúng tịnh bình)

Thủ chấp tịnh bình, dương nguyện chúng sanh (tay cầm cái tịnh bình, cầu cho chúng sanh), nội ngoại vô cấu, tất linh quang khiết (trong ngoài không dơ, đều cho sạch sẽ).

Áng thể dà rô ca sắt hàm sắt tóa ha, áng phạ tất ra thể dà lô sắt mạng sắt tóa ha.

Đẳng tịnh bình chơn ngôn (lời chơn ngôn đồ tịnh bình).

Áng lam tóa ha.

Quán thủy chơn ngôn (lời chơn ngôn rót nước).

Áng phạt tất ba ra ma ni tóa ha năng mờ tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát điệt tha, áng tô rô tô rô bát ra tô rô ta bà ha.

Thọ thực (bữa ăn)

Nhược kiến không bát, đương nguyện chúng sanh (bằng thấy bình bát không, cầu cho chúng sanh) cứu, kinh thanh tịnh, không vô phiến nảo (rót rồi trong sạch, trọn không buồn rầu), nhược kiến mãn bát, đương nguyện chúng sanh (bằng thấy bát cơm đầy, cầu cho chúng sanh), cụ túc thanh mãn, nhứt thiết thiện pháp (khảm đủ đựng đầy, hết thấy phép lành), phật chế Tỷ - kheo, thực tồn ngũ quán (phật dạy thầy Tỷ-kheo, ăn phải giữ năm phép quán), tán tâm tạp thoại, tin thí nan tiêu (toan lớn vầy vá, của tin thí khó tiêu, đại chúng vẫn khánh thanh các chánh niệm (trong đại chúng nghe tiếng khánh đều đầy lòng chính niệm), chấp trì ứng khi đương nguyện chúng sanh (tay vâng bình bát, cầu cho chúng sanh), thành tựu pháp khí, thọ thiên nhơn cúng (trọn nên giống

phép, chịu của trong cõi nhân thiên cúng).

Áng chỉ rị chỉ rị phạ nhưt ra hồng phin tra.

Nguyện đoạn nhưt thiết ác

(nguyện dứt hết thấy việc dữ)

Nguyện tu nhưt thiết thiện (nguyện làm hết thấy đều lành), thệ độ nhưt thiết chúng sanh (thệ độ hết thấy chúng sanh), nhưt kế công đa thiếu lượng bỏ lại xứ (một kế công mình nhiều ít, so kia chỗ đến), nhị thốn kỹ đức hạnh toàn khuyết ứng cúng (hai xét đức hạnh mình đủ thiếu chịu của người cúng), tam phòng tâm ly quá, tham đặng vi tôn, (ba ngăn lòng mình cho khỏi lỗi, nghiệp tham là gốc), tứ chánh sự lương được vi liệu hình khô, (bốn hạng thệt thuốc hay, vi cứu mình gây), ngũ vi thành đạo nghiệp, (mới chịu ăn cơm này, kiết trai tiên niệm chuẩn-đề chú, thứ niệm kệ vân (kiết trai trước tướng chú chuẩn-đề, sau tướng bài kệ này rằng), sở vi bố thí giả, tất hoạch kỳ lợi ích (sửa gọi người bố thí, ắt đặng chỗ lợi ích) nhược vi nhạo bố thí hậu tất đắc an lạc (như vì muốn thí vậy, sau ắt đặng an vui), phạn thực dĩ ngật, đương nguyện chúng sanh (ăn cơm đã rồi cầu cho chúng sanh), sở tác giai biện cụ chủ phạt pháp (chỗ làm đều phải, đủ các phép phạt).

Tẩy bát (rửa bình bát)

Dĩ thử tẩy bát thủy (lấy nước rửa bát này, như thiên cam lộ vị (như mùi cam-lộ ở trên trời), chi dự chư quý thần tất giai hoạch hảo mãn (cúng cho các chúng quý thần thấy khắp đều đặn no đủ).

Áng ma hưu ra tất tóa ha.

Triển bát (lau bát)

Như-Lai ứng lượng khí, ngã kim đặc phu triển đồ (ứng lượng của Như-lai ta nay đặn mở lau), nguyện cúng nhưt thiết chúng, đặng tam luân không tịch (nguyện cúng cho hết thấy chúng cùng ba đàng không vắng).

Áng tư ma ma ni tóa ha.

Thủ chấp dương chi (cầm ngành dương)

Thủ chấp dương chi, dương nguyện chúng sanh (tay cầm ngành dương, cầu cho chúng sanh), giai đắc diệu pháp, cứu cảnh thanh tịnh (đều đặn phép màu, suốt rồi trong sạch).

Áng tác bo phạt thuật đáp tất rị bo đáp rị mo tát bo phạt, óng lam tóa ha.

Tước dương chi (xẻ nhãn ngành dương)

Tước dương chi thời, đương nguyện chúng sanh (khi xẻ nhãn ngành dương, cầu cho chúng sanh), kỳ tâm điều tịnh phệ chư phiền não (sửa lòng hòa sạch nuốt hết các tình buồn rầu).

*Áng a mọ dà di ma lệ nhĩ phạ ca ra tăng du đà
nễ bát đầu ma cu ma ra nhĩ phạ tăng du đà ra
đà ra tố di ma lệ tóa phạ ha.*

Thấu khẩu (súc miệng)

Thấu khẩu liên tâm tịnh, vận thủy bách hoa hương (súc miệng liền lòng sạch, ngậm nước trăm hoa thơm), tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng phát vãng tây-phương (ba nghiệp đều trong sạch, cùng phát qua tây-phương).

Áng hãm áng hãm tóa ha.

Xuất tích trượng (cầm cây tích trượng ra đi)

Chấp trì tích trượng, đương nguyện chúng sanh (cầm giữ gậy tích trượng, cầu cho chúng sanh), thiết đại thí hội, thị như thiết đạo (lập hội thi lớn, bày đạo như thiết).

*Áng na lật thế na lật thế na phiên lật tra bát đẽ
na, lật đẽ na gia bát, nảnh hồng phin tra.*

Thọ thân (chịu của cúng)

Tài pháp, nhị thí đẳng vô sai biệt (của phép, hai cái sánh nhau đều không sai khác), đàng ba la mật cụ túc viên mãn (phép đến bờ kia, khảm đủ tròn rồi), phu đơn tọa thuyền (sửa soạn giường ngồi thành), nhược phu sàng tọa, đương nguyện chúng sanh (bằng lót chỗ sửa soạn ngồi cầu cho cho chúng sanh), khai phu thiện pháp kiến chơn thiết tướng (mở bày phép lành thấy tướng chơn thiết). Chánh thân đoan tọa đương nguyện chúng sanh (vững mình ngồi ngay thẳng cầu cho chúng sanh), tọa bồ-đề tòa, tâm vô sở trước (ngồi trên tòa bồ-đề, lòng không sở muốn).

Áng phạ tắc ra a ni bát ra ni ấp đa da tóa ha.

Thụy miên (ngủ nghỉ)

Dĩ thời tầm tức, đương nguyện chúng sanh (đến khi nằm ngủ nghỉ cầu cho chúng sanh), thân đặc

an ổn tâm vô loạn động (mình đặng lặng an, lòng không rối động), A quán tướng, a tự luân nhưt khi trì nhị thập nhưt biến (quán tướng chữ A vòng tròn một hơi đọc hai mươi một lần).

Thủ thủy (gánh nước)

Nhược kiến lưu thủy đương nguyện chúng sanh (bằng thấy nước chảy cầu cho chúng sanh), đặc thiện ý dục, tẩy trừ hoặc cấu (đặng thỏa lòng muốn, rửa sạch bợn dơ), Nam-mô - Hoang - Hỉ - Trang Nghiêm-Vương-Phật (trở về đức phật Hoang-Hỉ-Trang - Nghiêm-Vương), Nam-mô Bửu-kiết Như-Lai (trở về đức Bửu-Việt-Như-Lai).

Nam-mô-Vô-Lượng-Thắng-Vương-Phật (trở về đức Vô-Lượng-Thắng-Vương-Phật).

Áng phạ tất ba ra ma nĩ lóa ha.

Nhược kiến đại hà đương nguyện chúng sanh (bằng thấy sông lớn, cầu cho chúng sanh), **đặc dự pháp lưu, nhập phật trí hải** (đặng nương giòng phép, vào biển trí phật), **nhược kiến kiều đạo, đương nguyện chúng sanh** (bằng thấy cầu đường,

cầu cho chúng sanh), **quảng độ nhứt thiết**, **du như kiêu lương**) rộng độ hết thảy cũng như cầu đường).

Dục phật (tắm phật)

Ngã kim quán mộc chư Như-Lai (ta nay tắm gội các đức Như-Lai), tịnh trí trang nghiêm công đức tu (trí sạch rục rờ nhóm công đức, ngũ trước chúng sanh linh li cấu (năm trước người chúng sanh khiến khỏi do), đồng chứng Như-Lai tịnh pháp thân (đều chung đặng pháp thân sạch như đức Như-Lai).

Tán phật (khen phật)

Tán phật tướng hảo, đương nguyện chúng sanh (khen phật tướng tốt, cầu cho chúng sanh), thành tựu phật thân, chứng vô tướng pháp (trọn nên thân phật, chứng phép vô tướng).

Áng mâu ni mâu ni tam mâu ni tát phạ ha.

Nhiều tháp (Quanh tháp)

Hữu nhiều ư tháp, đương nguyện chúng sanh (bên hữu doanh chung tháp, cầu cho chúng sanh), sở hành vô nghịch, thành nhứt thiết trí

(chỗ đi không trái, nên hết thấy tri).

Nam-mô tam mẫn đa một đà năm,

Áng đồ ba đồ ba ta bà ha.

Khán bệnh (thăm bệnh)

Kiến tật bệnh như, đương nguyện chúng sanh (thấy người tật bệnh, cầu cho chúng sanh), tri thân không tịch, ly quái tránh pháp (biết thân này trống lạng, bỏ phép đua dành).

Áng thất rị đa, thất rị đa quân tra rị tóa phạ ha.

Thế phát (cạo đầu)

Thế trừ tu phát, đương nguyện chúng sanh (cạo bỏ râu tóc, cầu cho chúng sanh), viên ly phiền não, cứu kinh tịch duyệt (xa lìa tình phiền não, trọn rời vắng lạng).

Áng tất điện đô mạn đa ra bạt đà da ta bà ha.

Mộc dục (tắm gội)

Tây dục thân thể, đương nguyện chúng sanh (tắm gội mình vóc, cầu cho chúng sanh), thân tâm

vô cầu, nội ngoại quang khiết (lòng mình không
dơ, trong ngoài sạch sẽ).

Áng bạt chiếc ra nã ca tra tóa ha.

Tẩy túc (rửa chơn)

Nhược tẩy ư túc, đương nguyện chúng sanh
(bằng rửa nơi chơn, cầu cho chúng sanh), cụ túc
thần lực, sở hành vô ngại (khảm đủ phép thần
lực, chỗ đi không ngăn ngại).

Áng lam tóa ha.

(Mỗi câu chú nào, cũng phải đọc ba lần)

Tỳ-ni nhựt dụng yếu lược

(phép tắc thường dùng rất dón hết rồi)

SA-DI LUẬT-NGHI YÊU LƯỢC

沙彌律儀要略

Bồ-Tát giới đệ tử Vân-Thê tự (giới Bồ-Tát đệ tử ở chùa Vân-Thê), Sa-môn-Châu-hoãn-Tráp (bực Sa-môn tên là ông Châu-Hoãn biên).

Phạm-ngữ Sa-di thử vãn Tức-từ (lời Phạm kêu Sa-di, đây kêu rằng chữ Tức-từ), vị tức ác hành từ (gọi dứt dữ làm lành), tức thế nhiệm nhi từ tế chúng sanh dã (dứt sự nướm đời, mà lành giúp chúng sanh vậy), diệc vãn cần-sách, diệc vãn cầu tịch (cũng kêu là cần-sách cũng kêu là cần-tịch), luật-nghi giả, thập giới luật, chư oai nghi dã (chữ luật-nghi ấy, mười giới luật, các phép tắc vậy).

THƯỢNG-THIÊN GIỚI-LUẬT MÔN

(Thiên trước của môn giới-luật)

Phật chế xuất gia giả (phật dạy kẻ xuất gia), ngũ Hạ dĩ tiền, chuyên tinh giới luật (năm Hạ về

trước, rông chuyên giới-luật), ngũ Hạ dĩ hậu, phương nãi thỉnh giáo tham thuyên (năm Hạ về sau, mới đặng cho học pháp tham thuyên), thị cô Sa-di thể lạc tiên thọ thập giới (ấy cho nên thầy Sa-di cao đầu, trước chịu mười giới), thứ tắc đặng đàn thọ cụ, (sau thời lên đặng chịu giới cụ-túc), kim danh vi Sa-di, nhi bản sở thọ giới (nay gọi là thầy Sa-di, mà gốc chỗ thọ giới), ngu già mang hồ bất tri, cuồng già hốt nhi bất học (kẻ ngậy mờ vậy chẳng biết đũa đại khinh mà chẳng học), tiện nghi lập đặng, vọng ý cao viễn, diệc khả khái hỉ (bèn toan vượt bực, ý muốn cao xa, cũng khá thương vậy), nhưn thủ thập giới, lược giải sở ngữ (nhưn dùng mười giới, lược giải vài lời), sử mông học tri sở hướng phương (cho kẻ mới học biết chỗ nơi tới, hảo tâm xuất gia già, thiết ý tuân hành, thận vật vi-phạm (kẻ hảo tâm đi xuất gia, giốc lòng noi làm, giữ chớ trái phạm), nhiên hậu cận vi Tỳ-kheo giới chi giai thê (vậy sau gần làm thầy Tỳ-kheo giới là tần bực), viên vi Bồ-tát giới chi căn bản, (xa làm Bồ-tát giới là cội gốc), nhưn giới sanh định, nhưn định phát huệ (nhưn giới mà sanh định, nhưn định mà tỏ huệ), thứ cơ thành tựu

thánh đạo, bất phụ xuất gia chi chi hỉ, (ngõ hầu trọn nên đạo phật, chẳng uổng chung chi kẻ xuất gia vậy), nhược lạc quảng lã, tự đương duyệt luật tạng toàn thơ (bằng muốn rộng thấy, mình phải coi trong tạng luật trọn bộ), hậu thập giới xuất Sa-di thập giới kinh (mười giới sau 'đây đem trong kinh Sa-di ra mười giới), Phật sắc Xá-lợi-Phất, vị La-hầu-La thuyết (Phật dạy ông Xá-lợi-Phất, vì ông La-hầu-La mà nói :)

1° Nhứt viết bất sát sanh

(Giới thứ nhứt dạy chẳng sát sanh)

GIẢI VIẾT : (Lời giải rằng :) Thượng chí chư phật, thánh nhơn, sư tăng, phụ mẫu (trên những đến các vị phật, đức Thánh-nhơn, thầy, bạn, cùng cha mẹ), hạ chi quyên phi nhuyển động, vi tế, còn trùng (dưới những đến bò bay, máy cựa nhỏ nhắn loài côn trùng), đảng hữu mạng giả, bất đắc cố sát (chỉn có mạng ấy chẳng nên quyết giết vậy), hoặc tự sát, hoặc giáo tha sát, hoặc kiến sát tùy hỉ (hoặc mình giết, hoặc dạy người giết, hoặc thấy người ta giết vui theo), quảng như luật

trung văn phiên bất lục (rộng như trong luật, văn nhiều chẳng chép), kinh tải đông nguyệt sanh sắt thủ phóng trúc đồng trung (trong kinh có chép mùa đông hay sanh rận, bắt bỏ trong ống tre), noãn dĩ miên như, dưỡng dĩ nhị vật (ấm nó dùng bông tơ, nuôi nó dùng vật mờ - hôi), khủng kỳ cơ đồng nhi tử dã (e sữa đói lạnh, mà nó chết vậy), nãi chí lư thủy, phúc đặng, bất súc miêu ly đặng (những đến lượt nước che đèn, chẳng nuôi loài miêu ly thấy), giai từ bi chi đạo dã (đều chung đạo từ - bi vậy), vi loại thương nhiên, đại giả khả tri hĩ (loài nhỏ còn vậy, việc lớn khá biết), kim nhơn bất năng như thị hành từ, phục gia thương hại khả hồ (người đời nay chẳng đặng làm lành đường ấy, lại thêm giết hại lắm sao), cổ kinh vân : (nên trong kinh có nói rằng :) thi ân tế phạp, sử kỳ đắc an (ra ơn giúp thiếu khiến kia đặng an), nhược kiến sát giả, đương khởi từ tâm (bằng thấy người giết, phải phát lòng lành), y ! khả bất giới dư (than ôi ! khá chẳng răn vậy).

2° Nhị viết bất đạo

(Giới thứ hai chẳng ăn trộm)

GIẢI VIẾT: (Lời giải rằng :) Kim ngân trọng vật, dĩ chi nhứt châm nhứt thảo (vàng bạc của báu, những đến một mũi kim, một ngọn cỏ), bất đắc bất dĩ nhi thủ (chẳng đặng chẳng cho mà lấy), nhược thường trụ vật, nhược tin thí vật, nhược tặng chúng vật (hoặc của thường trụ, hoặc của tin-thí, hoặc của chúng tặng, nhược quan vật, dân vật, nhứt thiết vật (hoặc của quan, của dân, của hết thảy), hoặc đoạt thủ hoặc thiết thủ, hoặc trá thủ (hoặc dặt cướp mà lấy, hoặc ăn trộm mà lấy, hoặc nói dối mà lấy), nãi chi du mạo độ đẳng, giai vi du đạo (những đến trốn thuế, dối dò thảy, đều là ăn trộm cắp). kinh tải, nhứt Sa-di đạo thường trụ quả thất mai (trong kinh có chép một ông thầy Sa-di ăn trộm của thường trụ bảy trái cây), nhứt Sa-di đạo chúng tặng bình sở phiên (một ông thầy Sa-di ăn trộm vài tấm bánh), nhứt Sa-di đạo chúng tặng thạch mật thiếu phân (một ông thầy Sa-di ăn trộm của chúng tặng đường phèn chút đỉnh), cu đọa địa-

ngục (đều sa vào địa-ngục), cổ kinh vân : (cho nên trong kinh có nói rằng :) ninh tỵ đoạn thủ, bất thủ phi tài (thà chịu chặt tay, chớ chẳng chịu lấy của phi-tài), y ! khả bất giới dư, (than ôi ! khá chẳng chừa vay).

3° Tam viết bất dâm

(Giới thứ ba rằng : chẳng dâm)

GIẢI VIẾT : (lời giải rằng :) Tại gia ngũ giới, duy chế tà dâm (kể tại gia năm giới, chỉ chế ngăn việc tà dâm, xuất gia thập giới, toàn đoạn dâm dục (kể xuất gia mười giới, trọn dứt đường dâm dục), đản can phạm thế gian nhưt thiết nam nữ, tất danh phá giới (chỉ can phạm trong đời hết thấy nam nữ, đều kêu rằng phá giới), Lăn-nghiêm tải Bửu-liên-Hương Tì-khêu ni (kinh Lăn-nghiêm có chép bà vãi Tì-khêu, tên là Bửu-liên-Hương), tự hành dâm dục, tự ngôn dâm dục (riêng làm việc dâm dục, bèn nói dâm dục), phi sát phi du, vô hữu tội báo (chẳng phải giết chẳng phải trộm, không có tội báo), toại cảm thân xuất mãnh hỏa, sinh hãm Địa-ngục (bèn mắc

trong mình ra lửa dữ, còn sống mà đã sa vào chốn Địa-ngục), thế-nhơn hơn đục sát thân vong gia (người đời bởi lòng đục, giết mình mất nhà), xuất tục vi tăng, khởi đắc cánh phạm (khởi tục làm ông thầy, đầu lại phạm lỗi), sinh tử căn bản, đục vi đệ nhất (đường sinh tử cội gốc, việc đục là thứ nhất), cổ kinh vân: (nên trong kinh nói rằng:) thâm đục nhi sanh, bất như trình khiết nhi tử (tuy thâm đắm mà sống, chẳng bằng trong sạch mà chết), y! khả bất giới dư! (than ôi! khá chẳng chừa vay!)

4° Tứ viết bất vọng ngữ

(Giới thứ tư chẳng nói dối)

GIẢI VIẾT: (lời giải rằng:) Vọng ngữ hữu tứ (nói dối có bốn), nhất giả vọng ngôn, vi dĩ thị vi phi, dĩ phi vi thị (một ấy là vọng ngôn, gọi lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải), kiến ngôn bất kiến, bất kiến ngôn kiến (thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy), hư vọng bất thiết đẳng (luống dối chẳng thiệt thảy); nhị giả ỷ ngữ: vi trang sức phù ngôn mị ngữ (hai ấy lời nói thêu dệt trau lời,

rằng trau giỏi lời nói dua mị), diễm khúc tình từ, đạo đục tăng bi, đả độn như tâm chí đả độn (uốn éo tình lời, xui đục cho người thêm thương, xiêu lòng dạ người thấy), tam giả ác khẩu, vị thô ác mạ mị như đả độn (ba ấy lỗ miệng dữ, rằng cộc dữ mắng nhiếc người thấy), tứ giả lưỡng thiệt, vị hướng thử thuyết bỉ hướng bỉ thuyết thử (bốn ấy lời nói hai lưỡi, rằng tới chỗ đây nói việc kia, tới chỗ kia nói việc đây), ly gián ân nghĩa, khiêu toa đấu tranh đả độn (xa cách ân nghĩa, kêu gheo đánh giành thấy), nãi chí tiền dự hậu hủy (những đến trước mặt thời khen sau lưng thời chê), diện thị bối phi, chứng nhập như tội (trước mặt nói phải, sau lưng nói quấy, nói tội cho người), phát tuyên như đoán, giai vọng ngữ chi loại dã (bày nói cái xấu cho người, đều chung loài nói dối vậy), nhược phạm phu tự ngôn chứng thánh (bằng người phạm phu, nói mình đã chứng đặng quả thánh), như ngôn ký đắc Tu - đà - Hàm quả (như nói mình đã đặng quả Tu-đà-Hàm), Tu-đà-Hàm quả đả độn (quả Tu-đà-Hàm thấy), danh đại vọng ngữ, kỳ tội cực trọng (kêu nói dối lớn, sửa tội rất nặng), dư vọng ngữ, vị cứu tha cấp nạn (bao nhiêu lời nói

vọng, vì cứu người nạn cấp), phương tiện quyền xảo, từ-bi lợi tế giả bất phạm (chước phương tiện khéo léo, lòng Từ-bi lợi giúp ấy chẳng phạm), cỗ nhờn vị hành kỷ chi yếu, tự bất vọng ngữ thủy (kẻ cỗ - nhờn rằng chúng nẻo nết mình tốt, từ ban đầu chẳng nói dối), hưởng học xuất thế chi đạo hồ (phương chi học chúng đạo xuất thế ôi), kinh tải Sa-di khinh tiểu nhứt lão Tì-Khêu, đọc kinh thanh như cầu phệ (trong kinh có chép ông Sa-di chê trời một ông thầy Tì-Khêu già, đọc kinh tiếng như chó sủa), nhi lão Tì-Khêu giả, thị A-La-Hán (mà ông Tì-Khêu già ấy, thiệt là bực La-Hán), nhờn giáo Sa-di cấp sám (nhờn dạy thầy Sa-di kip sám hối), cần miễn Địa-ngục, du đọa cầu thân (xảy khỏi địa-ngục, còn đọa làm thân con chó), ác ngôn nhứt cú, vi hại chí thử (một lời nói dữ mà hại dường ấy), cổ kinh vân : (cho nên trong kinh có nói rằng :) phủ sĩ xử thế, phủ tại khẩu trung (luận như con người ở đời, búa ở trong lỗ miệng), sở dĩ trăm thân do kỳ ác ngôn (sở dĩ trăm thân do kỳ ác ngôn), y ! khả bất giới dư (than ôi ! khá chẳng chừa vay).

5° Ngũ viết bát âm tửu

(Giới thứ năm chẳng uống rượu)

GIẢI VIẾT : (Lời giải rằng :) Âm tửu giả, vị ẩm nhứt thiết năng túy hơn tửu (chữ âm tửu ấy, rằng uống hết thấy rượu hay say người), Tây-vực tửu hữu đa chương (bên Tây-vực rượu có nhiều món), cam-giá, bồ-đào, cập dĩ bách ba giai khả tạo tửu (vị cam-giá, vị bồ-đào, cùng trăm món hoa đều khả đặt rượu), thứ phương chỉ hữu mễ tạo, cu bất khả ẩm (phương đây chỉ có làm bằng gạo, đều chẳng khả uống), trừ hữu trọng bịnh phi tửu mạc liệu giả (trừ có bịnh nặng, chẳng phải rượu chẳng lành ấy), bách chúng phương phục, vô cố nhứt trích, bất khả triêm thần (thưa trong chúng mới uống, không cỡ gì một nhỏ chẳng đựng vào nhằm môi, nãi chi bất đắc xú tửu (những đến chẳng đựng hửi rượu), bất đắc chỉ tửu xá, bất đắc dĩ tửu ẩm hơn (chẳng đựng đứng nhà rượu, chẳng đựng lấy rượu cho người uống). Nghi-Địch tạo tửu, Vô hơn thống tuyệt (người Nghi-Địch đặt rượu, vua Vô chỉ cấm dứt), Trụ tác tửu trì, quốc dĩ duyệt vong (vua Trụ

sấm ao rượu, cũng bởi đó mà mất nước), tăng nhi ẩm tửu, khả sĩ vuu thậm (ông thầy uống rượu, khá hồ rất lắm), tích hữu Ưu-Bà-Tắc, nhưn phá tửu giới (xưa có ông Ưu-Bà-Tắc, nhưn phá giới rượu), toại tính dư giới, cụ phá tam thập lục thất (bèn gồm các giới đều phá ba mươi sáu việc lỗi), nhưt ẩm bị diên, quá phi tiểu hĩ (một phen uống đủ, lỗi chẳng nhỏ vậy), tham ẩm chi nhưn, tử đọa phát-súy địa-ngục (chưng người tham uống rượu, chết rồi sa vào Địa-ngục Phát-súy), sinh sinh ngu si thất trí huệ chưởng (đời đời mê dại mất giống trí-huệ), mê hồn cuồng được liệt ư ti-châm (hồn mê thuốc dại, dữ hơn vị ti-châm), cố kinh vân : (cho nên trong kinh nói rằng :) ninh ẩm dương đồng, thận vô phạm tửu (thà uống nước đồng sôi, chớ phạm giới rượu), y ! khả bất giới dư (than ôi ! khá chẳng chừa vậy).

**6° Lục viết bất trước hương hoa mạn
bất hương đồ thân**

(Giới thứ sáu rằng : chẳng đeo tràng hương hoa, chẳng lấy hương thơm thoa mình).

GIẢI VIẾT : (lời giải rằng :) Hoa mạn giả, Tây-vực hơn quán hoa tác mạn, dĩ nghiêm kỳ thủ (chữ hoa mạn ấy, người cõi bên Tây-vực, xâu hoa làm tràng, dùng tốt trên đầu), thủ độ tắc tăng nhưng kim bửu (cõi này thì có lụa nhiều vàng báu), chế cân quan chi loại thị dã (chung loài trau giò áo mảo ấy vậy), hương đồ thân giả, Tây-vực quý-nhơn dụng danh hương vi mặt (chữ hương đồ thân ấy, người quý bên Tây-vực, dùng hương tốt làm bột), iinh thanh y ma thân (khiến kẻ con nit thoa vô mình), thủ độ tắc bội hương, huân hương, chi phẩn chi loại thị dã (cõi này thì đeo hương xông hương, chung loài dầu phẩn ấy vậy), xuất gia chi hơn, khởi nghi dụng thủ (chung người xuất gia, há hợp dùng ấy), phật chế tam y, cụ dụng thô sơ ma bố (phật dạy ba phẩm y, đều dùng vải sưa to xấu), thú mao tâm khẩu hại vật thương từ (lông thú miệng tắm, hại vật tổn lành), phi sở ứng dã (chẳng phải chỗ ứng vậy), trừ niên cập thất thập suy đòi chi thậm (trừ tuổi đã đến bảy mươi già yếu rất lắm), phi bạch bất noãn giả (chẳng có lụa chẳng ấm ấy), hoặc khả vi chi, dư cu bất khả (hoặc khá sắm đó, bao nhiêu đều chẳng

nên dùng), Hạ-Võ ố y, Công-Tôn bố bị (vua Hạ-Võ mặc áo xấu, ông Công-Tôn đắp mền vải), vương thần chi quý nghi vi bất vi (bậc vương thần là quý, việc phải làm mà chẳng làm), khởi đặc đạo nhọn, phản tham hoa sức (người đạo đâu đừng trở lại muốn cho xinh tốt), hoại sắc vi phục, phẩn tảo tế hình, cố kỳ nghi hĩ (phá sắc đi mà mặc chắp vá che hình, vốn sửa phải vậy), cổ hữu Cao-tăng tam thập niên trước nhứt lưỡng hài (xưa có ông Cao-tăng ba mươi năm đi một đôi giày), hưởng phạm bối hồ (phương chi người phạm nay sao), y ! khả bất giới dư (than ôi ! khá chẳng chừa vay).

**7° Thất viết bất ca vũ xướng kỳ,
bất vãng quan thính**

(Giới thứ bảy chẳng cho hát múa,
vời đi đến nghe coi).

GIẢI VIẾT : (lời giải rằng :) Ca giả, khẩu xuất ca khúc (chữ ca ấy, từ trong miệng lời ra) vũ giả, thân vi hí vũ (chữ vũ ấy, mình làm việc múa chơi), xướng kỳ giả, vị cầm sắc tiêu quản chi loại thị dã (chữ xướng kỳ ấy, rằng chung loài đàn cầm, đàn

kỳ, ống tiêu, ống quản, ấy vậy), bắt đặc tự tác, diệc bắt đặc tha nhưn tác thời cố vãng quan thính (chẳng đặng mình làm, cũng chẳng đặng khi người ta làm, quyết đến nghe coi), cổ hữu tiên nhưn, nhưn thính nữ ca âm thanh vi diệu, cự thất thần túc (xưa có người tiên bởi nghe đũa con gái hát tiếng tam điệu dàng, thoát mất giây thần túc), quan thính chi hại như thị, hưởng tự tác hồ (nghe coi chừng hại dường ấy, phương chi mình làm sao), kim thế ngu nhưn, nhưn pháp-hoa hữu tỷ - bà - nghiêu - bát chi cú (đời nay người ngu, nhưn trong kinh pháp - hoa có chừng câu tỷ-bà-nghiêu-bát), tư học âm nhạc (cho học nghề âm nhạc), nhiên pháp-hoa nãi cúng dường chư phật, phi tự ngộ dã (song trong kinh pháp - hoa bèn để cúng dường các vị phật, chẳng phải việc mình chơi vậy), ứng viện tác nhưn-gian pháp-sự đạo-tràng du khả vi chi (hợp ở chỗ chùa am, làm việc nhưn - gian, pháp - sự, đạo - tràng, còn khá sắm đó), kim vị sanh tử xá tục xuất gia (nay vì đường sanh tử, bỏ tục đi xuất gia), khởi nghi bất tu chánh vụ (há hợp chẳng làm việc chánh), nhi cầu công kỳ nhạc (mà muốn học nghề nhạc hay), nãi chí vi

kỳ, lục bác, cồ trịch, xu bồ đẳng sự (những đến cò vây, cò lục bác, quăng ném bài bạc các việc thảy), giai loạn đạo tâm tăng trưởng quá ác (đều loạn lòng đạo, thêm lớn lỗi dữ), y ! khả bất giới dư (than ôi ! khá chẳng chừa vạy).

8° Bát viết bất tọa cao quảng đại sàng

(Giới thứ tám chẳng ngồi giường cao rộng lớn).

GIẢI VIẾT : (lời giải rằng:) Phật chế thẳng sàng cao bất quá Như-Lai bát chỉ (Phật dạy phép thẳng sàng, cao chẳng qua tám ngón đực Như-Lai), quá thử tắc phạm (hơn ấy thời phạm), nãi chi tất thể điêu khắc, cập sa quyển trưởng nhục chi loại (những đến chạm trổ, sơn vẽ, cùng chung loài màn chắn lụa là), diệc bất nghi dụng (cũng chẳng hợp dùng), cồ-nhơn dụng thảo vi tọa, tức ư thọ hạ (kể cồ-nhơn dùng cỏ làm tòa ngồi, đem nằm dưới gốc cây), kim hữu sàng tháp, diệc ký thẳng hĩ (nay có giường chõng, cũng đã hơn vạy), hà cánh cao quảng, tủng tứ huyền khu (sao lại muốn cao rộng buông lung vóc huyền), Hiếp-Tôn-Giả nưt sanh hiếp bất trước tịch (ông Hiếp-Tôn-Giả, một đời lưng chẳng

dính chiếu), Cao-phong Diệu-thiên-Sư tam niên lập
nguyện bất triêm sàng tháp (ông Cao-phong Diệu-
thiên-Sư ba năm nguyện đứng, chẳng nường giường
chõng), Ngô-Đạt thọ trầm-hương chi tòa, thượng
tôn phước nhi chiêu báo (ông Ngô-Đạt chịu chung
tòa trầm-hương còn tôn phước mà mắc hoạn báo),
y ! khả bất giới dư (than ôi ! khá chẳng chừa vay).

9° Cứu viết bất phi thời thực

(Giới thứ chín chẳng ăn phi thời).

GIẢI VIẾT : (lời giải rằng :) Phi thời giả, quá
nhứt ngộ, phi tăng thực chi thời phạm dã (chữ phi
thời ấy, qua giờ ngộ rồi chẳng phải chung khi ông
thầy ăn vậy), chư thiên tảo thực, phật ngộ thực,
súc sanh ngộ hậu thực, quý dạ thực (vì chư thiên
ăn khi sớm mai, phật ăn giờ ngộ, loài súc sanh ăn
sau giờ ngộ, quý ăn ban đêm), tăng nghi học phật,
bất quá ngộ thực (đã làm ông thầy học theo phật,
qua giờ ngộ rồi chẳng ăn), nga-quỷ văn uyển bát
thanh, tắc yết trung hỏa khởi (loài nga-quỷ nghe
tiếng chén bát, thời trong cổ bay lửa ra), cố

ngộ thực thượng nghi tịch tịnh, hưởng quá ngộ
hồ (cho nên trong giờ ngộ ăn còn phải cho
vắng vẻ, hưởng qua giờ ngộ sao), tịch hữu
Cao-Tăng văn lân phòng tăng, ngộ hậu cử soạn
(xưa có ông Cao Tăng nghe ông thầy ở gần đơn,
sau giờ ngộ rồi nổi lửa), bất giác thể khắp bi
phật-pháp chi suy tàn dã (thoắt chẳng ngờ sa nước
mắt, khóc thương trong Phật-pháp chung suy tàn
vậy), kim nhơn thể nhược đa bệnh (người nay vóc
yếu nhiều bệnh), dục sắc sắc thực giả (muốn hăng
hăng ăn hoài), nhược bất năng tri thủ giới (bằng
chẳng hay giữ giới ấy), cố cố-nhơn xưng văn thực
vi dược thạch (cho nên kẻ cố-nhơn nói bữa ăn
chiều là thuốc hay), thủ liệu bệnh chi ý dã (dùng
chung ý lành bệnh vậy), tất dã tri vi Phật chế, sinh
đại tâm quý (ắt vậy biết trái lời Phật dạy cả sanh
lòng xấu hổ), niệm nga-quỷ khổ thường hành bi
tế (thương loài quý đói khổ, hăng làm việc cứu
giúp), bất đa thực, bất mỹ thực, bất an ý thực
(chẳng ăn nhiều, cho ngon ăn, chẳng đành lòng mà
ăn), thứ cơ khả nhĩ, như hoặc bất nhiên, đắc tội
di trọng (ngỗ hầu phải vậy, như chẳng đặng vậy,
mắc tội rất nặng), y! khả bất giới dư (than ôi!

khá chẳng răn vạy), vô bịnh ngộ hậu cố thực phi Sa-Di dã (không bịnh gì, quyết mà ăn sau giờ ngộ, chẳng phải thầy Sa-Di vạy).

**10° Thập viết bất tróc trì sanh tượng
kim ngân bửu vật**

(Giới thứ mười chẳng cho cầm giữ đồ
sanh tượng vàng bạc vật báu)

GIẢI VIẾT : (lời giải rằng) : Sinh tức kim dã, tượng tợ dã (chữ sinh là vàng vạy, chữ tượng là giống vạy), tợ kim giả. ngân dã, vị kim sắc sanh bồn tợ huỳnh (giống vàng ấy là bạc vạy, rằng sắc vàng vốn sanh ra màu vàng), ngân khả nhiệm huỳnh tợ kim dã (bạc khá nhuộm vàng giống vàng vạy), bửu, thất bửu chi loại dã (chữ bửu gọi chung loại bảy báu vạy), giai trưởng tham tâm, phùng phể đạo nghiệp (đều lớn lòng tham, dứt bỏ đạo nghiệp), cố phật tại thế thời tăng giai khát thực (cho nên thuở phật còn ở đời, các ông thầy đều đi khát thực), bất lập yên soạn (chẳng lập bếp nấu). y phục phòng thất, tất nhậm ngoại duyên (cơm áo buồng nhà thầy nhờ duyên ngoài), trí kim ngân ư vô dụng chi địa (để vàng bạc nơi chung

chỗ không dùng). tróc tri thượng cấm, thanh khả tri hĩ (cầm giữ còn cấm đó, người thanh khả biết vậy), sừ kim bất cố, thế nho thương nhiên (cuốc đặng vàng chẳng đoái, đời nho còn vậy), Thích tử xưng bần, súc tài hề dụng (minh con họ Thích xưng rằng nghèo, chứa của làm gì), kim nhưn bất năng cu hành khát - thực, (người đời nay chẳng hay làm việc khát-thực), hoặc nhập tông-lâm, hoặc trú am viện, hoặc xuất viên phương (hoặc vào chốn tông-lâm, hoặc ở nơi chùa viện, hoặc đi ra phương xa), diệc vị miễn hữu kim ngân chi phí, (cũng chưa khỏi có chừng tiền vàng bạc). tất dã, tri vi phật chế, sanh đại tâm quý (quyết vậy biết trái lời phật dạy, cả sanh lòng xấu hổ vậy), niệm tha cùng pháp, thường hành bố thí, (thương kia kẻ nghèo đói, hằng làm việc bố-thí) bất vinh cầu, bất súc tích, bất phản mại (chẳng cầu nhiều, chẳng chứa để, chẳng buôn bán), bất dĩ thất bửu trang sức y khí đẳng vật (chẳng lấy bảy báu trau gioi đồ áo mặc các vật), thứ cơ khả nhĩ, như hoặc bất nhiên, đắc tội di trọng (ngỗ hầu khá vậy, như chẳng đặng làm vậy, mắc tội rất nặng) y! khả bất giới dư (than ôi! khá chẳng chứa vậy).

HẠ THIÊN OAI-NGHI-MÔN

(Thiên sau cửa oai-nghi)

下 篇 威 儀 門



Phật chế Sa-Di niên mãn nhị thập dục thọ cụ túc giới thời (Phật dạy Sa-di tuổi đủ hai mươi rồi, khi muốn chịu giới cụ-túc), nhược vấn bất năng cụ đối Sa-Di sự giả, bất ưng dự cụ-túc giới (bằng hỏi chẳng biết đủ việc thầy Sa-Di ấy, chẳng nên cho giới cụ-túc), đương vân khanh tác Sa-Di, nãi bất tri Sa-Di sở thi hành (hiệp nói rằng: nhà người làm thầy Sa-Di mà chẳng biết việc Sa-Di chỗ ra làm), Sa-môn sự đại nan tác (bực Sa-môn việc lớn khó làm), khanh thả khứ thực học, đương tất vấn tri, nãi ưng thọ cụ-túc giới (người vả đi về học cho chín chắn, phải hết nghe biết, bèn cho chịu giới cụ-túc), kim thọ khanh cụ-túc giới, nhưn vị phật-pháp dị hành, Sa-môn dị tác, (nay cho người thọ-giới cụ-túc, rồi người ta nói rằng: phép phật dễ làm, bực Sa-môn cũng dễ làm), cố

đương tiên vấn dĩ hạ điều tắc (cho nên phải hỏi trước sau những phép tắc), ư Sa-Di oai-nghi chư kinh cập cổ thanh quy (trong bộ Sa-Di oai-nghi các kinh cùng bộ thanh-qui xưa), kim Sa - Di thành-phạm trung tiết xuất (nay bộ Sa-Di cả ở trong thiên thành-phạm mà lựa ra), hựu Tuyên-luật-sư hành hộ luật - nghi (lại với ông Tuyên-luật-sư giúp làm bộ luật-nghi), tuy giới tân-học, Tỳ-kheo hữu khả thông dụng giả, diệc tiết xuất (tuy dạy thầy Tỳ-kheo mới học, có chỗ thông dụng ấy cũng lựa ra), lương dĩ mật pháp, nơn tình đa chư giải đãi (vì bởi đời mật pháp, tình người nhiều sanh trễ nải), văn phiến tắc yểm, do thị san phiến thủ yếu (nghe nhiều thời nhàm, bởi ấy bớt nhiều dùng ít), nhưng phân loại dĩ tiện đọc học (chỉn phân loại cho dễ kẻ đọc học) gian hữu vị bị, tưng nghĩa bổ nhập nhứt nhị (trong có chưa đủ, theo nghĩa thêm vào một hai lời), kỳ hữu lạc quảng lãm giả, tự đương kiểm duyệt toàn thư (sữa có muốn rộng coi ấy, mình phải xem xét cho hết bộ luật).

1° Kinh Đại-Sa-Môn đệ nhất
(Kinh ông Đại-Sa-Môn thứ nhất)

Bất đắc hoán Đại-Sa-Môn tự (chẳng đặng kêu tên ông Đại-Sa-Môn), bất đắc đạo thính Đại-Sa-Môn thuyết giới (chẳng đặng trộm nghe ông Đại-Sa-Môn nói giới), bất đắc chuyển hành thuyết Đại-Sa-Môn quá (chẳng đặng trở đi nói việc lỗi ông Đại-Sa-Môn), bất đắc tọa kiến Đại - Sa - Môn quá bất khởi (chẳng đặng ngồi thấy bực Đại-Sa-Môn qua mà chẳng dậy), trừ độc kinh thời, bình thời, thể phát thời, phạn thời, tác chúng sự thời (trừ khi đọc kinh, khi bình, khi cạo đầu, khi ăn cơm, khi làm việc trong chúng), Hành-hộ vân, (thiên Hành-hộ nói rằng) : ngũ Hạ dĩ thượng tức Xà-Lê vị (năm Hạ nhân trước bèn là vị Xà-Lê), thập Hạ dĩ thượng tức Hòa-Thượng vị (mười Hạ nhân trước bèn là vị Hòa-Thượng), tuy Tỷ-Kheo sự, Sa-Di đương dự tri chi (tuy là việc thầy Tỷ-Kheo, mà thầy Sa-Di phải dự biết đó).

2° Sự sự đệ nhị (thờ thầy thiên thứ hai)

Đương tảo khởi dục nhập hộ, đương tiên tam đàn

chỉ (như sớm mai dậy muốn vào trong cửa, trước phải khảy móng tay ba lần), nhược hữu quá, Hòa-Thượng, A-Xà-Lê giáo giới chi, bất đắc hườn nghịch ngữ (bằng có lỗi, vị Hòa-Thượng, vị A-Xà-Lê răn dạy đó, chẳng nên nói nghịch lại), thị Hòa-Thượng, A-Xà-Lê, đương như thị phạt (coi vị Hòa-Thượng, vị A-Xà-Lê, cũng như coi phạt), nhược sử xuất bất tịnh khí, bất đắc thóa, bất đắc nô khuê (bằng khiến đồ đồ chi chẳng sạch, chẳng đặng nhỏ nước miếng, cũng chẳng đặng giặt giũ), nhược lễ bái, sư tọa thiền, bất ưng tác lễ (bằng làm lễ lạy, thầy ngồi thiền chẳng nên làm lễ), sư kinh hành bất ưng tác lễ (thầy đi kinh hành, chẳng nên làm lễ), sư thực, sư thuyết kinh, sư sơ xỉ, sư tháo dục, sư miên tức đặng, cu bất ưng tác lễ (thầy ăn cơm, thầy nói kinh, thầy xỉ răng, thầy tắm gội, thầy ngủ nghỉ thấy, chẳng nên làm lễ), sư bế hộ, bất ưng hộ ngoại tác lễ (thầy đóng cửa, chẳng nên ở ngoài cửa làm lễ), dục nhập hộ tác lễ, ưng đàn chỉ tam biến (muốn vào trong cửa làm lễ, phải khảy móng tay ba lần), sư bất ưng, ưng khứ (thầy chẳng đáp nên đi), tri sư âm thực, giai đương lưỡng thủ bông, thực tất, liêm khi đương

từ từ (bung đồ thầy ăn, phải bung hai tay, ăn rồi dọn đồ ăn nên se se), thị sư bắt đặc đối diện lập (hầu thầy chẳng nên đứng ngang mặt thầy), bắt đặc cao xư lập, bắt đặc thái viên lập (chẳng đặng đứng chỗ cao chẳng đặng đứng rất xa), đương linh sư tiểu ngữ đặc văn. bắt phi tôn lực (nên khiến thầy có nói nhỏ đặng nghe chẳng hao sức thầy), nhược thỉnh vấn Phật pháp như duyên, đương chỉnh y lễ bái, hiệp chưởng hồ quỳ (như cầu thừa việc trong Phật pháp phải sửa áo làm lễ, quỳ gối chấp tay), sư hữu ngữ trưng tâm để thính, tư duy thâm nhập (thầy có dạy phải lặng lòng nghe xét nghĩ nhớ lấy), nhược vấn gia thường sự, bắt tu bái quỳ (bằng thừa hỏi việc nhà thường, chẳng phải lay quỳ), dẫn đoan lập sư trắc, cứ thiết thân bạch (chỉ đứng ngay thẳng bên thầy, cứ lời thiết thừa bạch), sư nhược thân tâm quyện, giáo khừ ưng khừ (như mình thầy mệt mỏi, dạy lui thì phải lui), bắt đặc tâm tình bất hĩ, hiện ư nhan sắc (chẳng đặng lòng dạ chẳng vui, bày nơi sắc mặt), phạm hữu phạm giới đặng sự, bắt đặc phú tàng, tốc nghệ sư ai khát sám hối (hễ có phạm giới ác việc, chẳng đặng che giấu, mau tới thầy cầu

xin thương mà sám hối), sư hứa tặc tận tình phát lộ (thầy cho thi hết lòng bày tỏ), tinh thành hối cải, hoàn đắc thanh tịnh (chuyên lòng thành đổi lỗi, rồi đặng trong sạch), sư ngữ vị liễu, bất đắc ngữ (thầy nói chưa rồi, chẳng đặng nói), bất đắc hí tọa sư tòa, cập ngoạ sư sàng, trước sư y mạo đặng (chẳng đặng ngồi chơi chỗ thầy, cùng nằm giường thầy, mặc áo, đội mũ của thầy thầy), vị sư trì đạt thơ tin, bất đắc tự tự chiết khán (vì thầy đem thấu tin thơ, chẳng đặng riêng mình dỡ coi), diệc bất đắc dự nhưn khán (cũng chẳng đặng cho người coi), đáo bỉ hữu vấn, ưng đáp, tặc thiệt đối, bất ưng đáp, tặc thiện từ khước chi (tới kia có hỏi, việc phải thưa, thì thưa thiệt, chẳng phải thưa thời khéo lời lui đi), bỉ lưu bất đắc tiện trú, đương nhứt tâm tư sư vọng qui (kia có cầm chẳng đặng ở lại, nên một lòng nhớ thầy trông về), sư đối tân, hoặc lập thường xứ, hoặc ư sư trác, hoặc ư sư hậu (thầy nói chuyện cùng khách, hoặc đứng chỗ thường, hoặc đứng bên thầy, hoặc đứng sau lưng thầy), tất sử nhĩ mục tương tiếp, hậu sư sở tu (ắt cho lỗ tai con mắt liền nối nhau, hầu thầy cho sửa hẳn), sư tật bệnh

nhứt nhứt dụng tâm điều trị (thầy có đau ốm mỗi mỗi dùng lòng thuốc thang hòa trị), phòng thất bị nhục nhược nhĩ chúc thực đẳng (buồng, nhà, mền, nệm, thuốc thang, cơm cháo thầy), tri y thọ lý tẩy hoản hồng sai đẳng (cầm áo, trao giày, giặt rửa, hong phơi vậy thầy), cụ ư luật trung, tư bất phồn lục (đủ như trong luật, văn nhiều chẳng chép).

Phụ (Lời phụ).

Phàm thị sư, bất mạng chi tọa, bất cảm tọa (hễ hầu thầy chẳng dạy mình ngồi, chẳng dám ngồi), bất vấn, bất cảm đối (chẳng hỏi chẳng dám thưa), trừ tự hữu sự dục vấn (cho như mình có việc muốn hỏi), phàm thị lập, bất đắc ỷ bích kiếu ỷ (hễ đứng hầu thầy chẳng dặng nương vách dựa ghế), nghi đoan thân tề túc trắc lập (phải cho ngay mình bằng chun đứng một bên), dục lễ bái, nhược sư chỉ chi, nghi thuận sư mạng vật bái (muốn làm lễ, bằng thầy ngăn đó, phải thuận theo mạng thầy, chớ lạy), phàm sư dữ khách đàm luận thiệp đạo thoại hữu ích thân tâm giả, giai đương ký thủ (phàm khi thầy

cùng khách nói chuyện nhằm trong lời đạo có ích cho mình ấy, đều phải nhớ lấy), sư hữu sở sử, linh nghi cập thời tác biện, bất đắc vi mạn (thầy có chỗ dạy, phải kịp giờ làm xong, chẳng đặng trái trề), phạm thụy miên bất đắc tiên sư (phạm ngủ nghỉ, chẳng nên trước thầy), phạm nhơn vấn sư huy, đương vân thượng mô, hạ mô (hễ người hỏi tên thầy, phải nói trên chữ gì, dưới chữ gì, phạm đệ tử đương trách mình sư cứu cứu thân cận (phạm đệ tử phải lựa ông minh-sư, lâu lâu nương gần), bất đắc ly sư thái tảo (chẳng nên cách thầy rất sớm), như sư thiết bất minh, đương biệt cầu lương đạo (như thầy thiết chẳng tỏ, phải riêng cầu ông lương-đạo), thiết ly sư, đương ức sư hồi (dẫu cách thầy, phải nhớ lời thầy dạy), bất đắc túng tình tự dụng, tùy thế tục lưu hành bất chánh sự (chẳng nên lung ý mình dùng, theo thói thế tục làm việc chẳng chánh), diệc bất đắc trú thị, tỉnh náo xứ (cũng chẳng nên ở chỗ chợ, giếng đông đảo), bất đắc trú thần miếu (chẳng nên ở chốn miếu thần), bất đắc trú dân phòng, bất đắc trú cận ni tự xứ (chẳng nên ở nhà dân, chẳng nên ở gần chỗ chùa bà vãi), bất đắc dư sư các trú, nhi hành thế

pháp trung nhưt thiết ác sự (chẳng nên sánh với thầy đều ở, mà làm hết thấy việc dữ trong đời).

3. Tùy sự xuất hành đệ tam

(Theo thầy ra đi thứ ba)

Bất đắc quá lịch nhơn gia, bất chỉ trú đạo biên cọng nhơn ngữ (chẳng nên trải qua nhà người, chẳng nên đứng lại bên đường cùng người nói chuyện), bất đắc tả hữu cố thi, đương đệ đầu tùy sự hậu (chẳng nên liếc mắt ngó hai bên, phải cúi đầu theo sau thầy), đáo đàn-việt gia, đương trú nhưt diện (đến nhà bôn-đạo, phải đứng một phía), sư giáo tọa, ưng tọa (thầy dạy ngồi, mới ngồi), đáo tha tự viện, sư lễ phật, hoặc tự lễ, bất đắc thiện tự minh khánh (đến chùa am khác, thầy lạy phật, hoặc mình lạy, chẳng nên chuyên mình đánh khánh), hoặc sơn hành, đương trì tọa cụ tùy chí, (bằng đi lên núi, phải cầm cái cụ đi theo), nhược viễn hành, bất đắc tương ly thái viễn (bằng đi đàng xa, chẳng dặng cách thầy rất xa), nhược quá độ, đương trì trượng từ thí thiên thâm (bằng lội qua chỗ nước, phải cầm gậy dò thử cạn sâu), trì bình

huề tích đặng, cụ như luật trung, văn phiên bất lục (mang bình-bát, cầm tích-trượng thấy, đủ như trong luật văn nhiều chẳng chép).

Phụ (Lời phụ).

Nhược ngẫu phân hành, ước ư mỗ xứ hội, bất đắc hậu thời (bằng hai người chia nhau ra đi, hẹn đến chỗ nào gặp, chẳng đặng đến sau), sư thọ trai, đương thị lập xuất sanh trai tất, phục thị lập thâu tẩn (thầy ăn cơm phải đứng hầu đi xuất sanh, ăn rồi phải đứng hầu dọn đồ ăn).

4. Nhập chúng đệ tứ

(Vào ở trong chúng thứ tư)

Bất đắc tranh tọa xứ, bất đắc ư tọa thượng điều tương hô ngữ tiểu (chẳng nên dành chỗ ngồi, chẳng nên trên tòa xa kêu nhau nói cười), chúng trung hữu thất nghi, đương ần ác dương thiện (trong chúng có lỗi phép, phải dấu dờ bày lành), bất đắc phạt lao hiển kỷ chi công (chẳng nên khoe nhọc, tỏ chưng công mình), phạm tại xứ thụ bất tại nhơn tiền, khởi bất tại nhơn hậu

(hễ ở chỗ nào, ngủ chẳng dặng trước người, dậy chẳng dặng sau người), phạm tẩy diện bất đắc đa sử thủy (hễ rửa mặt, chẳng nên khiến nhiều nước), sát nha thổ thủy, tu đề đầu dân thủy hạ (xỉa răng nhờ nước, phải cúi đầu đem nước xuống), bất đắc phun thủy tiền nhơn (chẳng nên phun nước văng nhằm người), bất đắc cao thanh tử thể ầu thổ (chẳng nên cao tiếng hỉ mũi khạt nhờ), bất đắc ư điện tháp, cập tịnh thất, tịnh địa, tịnh thủy trung thể thóa (chẳng dặng nơi chùa tháp, cùng trong nhà sạch, đất sạch, nước sạch, khạc nhờ), đương ư tịch xứ (phải nơi chỗ khuất vắng), khiết trà thang thời, bất đắc chích thủ ấp nhơn (khi uống nước trà chẳng dặng một tay đưa cho người), bất đắc hương tháp tẩy xỉ, cập hương Hòa-Thượng A-Xà-Lê dặng (chẳng dặng đến tháp súc miệng, với trước vị Hòa-Thượng, bậc A-Xà-Lê thầy), phạm văn chung thanh, hiệp chưởng mặc niệm (hễ nghe tiếng chuông chấp tay thầm tưởng bài kệ rằng) : Văn chung thanh, phiền não khinh, trí-huệ trưởng, Bồ-đề sanh (nghe tiếng chuông, phiền não nhẹ, trí-huệ lớn, sinh đạo Bồ-đề), ly địa-ngục,

xuất hỏa khanh, nguyện thành phật, độ chúng sanh (khỏi địa-ngục, ra hầm lửa, cầu nên phật, độ chúng-sanh).

Áng già ra để da lóa ha.

Bất đắc đa tiểu, nhược đại tiểu, cập kha khiếm, đương dĩ y trực yểm khẩu (chẳng đặng cười nhiều, hoặc cười lớn với ợ ngáp phải lấy tay áo che miệng), bất đắc cấp hành (chẳng nên đi mau), bất đắc tương phật đặng, tư tựu kỷ dụng (chẳng nên đem đèn trên bàn phật, riêng để mình dùng), nhược nhiên đặng đương hảo, dĩ trắc mật phúc (bằng đèn đương cháy tốt, phải lấy lông che kín), vật linh phi trùng đầu nhập (chớ cho con trùng bay nhẩy vào), cúng phật hoa, thủ khai viên giả, bất đắc tiên xú (bỏ hoa cúng phật, dùng bông nở tròn ấy, chẳng nên ngửi trước), trừ nuy giả, phương cúng tân giả (bỏ bông héo ấy, phải cúng bông mới), nuy giả bất đắc khí địa tiền đạp (héo ấy chẳng nên bỏ đất đi đạp), nghi trí bình xú (phải để chỗ khuất), bất đắc văn hô bất ứng (chẳng nên nghe kêu chẳng đạp), phạm hô cu nghi dĩ niệm phật ứng chi (hễ kêu đều phải lấy câu niệm

phật đáp đó), phạm thập di vật, tức đương bạch chủ-sự tăng (hễ lượm của rớt, bèn phải thừa thầy chủ-sự).

Phụ (Lời phụ).

Bất đắc dĩ niên thiếu Sa-Di kết hữu (chẳng nên cùng ông Sa-Di tuổi nhỏ mà kết bạn), bất đắc tam y cầu giãn (chẳng đặng ba phẩm y lây lất), bất đắc đa tác y phục (chẳng đặng sắm nhiều đồ áo mặc), nhược hữu dư đương xá (bằng có dư phải cho), bất đắc biện tinh tri điều phất ngoạn khí đẳng (chẳng nên sắm dây lưng sửa sang đồ chơi thảy), trang điểm giang-hồ, thủ tiểu thức giả (trau dồi thói giang-hồ, kẻ biết cười ấy), bất đắc trước sắc phục, cấp loại tục hơn y sức đẳng (chẳng đặng mặc đồ sắc phục, cùng theo loài người tục áo tốt thảy), bất đắc bất tịnh thủ tháp y (chẳng đặng tay chẳng sạch đắp y), phạm thượng điện, tu thúc phục khổ miệt (hễ lên chùa phải bó buộc ống quần), bất đắc phóng ý tự tiện (chẳng nên buông ý mình dưng), bất đắc nhân tẩu, bất đắc đa ngôn (chẳng nên chạy chơi, chẳng nên nói nhiều), bất đắc tọa thị đại-chúng lao vụ, tỵ lại du

an (chẳng nên ngồi coi trong đại-chúng làm việc nhọc, trốn lánh trộm yên), bắt đặc tư thủ chiêu đề trúc mộc, hoa quả sơ thể, nhứt thiết ẩm thực, cập nhứt thiết khí vật đẳng (chẳng nên riêng lấy của chiêu đề, tre cây hoa trái, cải rau bao nhiêu đồ ăn uống với tất cả đồ vật thủy), bắt đặc đàm thuyết triều-đình công phủ chánh sự đặc thất (chẳng nên luận nói việc chánh trong triều-đình chốn công-phủ đặng mất), cập bạch-y gia trường đoản hảo ố (cùng nhà thế-gian việc dài ngắn tốt xấu), phạm tự xưng đương cử nhị tự pháp-danh bắt đặc vân ngã cập tiểu tăng (phải xưng tên mình phải nói hai chữ pháp-danh, chẳng nên nói ta cùng kẻ tiểu-tăng), bắt đặc nhưn tiểu-sự tranh chấp nhược đại sự nan nhân giả (chẳng đặng nhưn việc nhỏ đua tranh bằng việc lớn khó nhin ấy), diệc tu tâm bình khí hòa, dĩ lý luận biện, bất khả tắc từ nhi khứ (cũng phải lòng bình khí hòa, lấy lý luận nói, chẳng đặng khéo lời mà lui), động khí phát thô, tức phi hảo tăng dã (nói ngang bày xấu, chẳng phải kẻ hảo tăng vậy).

Tùy chúng thực đệ ngũ

(Theo chúng đi ăn thứ năm)

Văn kiện chùy thanh, tức đương chỉnh y phục (nghe tiếng kiện chùy, bèn phải sửa đồ áo phục), lâm thực chú nguyện giai đương cung kính (khi ăn chú nguyện đều phải cung kính). Xuất sinh phạm bất quá thất liệp, miễn bất quá nhứt thốn (cơm xuất sinh chẳng hơn bảy hột, bún chẳng hơn một tấc). Mạn đầu bất quá chỉ-giáp hứa (bánh ít chẳng cho hơn đầu móng tay), đa tắc vi tham, thiểu tắc vi kiện (nhiều thời là tham ít thời là tiện). Kỳ dư sơ thể đậu - hủ bất xuất (sữa bao nhiêu cái rau đậu-hủ chẳng xuất sanh). Phạm xuất sanh, an ta chưởng trung tướng niệm kệ vân (hễ xuất sanh phải để trong tay bên tả, tướng niệm lời kệ rằng) : Nhữ đẳng quý thần, chúng ngã kim thí nhữ cúng (các người chúng quý thần, ta nay cúng cho các người), thử thực biến thập phương nhứt thiết quý thần cộng (cơm này khắp mười phương, hết thấy quý thần chung), phạm dục thực, tắc ngũ quán tướng (hễ muốn ăn phải tướng năm phép quán). Nhứt kế công đa thiểu, lượng bỉ lai

xử (một kẻ công nhiều ít, nghĩ kia chỗ đem đến). Nhị thôn kỹ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng (hai xét đức hạnh mình, đủ thiếu chịu của cúng) tam phòng tâm ly quá tham đẳng vi tôn (ba ngăn lòng khỏi lỗi lòng tham thấy, thấy là gốc), tứ chính sự lương nhược, vị liễu hình khô (bốn chính việc thuốc hay, vì đã hình gầy). Ngũ vi hành đạo, cố phương thọ thử thực (năm làm nên đạo nghiệp, mới chịu ăn cơm này). Vô khả thực hảo ố (chớ chê đồ ăn ngon dở), bất đắc dĩ thực tứ sở dĩ, nhược trích dự cầu (chẳng đáng lấy cơm riêng mà cho, hoặc quăng cho chó), lai ich thực bất đắc ngôn bất dụng (đem thêm đồ ăn chẳng nên nói chẳng dùng). Nhược dĩ bảo đương dĩ thủ nhược khước chi (bằng no rồi, phải lấy tay nhường lui đi), bất đắc trảo đầu, sử phong tiết lạc lân bát trung (chẳng nên gãi đầu, khiến bay bụi trong bát người gần), bất đắc hàm thực ngữ (chẳng nên ngậm cơm mà nói), bất đắc tiểu đàm tạp thoại (chẳng nên cười nói bậy bạ), bất đắc tước thực hữu thanh (chẳng nên nhai cơm có tiếng), như dục khiêu nha, dĩ y trực yếm khâu (bằng muốn xỉa răng, lấy tay áo che miệng). Tự

trung hoặc hữu trùng nghị nghị mật yểm tàng chi (trong cơm hoặc có kiến bọ phải kín che dấu đó), mạc linh lân đơn kiến, sinh nghị tâm (chớ cho kẻ gần đơn thấy sinh lòng nghị), Đương nhứt tọa thực, bất đắc thực ngật, ly tọa cánh tọa thực (phải ngồi ăn một chỗ, chẳng nên ăn rồi bỏ chỗ ngồi, lại ngồi ăn chỗ khác). Bất đắc thực ngật, dĩ thủ chỉ quát uyển bát thực (chẳng nên ăn rồi, lấy ngón tay vét chén bát mà ăn). Phạm thực bất đắc thái tốc, bất đắc thái trì (hễ ăn chẳng nên mau lắm, chẳng nên chậm lắm). Hành thực vị chí, bất đắc sinh phiền não (đem đồ ăn chưa đến chẳng nên sinh lòng buồn rầu), hoặc hữu sở nhu, mặc nhiên chỉ thọ, bất đắc cao thanh đại hoán (hoặc có chỗ dùng, lặng vậy trao tay, chẳng nên cao tiếng kêu lớn). Bất đắc uyển bát tác thanh, bất đắc thực tất tiện khởi (chẳng nên dậy tiếng chén bát, chẳng nên ăn rồi dậy trước). Nhược vi tăng chế văn bạch chùy, bất đắc can cự bất phục (bằng lời thầy dạy, nghe tiếng bạch chùy, chẳng nên kinh chúng chẳng chịu). Phạm trung hữu cốc, khử bì thực chi (trong cơm có lúa, bỏ vỏ ăn đi).

Phụ (Lời phụ)

Bất đắc kiến mỹ vị, sinh tham tâm, tứ khẩu thực, bất đắc thiên chúng thực (chẳng nên thấy đồ ngon, sinh lòng tham luống miệng ăn chẳng nên ăn mếp chúng).

6° Lễ bái đệ lục (Phép lạy thứ sáu)

Lễ bái bất đắc chiếm diện trung ương, thị Trụ-trì vị (làm lễ chẳng nên đứng giữa chùa, ấy là vị Trụ-trì). Hữu nhân lễ Phật bất đắc hướng bỉ nhân đầu tiên kinh quá (có người lạy Phật chẳng nên đi qua trước đầu người kia). Phạm hiệp chưởng bất đắc thập chỉ sâm si (hề chấp tay, chẳng nên mười ngón so le). Bất đắc trung hư, bất đắc tương chỉ áp tị trung (chẳng nên giữa trống, chẳng nên đem ngón tay nhét trong mũi). Tu bình hung, cao đê đắc sở (cho bằng hông cao thấp có sưa đặng chừng). Bất đắc phi thời lễ bái, như dục phi thời lễ, tu đãi nhân tịnh thời (chẳng nên lễ lạy chẳng phải thời, bằng muốn lạy, phải đợi khi người ta vắng). Sư lễ Phật bất đắc dữ sư tịnh lễ, đương tùy hậu viên bái (Thầy lạy Phật chẳng

đặng cùng thầy đồng lạy, phải lạy theo thầy sau xa). Sư bái nhưn, bắt đặc dữ sư đồng bái (Thầy lạy người chẳng nên cùng thầy đồng lạy). Tại sư tiền bắt đặc dữ đồng loại tương lễ (ở trước thầy chẳng nên cùng người đồng bậc lạy nhau). Tại sư tiền, bắt đặc thọ nhân lễ (ở trước thầy chẳng nên chịu người lạy). Kỹ thủ trì kinh tượng bắt đặc vị nhân tác lễ (tay mình cầm kinh tượng chẳng nên vì người làm lễ).

Phụ (Lời phụ)

Phàm lễ bái tư tinh thành tác quán (Hệ lễ lạy, phải tinh thành dấy tượng). Giáo liệt thất chủng lễ, bất khả bất tri (dạy bày bảy phép lạy chẳng khá chẳng biết).

7° Thỉnh pháp đệ thất

(Nghe phép thiên thứ bảy)

Phàm ngộ cội thượng đường bài, nghi tảo thượng đường (hệ gập treo bảng trước giảng đường, phải sớm lên nhà giảng). Mạc đại pháp cổ

đại lời (chờ chờ trống pháp hồi nhất). Chính lý y phục, binh thị trực tấn (sửa sang áo mặc bằng ngó thẳng đi tới trước). Tọa tất đoan nghiêm, bất đắc loạn ngữ (ngồi phải đoan nghiêm chẳng nên nói bậy). Bất đắc đại khái thóa (chẳng nên khạc giở lớn).

Phụ (Lời phụ)

Phàm thành pháp, tu văn nhi tư, tư nhi tu (hễ nghe pháp phải nghe mà nhớ, nhớ mà tu). Bất đắc chuyên ký danh ngôn, dĩ tư đàm binh (chẳng nên riêng nhớ lời hay, lấy giúp khoe khoang). Bất đắc vị hội xưng hội, nhập nhĩ xuất ngôn (chẳng nên chưa tỏ nói tỏ, vào lỗ tai ra lỗ miệng). Niên thiếu Sa-di giới lực vị cố, nghi cánh học luật, bất đắc tảo phó giảng diên (thầy Sa-di tuổi nhỏ, giới lực chưa đủ, ịai phải học luật, chẳng nên sớm tới trường giảng).

8° Tập học kinh điển đệ bát

(Tập học kinh luật thứ tám)

Nghi tiên học luật, hậu học tu-đa-la, bất đắc

vi viết (trước phải học luật, sau học đến kinh, chẳng nên trái vọt). Phàm học nhứt kinh, tu tiên bạch sư, kinh hoàn cảnh bạch, biệt học mỗi kinh (hễ học mỗi kinh, trước phải thưa thầy, học kinh ấy rồi lại thưa, sang học kinh khác). Bất đắc khẩu xuy binh thượng trần (chẳng nên miệng thổi bụi trên kinh), Bất đắc kinh án thượng bao tàng trà mật tạp vật (chẳng nên trên kệ kinh gói dẫu trà vật đồ bày). Nhân duyệt kinh, bất đắc cận bỉ án tiền kinh hành (người coi kinh, mình chẳng nên đi qua gần trước ghế họ). Phàm kinh tích tổn hoại, nghi tốc tu bổ (hễ kinh sấm hư rách, phải mau bồi sửa). Sa-di bồn nghiệp vị thành, bất đắc tập học ngoại thư, Tử, Sử trị thể điển chương (thầy Sa-di bồn nghiệp chưa nên, chẳng đặng tập học sách ngoài bộ Tử, Sử sách vở trị đời).

Phụ (Lời phụ)

Bất đắc gián ứng phó đạo - trường kinh tập học (chẳng đặng lựa kinh ứng phó đạo-trường mà tập học). Bất đắc tập học nguy - tạo kinh điển (chẳng đặng tập học kinh sách nguy - tạo). Bất đắc tập

học Mạng-thơ, Tướng-thơ, Y-thơ, Binh-thơ, Bốc-phệ thơ, Thiên-văn thơ, Địa-lý thơ, Đồ-sấm thơ, (chẳng được tập học sách Mạng, sách Tướng, sách Thuốc, sách Binh, sách Bói, sách Thiên-văn, sách Địa-lý, sách Đồ-sấm). Nãi chi lô-hỏa, huỳnh-bạch, thần - kỳ, quý - coi, phù - thủy, đẳng thơ (những đến phép lô-hỏa, huỳnh-bạch, thần-kỳ, quý-coi, phù-thủy đẳng các sách). Bất đắc tập học tuyên quyền đã kệ), chẳng nên tập học nói lớp bài kệ). Bất đắc tập học ngoại đạo thơ (chẳng nên tập học sách ngoại đạo). Trừ trí lực hữu dư, vị dục tri nội ngoại giáo thâm thiên giả (trừ người trí lực có dư, vì muốn biết trong ngoài giáo pháp cạn sâu). Khả dĩ thiệp liệp, nhiên vật sinh tập học tướng (khả dùng trải qua, song chẳng sinh lòng tập học). Bất đắc tập học thi từ (chẳng nên tập học lời thi từ, bất đắc trước tâm học tự cầu công, dẫn thơ tả đoạn khái tức hĩ (chẳng đặng giốc lòng học chủ cầu hay, chỉ viết đủ nét ngay thẳng vậy). Bất đắc ô thủ chấp tri kinh (chẳng đặng tay dơ cầm lấy kinh). Đối kinh diễn như đối Phật bất đắc hi tiểu (sánh với kinh diễn như sánh với Phật chẳng đặng cười giỡn), bất đắc án

thượng lang tạ quyền dật (chẳng dặng trên ghé kinh lớp lang bảy bạ), bất đắc cao thanh động chúng (chẳng dặng cao tiếng động chúng), bất đắc tá nhân kinh khán bất hoàn, cập bất gia ái trọng, dĩ trí tổn hoại (chẳng dặng mượn kinh người coi chẳng trả, cùng chẳng thêm lòng thương tiếc, để cho hư nát).

9° Nhập tự viện đệ cửu

(Vào chùa am thứ chín)

Phàm nhập tự môn, bất đắc hành trung ương (hễ vào cửa chùa, chẳng dặng đi chính giữa,) tu duyên tả hữu biên hành (phải quanh bên tả, bên hữu mà đi), duyên tả tiên tả túc, duyên hữu tiên hữu túc (quanh bên tả, chun bên tả bước trước, quanh bên hữu, chun bên hữu bước trước), bất đắc vô cố dặng đại-điện du hành (chẳng dặng không có chi, lên chốn đại-điện đi chơi), bất đắc vô cố dặng tháp (chẳng dặng không việc gì lên tháp), nhập điện-tháp đương hữu nhiều, bất đắc tả chuyển (vào chùa tháp phải quanh bên hữu, chẳng dặng quanh bên tả), bất đắc điện, tháp

trung thể thóa (chẳng đặng trong chùa, tháp hỉ nhỏ), nhiều tháp hoặc tam tráp, thất tráp, nãi chí thập bách tráp, tu tri biến số (quanh tháp hoặc ba vòng, bảy vòng, những đến mười, trăm vòng, phải biết chừng mấy), bất đắc dĩ lập, trượng đặng, ý diện bích (chẳng đặng đem gậy, nón thầy, dựng vào vách chùa).

10° Nhập Thiên-đường tùy chúng đệ thập

(Vào nhà Thiên theo chúng thứ mười)

Đơn thượng bất đắc cử y bị, tác thanh phiến phong, sử lân đơn động niệm (trên đơn chẳng đặng xủ áo màn, bay bụi khiến đơn gần động niệm); hạ sàng mặc niệm kệ vân : (xuống đơn thăm tưởng bài kệ rằng :) Tùng triêu dần dần trực chí mộ, nhứt thiết chúng sanh tự hồi hộ (từ sớm giờ dần thẳng đến tối, hết thấy mình phải giữ gìn cho chúng sanh), nhược ư túc hạ tán kỳ hình, nguyện nhữ tức thời sanh Tịnh-độ (bằng nơi dưới chun mắt sửa hình, nguyện người bây giờ về Tịnh-độ), bất đắc đại ngữ cao thanh (chẳng nên nói to lớn tiếng), khinh thủ yết liêm, tu thù hậu thủ (nhẹ

tay cuốn sách, phải đỡ tay sau), bắt đặc đả hải tác thanh (chẳng nên kéo giày nổi tiếng, chẳng nên hơ hen lớn tiếng), bắt đặc lân đơn giao đầu tiếp nhĩ, giảng thuyết thế sự (chẳng nên đơn gần giao đầu kê tai, luận nói việc thế sự), hoặc hữu đạo bạn thân tình tương khán, đường trung bắt đặc cứu thoại (hoặc có tình quen đạo bạn thăm nhau, trong nhà thiền chẳng nên nói lâu), tương yêu lâm hạ thủy biên, nãi khả khuynh tâm đàm luận (đem nhau dưới rừng bên nước, mới khả hết lòng luận nói), nhược khán kinh, tu đoạn thân, trừng tâm mặc ngoạn, bắt đặc xuất thanh (bằng coi kinh phải vững mình, trong lòng lặng coi, chẳng dặng ra tiếng), nhị bản minh, tức nghi tảo tiến đường (đánh bản nhị bên phải sớm tới nhà giảng), qui vị mặc niệm kệ vân : (đến chỗ ngồi thăm tưởng bài kệ rằng :) chánh thân đoạn tọa, đương nguyện chúng sanh, tọa Bồ-đề tòa, tâm vô sở trước (sửa mình ngồi ngay thẳng, cầu cho chúng sanh, ngồi tòa Bồ-đề, lòng không chỗ muốn).

Phụ (Lời phụ)

Bắt đặc xuyên đường trực quá (chẳng nên đi tắt ngang qua nhà thiền), thượng đơn hạ đơn, cu

đương tế hạnh (lên đơn xuống đơn, đều phải hạnh nhỏ), vật linh lân đơn động niệm (chớ cho đơn gần động niệm), bắt đặc đơn thượng tả văn tự, trừ chúng khán kinh giáo thời (chẳng nên lên đơn viết chữ trừ chúng khi coi kinh giáo), bắt đặc đơn thượng tương tự, bài trà dạ tọa tạp thoại (chẳng nên trên đơn nhóm nhau, ngồi chung uống trà nói bậy), bắt đặc đơn thượng phùng bổ y bị (chẳng đặng trên đơn may vá áo mền), bắt đặc miên ngoạ cộng lân đơn thuyết thoại động chúng (chẳng nên nằm ngủ cùng gần đơn nói chuyện động chúng).

11° Chấp tác đệ thập nhứt

(Giữ việc làm thứ mười một)

Đương tịch chúng tăng vật, đương tùy Tri-sự giả giáo linh, bắt đặc vi lệ (phải tiếc của tăng chúng, phải theo ông Tri-sự dạy sai, chẳng nên trái phép), phạm tẩy thể, đương tam dịch thủy (hệ rửa rau, phải ba lần thay nước), phạm cấp thủy, tiên tịnh thủ (hệ mức nước, trước phải sạch tay), phạm dụng thủy tu để thị hữu trùng vô trùng

(hễ dùng nước phải chín coi có trùng không trùng),
dĩ mật la lự quá phương dụng (lấy lụa dày lọc
qua mới dùng), nhược nghiêm đông bất đắc tảo
lự thủy, tu đãi nhứt xuất (bằng tiết mùa đông,
chẳng nên lọc nước sớm, phải chờ mặt trời mọc),
phàm thiêu tảo, bất đắc nhiên hủ tân (hễ nhen lửa,
chẳng nên đốt củi mục), phàm tác thực bất đắc
đời trảo giáp cấu (hễ sắm đồ ăn, chẳng nên để
móng tay dơ). phàm khí ác thủy, bắc đắc đương
đạo, bắc đắc cao thủ dương phát (hễ đổ nước dơ,
chẳng nên giữa đường, chẳng nên cao tay hắt
nước), đương ly địa tứ ngũ thốn, từ từ khí chi
(phải khỏi đất bốn, năm tấc, se se đồ đó), phàm
tảo địa, bất nghịch phong tảo (hễ quét đất, chẳng
đặng quét ngược gió), bất đắc tụ khô. thổ an môn
phiến hậu (chẳng nên quét nhóm bụi đất để sau
cánh cửa), tẩy nội y, tu thập khử cơ-sắt phương
tẩy (hễ giặt áo trong, phải lượm bỏ con rận mới
giặt), hạ nguyệt dụng thủy bồn liễu tu phúc, nhược
ngưỡng tức trùng sanh (mùa hạ dùng nước chậu
rồi phải úp, bằng để ngừa sinh trùng).

Phụ (Lời phụ)

Bất đắc nhiệt thang bát địa thượng (chẳng nên nước nóng đổ trên đất), nhứt thiết mễ miễn, sơ quả đẳng, bất đắc khinh khí lang tạ, tu gia ái tích (hết thấy gạo, nếp, rau, trái, thấy, chẳng khinh bỏ bậy bạ, phải thêm tiếc trọng).

12° Nhập dục đệ thập nhị

(Vào nhà tắm thứ mười hai)

Tiên dĩ thang tẩy diện (trước lấy nước nóng rửa mặt), lũng thượng chi hạ, từ từ tẩy chi (từ trên đến dưới, se se rửa đó), bất đắc thô tháo, dĩ thang thủy tiên lân nhơn, bất đắc dục đường tiểu di (chẳng nên lật đật cho nước nóng văng nhằm người, chẳng nên vào nhà tắm tiểu-giải), bất đắc cọng nhơn ngữ tiểu (chẳng nên cùng người cười nói). Nhơn-thiên-bửu-giám vân : (bộ Nhơn-thiên-bửu-giám nói rằng :) Nhứt Sa-di nhập dục hí tiểu, toại cảm phát-thang Địa-ngục chi báo (một ông thầy Sa-di vào nhà tắm giỡn cười, bèn mặc chung báo trong Địa-ngục phát-thang), bất đắc tẩy tịch

xử (chẳng nên tắm chỗ dơ), phạm hữu sang-tiền, nghi tại hậu dục (hễ có ghẻ chốc, hợp phải tắm sau), hoặc hữu khả hủy sang, vuu nghi hồi tị, miễn thích nhưn nhân (hoặc có ghẻ dữ khá sợ, rất phải quanh lánh, khỏi gai mắt người), bất đắc tứ ý cửu tẩy, phòng ngại hậu nhưn (chẳng nên buông ý tắm lâu, ngăn ngừa người sau).

Phụ (Lời phụ)

Thoát y, trước y, an tường tự tại cõi áo, mặc áo thũng thẳng thong thả, dục tiền tiên tẩy tịnh, tu tế hạnh (tắm trước, trước rửa sạch, phải cho chín nết), bất đắc dĩ tẩy tịnh thủy nhập dục phủ (chẳng nên lấy nước rửa sạch đồ nội tắm), thang lãnh nhiệt, y lệ kích bang, bất đắc đại hoán (nước nóng, lạnh, theo phép đánh mõ, chẳng nên kêu lớn).

13° Nhập xí đệ thập tam

(Vào nhà xí thứ mười ba)

Dục đại tiểu tiện, tức đương hành, mặc đai nội bức thẳng thốt (khi muốn đại-tiện bèn phải đi, chớ

để trong thóc lạt dật), ư trúc can thượng, cội trực chuyết (ở trên sào tre vắt áo trực chuyết), tập linh tề chỉnh, dĩ thủ cân, hoặc yêu điều hệ chi (sửa cho bằng thẳng, lấy khăn tay, hoặc giầy lưng buộc lại), nhứt tác ký nhận, nhị khủng đọa địa (một là nhớ lấy, hai e rớt đất), tu thoát hoán hài lý, bất khả tịnh hài nhập xỉ (phải cổi thay giầy giép, chẳng nên giầy sạch vào nhà xỉ), chí đương tam đàn chỉ, sử nội nhưn tri (đến phải khảy ba lần móng tay, cho người trong biết), bất đắc bức xúc nội nhưn sử xuất (chẳng nên hối giục người trong mau ra), dĩ thượng phục đương tam đàn chỉ, mặc niệm vân : (lên rồi lại phải ba lần khảy móng tay, thầm tưởng bài kệ rằng :) đại tiểu tiện thời, đương nguyện chúng sanh (đến khi đại, tiểu, cầu cho chúng sanh), khi tham, sân, si, quyên trừ tội pháp (bỏ tham, sân, si, dứt hết các pháp tội), bất đắc đê đầu thị hạ (chẳng nên cúi đầu ngó xuống), bất đắc tri thảo họa địa (chẳng nên cầm cỏ vẽ đất), bất đắc nỗ khi tác thanh (chẳng nên rặn hơi ra tiếng), bất đắc cách bích, cộng nhưn thuyết thoại (chẳng nên cách vách, cùng người nói chuyện), bất đắc thóa bích (chẳng nên nhổ

vào vách), phùng nhọn bất đắc tác lễ, nghi trặc thân tị chi (gặp người chẳng nên làm lễ, phải nghiêng mình lánh đi, bất đắc duyên lộ hành, hệ y đới (chẳng nên đi dọc đường, buộc dải áo), tiện tất đương tịnh tháo thủ, vị tháo bất đắc trì vật (đi đại rồi phải rửa tay sạch, chưa sạch chẳng nên cầm vật gì), tầy thủ mặc niệm kệ vân : (rửa tay thầm tưởng kệ rằng :) Dĩ thủy quán chưởng, đương nguyện chúng sanh (dùng nước rửa tay, cầu cho chúng sanh), đắc thanh tịnh thủ, thọ trì phật pháp (đặt tay trong sạch, chịu giữ phép phật).

Áng, chủ ca la da tóa hạ.

Phụ (Lời phụ)

Nhược tiểu-giải, diệc yếu thâu khởi y trụ (bằng tiểu - giải phải vén tay áo), hựu bất khả trước biên-sam tiểu-giải (lại chẳng nên mặc áo biên-sam đi tiểu-giải).

14° Thụy ngọa đệ thập tứ

(Ngủ nghỉ thứ mười bốn)

Ngọa tu hữu hiệp, danh cát tường thụy (nằm

phải hông bên hữu, gọi ngũ an lành), bắt đặc ngưỡng ngọa, phúc ngọa, cập tả hiệp ngọa (chẳng nên nằm ngửa, nằm sấp, với nằm vai bên tả), bắt đặc dữ sư đồng thất, đồng tháp (chẳng đặng cùng thầy đồng nhà, đồng giường), hoặc đặc đồng thất, bắt đặc đồng tháp (hoặc đặng đồng nhà, chẳng đặng đồng giường), bắt đặc dữ đồng sự Sa-di cộng tháp (chẳng nên cùng thầy Sa-di đồng việc chung một giường), phạm cội hài lý, tiểu y đặng, bắt đặc quá nhọn đầu diện (hễ treo giày giép áo cụt thảy, chẳng nên quá đầu mặt người).

Phụ (Lời phụ)

Bắt đặc thoát lý y ngọa (chẳng nên cởi áo trong mà nằm), bắt đặc thuy thượng sàng, tiểu ngữ cao thanh (chẳng nên nằm ngủ trên giường, cười nói lớn tiếng), bắt đặc thánh tượng, cập pháp đường tiền, huề nich khí quá (chẳng nên trước thánh tượng với trước pháp đường, xách đồ dơ đi qua).

15° Vi lô đệ thập ngũ

(Vây lửa thứ mười lăm)

Bắt đặc giao đầu tiếp nhĩ thuyết thoại (chẳng

nên giao đầu kê tai nói chuyện), bắt đặc đàn câu nhị hỏa trung (chẳng nên gãi đồ dơ vào trong lửa), bắt đặc hồng bồi hải miệt (chẳng nên hơ xông giày giép), bắt đặc hương hỏa thái cửu, khứng phượng hậu nhọn (chẳng nên hơ lửa rất lâu, ngăn ngừa người sau), sảo noãn tiện nghi qui vị vừa ấm bèn phải về chỗ).

16° Tại phòng trung trú đệ thập lục

(Chỗ ở trong phòng thứ mười sáu)

Cánh tương vấn tấn, tu tri đại tiểu (cùng nhau thừa hỏi, cho biết lớn nhỏ), dục tri đặng hỏa nhập, dục cáo phòng nội tri, vân hỏa nhập (muốn cầm đèn lửa vào, trước nói trong phòng biết nói rằng lửa vào), dục duyệt đặng hỏa, dục vấn đồng phòng nhân, cánh dụng đặng phủ (muốn tắt đèn lửa, trước hỏi người ở đồng phòng, lại dùng đèn chẳng), duyệt đặng hỏa bắt đặc khẩu xuy (tắt đèn lửa chẳng nên lấy miệng thổi), niệm tụng bắt đặc cao thanh (niệm tụng chẳng nên lớn tiếng), nhược hữu bệnh nhân, đương từ tâm thủy chung khán chi (bằng người có bệnh, phải lòng lạnh trước sau

thăm đó), hữu nhân tùy bất đắc đả vật tác hưởng, cập cao thanh ngữ tiểu (có người ngủ, chẳng nên khua vật nổi tiếng, với lớn tiếng nói cười), bất đắc vô cố nhập tha phòng viên (chẳng nên không có gì vào buồng viên người).

17° Đáo ni tự đệ thập thất

(Đến chùa cô-vãi thứ mười bảy)

Hữu dị tòa phương tọa, vô dị tòa bất đắc tọa (có chỗ ngồi riêng mới ngồi, không có chỗ ngồi chẳng nên ngồi), bất đắc vị phi thời chi thuyết (chẳng nên vì chung nói phi thời đó), nhược hoàn bất đắc thuyết kỳ hảo xú (bằng đi về chẳng dặng nói sửa tốt xấu), bất đắc thư sở vãng lai, cập giả tá tài các tẩy hoàn dặng (chẳng nên thơ từ qua lại, với cây mượn cắt may giặt nhuộm tẩy), bất đắc thủ vị tịnh phát (chẳng nên vì tay cạo đầu), bất đắc bình xứ cộng tọa (chẳng nên chỗ khuất ngồi chung).

Phụ (Lời phụ)

Vô nhị nhân bất đắc đơn tấn (không hai người chẳng nên riêng tới), bất đắc bỉ thử tổng lễ (chẳng

nên kia đây đưa lễ), bất đắc chúc thác ni tăng, nhập hòa quý gia hóa duyên (chẳng nên cây mươn chúng ni tăng, vào nhà giàu sang đi hóa duyên), cập cầu niệm kinh sám đảnh (với cầu tụng kinh sám thầy), bất đắc dữ ni tăng kiết bái (chẳng nên cùng chúng vải kết lạy), phụ mẫu tử muội đạo hữu (cha mẹ chị em bạn học).

18° Chí nhân gia đệ thập bát

(Đến nhà người thứ mười tám)

Hữu dị tọa đương tọa, bất nghi tạp tọa (có chỗ ngồi riêng mới ngồi, chẳng nên ngồi bậy), nhân vấn kinh, đương tri thời, thân vật vị phi thời chi thuyết (người hỏi kinh phải biết khi, chớ vì phi thời nói đó), bất đắc đa tiếu (chẳng nên cười lắm), chủ nhân thiết thực, tuy phi pháp hội, diệc vật thất nghi quý (người chủ giọn bữa ăn tuy chẳng phải pháp hội, cũng chớ lỗi phép), vô phạm dạ hành (không phạm đi đêm), bất đắc không thất nội, hoặc bình xứ, dữ nữ nhân cộng tọa, cộng ngữ (chẳng đặng trong nhà trống, hoặc chỗ khuất, cùng người nữ nhân đồng ngồi đồng nói), bất đắc thu

sớ vãng lai đấng, đồng tiền (chẳng nên thư từ qua lại thầy, như trước), nhược nghệ dục tinh thân, đương tiền nhập trung đường lễ Phật (bằng muốn về thăm nhà, trước phải vào trong chùa lạy Phật), hoặc gia đường thánh tượng đoan trang vấn tẩn (hoặc nhà thờ thánh tượng, vưng vàng hỏi), thứ phụ mẫu, quyến thuộc đấng, nhứt nhứt vấn tẩn (sau rồi cha mẹ, bà con thầy, mỗi mỗi thưa hỏi), bất đắc hướng phụ mẫu thuyết sư pháp nghiêm (chẳng nên đến trước cha mẹ, nói phép thầy nghiêm), xuất gia, nan, tịch liêu đạm bạc, gian tân khổ khuất đấng sự (đi xuất gia khổ, vắng vẻ, lạt lẽo, nghèo cay đấng khổ khắc các việc), nghi vị thuyết Phật pháp, linh sinh tin tăng phước (phải vì nói phép Phật, khiến sanh lòng tin thêm phước), bất đắc dữ thân tộc tiểu nhi đấng cứu tọa cứu lập, tạp thoại hí tiểu (chẳng đặng cùng bà con trẻ nhỏ, ngồi lâu, đứng lâu, cười giỡn nói bậy), diệc bất đắc vấn tộc trung thị phi hảo ố (cũng chẳng đặng hỏi trong họ việc phải chẳng xấu tốt), nhược thiên văn tác tức đương đọc xử nhứt sập (bằng trời tối nương nghỉ phải một chỗ giường), đa tọa thiếu

ngọa nhứt tâm niệm phật (ngồi nhiều năm ít, một lòng niệm phật), sự ngật túc hoàn, bất đắc lưu liên (việc rồi phải về, chẳng đặng ở luôn).

Phụ (Lời phụ).

Bất đắc tả hữu tà thị, bất đắc tạp thoại (chẳng đặng liếc ngó hai bên, chẳng đặng nói bậy), nhược dĩ nữ nhân ngữ, bất đắc đề thanh mật ngữ (bằng nói cùng người nữ-nhân, chẳng nên thấp tiếng nói thầm), bất đắc đa ngữ (chẳng nên nói nhiều), bất đắc trá hiện oai nghi, giả trang thiên tướng, cầu bỉ cung kính (chẳng nên dối bày oai nghi, trau dồi tướng thiên, cầu cho người ta tin trọng), bất đắc vọng thuyết phật pháp, loạn đáp tha vấn (chẳng đặng dối nói việc phật-pháp, người hỏi nói bậy), tự mãi đa vấn, cầu bỉ cung kính (khoe mình nhiều nghèo, cầu cho người ta cung kính), bất đắc tổng hạp lễ, hiệu bạch y vãng hoàn (chẳng nên dùng lễ đưa bắt chước người thế gian qua lại), bất đắc quảng nhân gia vụ (chẳng nên biết việc nhà người), bất đắc tạp tọa tửu tịch (chẳng nên ngồi bậy nơi tiệc rượu), bất đắc kiết bái bạch y nhân.

tác phụ mẫu tử muội (chẳng nên lay kết cùng người thế-gian làm cha mẹ chị em), bất đắc thuyết tăng quá thất (chẳng nên nói trong tăng chúng việc lỗi lầm).

Khất-thực đệ thập cửu

(Đi khất-thực thứ mười chín)

Đương dĩ lão thành nhơn cu (phải cùng bậc lão thành đều đi), nhược vô nhơn cu, đương tri sở khả hành xứ (bằng không người đi, phải biết sửa chỗ nên đi), đáo nhơn môn hộ nghi thâm cử chỉ, bất đắc thất oai nghi (đến cửa ngõ người, phải xét động tịnh, chẳng nên lỗi phép tắc), gia vô nam tử bất khả nhập môn (nhà không có người con trai chẳng khá vào cửa), nhược dục tọa, đương tiên chiêm thị tọa tịch (bằng muốn ngồi trước phải xem ngó chỗ ngồi), hữu đao binh bất nghi tọa, hữu bảo vật bất nghi tọa (có đồ đao binh chẳng nên ngồi, có vật báu chẳng nên ngồi), hữu phu nhơn y bị nghiêm trang đẳng bất nghi tọa (có đồ người đàn bà yếm áo đồ trau tre thảy chẳng nên ngồi), dục thuyết kinh đương tri sở ưng thuyết thời, bất

ung thuyết thời (muốn nói kinh, hợp biết khi nên nói, khi chẳng nên nói), bất đắc thuyết dữ ngã thực, linh nhĩ đắc phước (chẳng đặng nói cho ta ăn khiến người được phước).

Phụ (Lời phụ).

Phàm khát thực bất đắc ai cầu khổ sách (hễ đi khát thực chẳng nên năn nỉ xin giai), bất đắc quảng đàm như quả, vọng bỉ đa thi (chẳng đặng rộng nói việc như quả, trông cho người thí nhiều), đa đắc vật sinh tham trước, thiểu đắc vật sinh ưu não (đặng nhiều chớ sinh lòng tham, trước đặng ít chớ sinh lòng buồn rầu), bất đắc chuyên hương thực tình thí-chủ gia, cập thực tình am viện xứ sách thực (chẳng nên riêng tới tình quen nhà thí-chủ, với tình quen xin ăn chỗ viện chùa).

Nhập tụ-lạc đệ nhị thập
(vào chốn tụ-lạc thứ hai mươi)

Vô công duyên bất đắc nhập (không duyên gì chẳng đặng vào), bất đắc trì hành, bất đắc giao tý hành (chẳng nên đi mau, chẳng nên đi đánh đồng

xa), bắt đặc sắc sắc bàng thị nhưn vật hành (chẳng
đặng nên hằng hằng liếc xem người cảnh mà đi),
bắt đặc cọng Sa-Di tiểu nhi đàm tiểu hành (chẳng
nên cùng thầy Sa-Di tuổi nhỏ đi cười nói), bắt
đặc dữ nữ nhưn tiền hậu hộ tùy hành (chẳng đặng
cùng người nữ nhưn trước sau đáp đối đi), bắt
đặc dữ Ni, Tăng, tiền hậu hộ tùy hành (chẳng đặng
cùng thầy, mục vãi trước sau đáp đối mà đi), bắt
đặc dữ tùy nhưn, cuồng nhưn, tiền hậu hộ tùy
hành (chẳng đặng cùng người say, người điên,
trước sau đáp đối mà đi), bắt đặc hậu cố thị
nữ nhân (chẳng đặng ngó lại người con gái), bắt
đặc nhãn giác bàng khán nữ nhưn (chẳng đặng
liếc mắt ngó xem kẻ nữ nhưn), hoặc phùng tôn-
túc thân thức, cu lập hạ bàng, tiên ý vấn tẩn (hoặc
gặp kẻ tôn - túc, người thân thức, đều đứng
một bên, trước ý thưa hỏi), hoặc phùng hí huyền,
kỳ coi đặng, cu bất nghi khán duy đoạn thân chánh
đạo nhi hành (hoặc gặp chơi giỡn lạ lùug thấy, đều
chẳng nên coi, phải vững mình đường thẳng mà đi).
phàm ngộ thủy khanh, thủy khuyết, bắt đặc khiêu
việt (kẻ gặp bực lỗ, bực hờm, chẳng đặng nhảy
qua), hữu lộ đương nhiều hành, vô lộ chúng

giai khiêu việt tắc đặc (có đường phải đi quanh, không đường người đều nhảy qua thì dặng) phi bệnh duyên cấp cấp sự, bất đặc thừa mã, nãi chí hi tâm tiên sách tri sâu (không duyên bệnh cùng việc gấp gì chẳng nên cỡi ngựa, những đến vui lòng, roi thét ruồi nhảy).

Phụ (Lời phụ).

Phàm ngộ quan phủ, bất luận đại tiểu cu nghi hồi ty (hễ gặp quan phủ chẳng luận lớn nhỏ, đều phải quanh lánh), ngộ đấu tranh giả, diệc viên ty chi, bất đặc trú khán (gặp người đua tranh cũng đi xa lánh chẳng nên đứng coi), bất đặc hồi tự khoa trương, sở kiến thành trung hoa mỹ chi sự (chẳng dặng về chùa khoe bày chỗ thấy trong thành chung việc hoa mỹ).

Thị vật đệ nhị thập nhứt

(Đi chợ mua đồ thứ hai mươi mốt)

Vô tranh quý tiện, vô tọa nữ-tử (chớ tranh mắt rẻ, chớ ngồi hàng con gái), nhược vi nhơn sở

phạm, phương tiện ty chi (hoặc mắc người chõ dành, chước khéo lánh đót), vật từng cầu trực kỷ hứa giáp vật (chớ theo lựa giá mình lựa món trước) tuy phục cánh tiện, vô xả bi thủ thủ, linh chủ hữu hạn (tuy lại sau giá rẻ, chớ bỏ kia mua đây, khiến người có lòng giận), thận vô bảo nhậm trí khiên phụ nhơn (ghin chớ lãnh việc, khiến mắc nợ người).

**Phàm sở thi hành bất đắc tự dụng
đệ nhị thập nhị**

(Hễ chõ ra làm, chẳng nên mình dùng thứ
hai mươi hai)

Xuất nhập hành lai, đương tiên bạch sư (ra vào qua lại, trước phải thưa thầy), tác tân pháp y, đương tiên bạch sư (sắm y pháp mới, trước phải thưa thầy), trước tân pháp y, đương tiên bạch sư (mặc y pháp mới, trước phải thưa thầy), thế đầu đương tiện bạc sư (cạo đầu trước phải thưa thầy), tật bệnh phục dược, đương tiên bạch sư (có bệnh uống thuốc, trước phải thưa thầy), tác chúng tăng sư, đương tiên bạch sư (làm việc trong tăng chúng,

trước phải thưa thầy), đục hữu tư cụ chỉ bút chi
bối. đương tiên bạch sư (muốn có sấm riêng chung
đồ viết mực, trước phải thưa thầy), nhược phúng
khởi kinh bốc. đương tiên bạch sư (bằng dấy tụng
kinh sám, trước phải thưa thầy), nhược nhờn dĩ
vật huệ thí, đương tiên bạch sư (bằng người đem
của cho mình, trước phải thưa thầy), dĩ nhiên
hậu thọ (thưa rồi vậy sau mới chịu), kỷ vật
huệ thí nhờn, đương tiên bạch sư, sư thỉnh
nhiên hậu dự (mình đem của cho người, trước
phải thưa thầy, thầy ừ vậy sau mới cho),
nhơn tụng kỷ giả tá, đương tiên bạch sư, sư thỉnh
nhiên hậu dự (người theo mình cây mượng trước
phải thưa thầy, thầy cho vậy sau mới cho). Kỷ đục
tụng nhờn tá vật, đương tiên bạch sư, sư thỉnh đặc
khứ (mình muốn theo người mượng của, trước phải
thưa thầy, thầy cho mới đặt đi). Bạch sư thỉnh
bất thỉnh, giai đương tác lễ (thưa thầy cho cùng
chẳng cho, đều phải làm lễ). Bất thỉnh bất đặc hữu
hận ý (không cho chẳng nên có ý hận).

Phụ (Lời phụ)

Nãi chi đại sự, hoặc du phương, hoặc thỉnh

giảng, hoặc nhập chúng, hoặc thủ sơn, hoặc hưng
duyên sự, giai đương bạch sự, bất đắc tự dụng
(nhân đến việc đại sự, hoặc đi du phương, hoặc
nghe kinh, hoặc vào chúng, hoặc giữ vườn, hoặc
dấy duyên gì, đều phải thừa thầy, chẳng nên tự
mình dụng).

23° Tham phương đệ nhị thập tam

(đi phương xa thứ hai mươi ba)

Viên hành yếu giả lương bằng (đi xa phải nương
bạn lành), cô-nhơn-tâm địa vị thông, bất viên thiên
lý cầu sư (kẻ cô-nhơn lòng dạ chưa thông chẳng
luận đường xa ngàn dặm cầu thầy), niên ấu giới
thiền, vị hứa viên hành (tuổi nhỏ giới còn ít chưa
cho đi xa), như hành bất đắc dĩ bất lương chi bối
đồng hành (bằng đi chẳng đặng cùng chung bạn
chẳng lành đồng đi), tu vị tâm sư phỏng đạo,
quyết trách sanh tử (phải vì tìm thầy học đạo,
quyết chọn đường sanh tử), bất nghi quán sơn
ngoạn thủy, duy đồ du lịch quảng viên, khoa thị ư
nhơn (chẳng nên coi núi chơi nước, chỉ toan trải
khắp rộng xa, khoe bày nơi người), sở đáo chi xứ,

yết phóng hành lý, bắt đặc kính nhập điện-đường (chung chỗ đã đến, giọn để đồ hành lý, chẳng dặng xông vào trong điện-đường, nhứt nhưn khán hành lý, nhứt nhưn tiên tiến vấn tẩn (một người coi đồ hành lý, một người đến trước thưa hỏi), thủ thường-trụ tiến chỉ, phương khả an đốn hành lý nhập nội (dùng chỗ thường-trụ tới lui, mới khả an để đồ hành lý vào trong).

24° Y bát danh tướng đệ nhị thập tứ

(Y bát danh tướng thứ hai mươi bốn)

Ngũ điều y (Y năm điều).

Phạm-ngũ An-đà-hội, thử vân Trung-túc-y (tiếng Phạm-ngũ kêu là An-đà-hội, đây kêu là áo Trung-túc), diệc vân Hạ-y, diệc vân Tạp-tác-y (cũng kêu là Hạ-y, cũng kêu là y Tạp-tác), phạm tự trung chấp lao phục dịch, lộ đồ xuất nhập vãng hoàn, đương trước thử y (hễ làm việc trong chùa, cùng

Y là áo của Phật, gọi là «Casa» áo ấy bận có một tay, như áo choàng vậy áo này dùng có một sắc vàng, không được dùng sắc chi cả.

đi đường qua lại, ra vào, phải đáp y ấy), tháp y kệ (Đáp y kệ rằng) : Thiện tai giải-thoát phục, vô thượng phước điền y (lành thay áo giải-thoát, y ruộng phước không trên), ngã kim đính đới thọ, thể thể bất xả ly (ta nay đầu đội chịu, đời đời chẳng bỏ lia).

Áng tất đà da ta bà ha.

Thất điều y (Y bảy điều).

Phạm-ngữ Uất-đa-la-tăng, thủ vân thượng-trước-y (lời Phạm kêu Uất-đa-la-tăng, đây kêu rằng y thượng-trước), diệc vân Nhập-chúng y (cũng kêu rằng y Nhập-chúng), phạm lễ phật, tu-sám, tụng-kinh, tọa-thiền, phó-trai, thỉnh-giảng, bồ-tát, tự-thứ, đương trước thủ y (hễ lạy phật, sám-hối tụng-kinh, ngồi-thiền, đi phó-trai, nghe kinh bồ-tát, cùng ngày tự-thứ, phải đáp y ấy), tháp y kệ (đáp y kệ rằng) : thiện tai giải-thoát phục vô thượng phước điền y (lành thay áo giải-thoát, y ruộng phước không trên), ngã kim đính đới thọ, thể thể . . . thường đặc phi (ta nay đầu đội chịu, đời

đời hăng đặng đấp).

Áng độ ba độ ba ta bà ha.

Nhị thập ngũ điều y (Y hai mươi lăm điều).

Phạm-ngũ Tăng-già-lê, thử vân Hiệp, diệc vân Trùng, diệc vân Tap-toái-y (lời Phạm kêu Tăng-già-lê, đây kêu là Hiệp, cũng kêu là Trùng cũng kêu là y Tap-Toái), phạm nhập vương cung, thăng tòa thuyết pháp, tụ lạc khất thực, đương trước thử y (hễ vào vương cung, lên tòa nói pháp, cùng tụ lạc đi khất thực, phải đấp y ấy), hựu thử y cửu phẩm (lại y ấy chín phẩm), hạ phẩm cửu điều, thập nhất điều, thập tam điều (phẩm hạ, chín điều mười một điều, mười ba điều), trung phẩm thập ngũ điều, thập thất điều, thập cửu điều (phẩm trung mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều), thượng phẩm nhị thập nhất điều, nhị thập tam điều, nhị thập ngũ điều (phẩm thượng hai mươi một điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều) tháp y kệ. (Đấp y kệ rằng): thiện tai giải thoát phục, vô thượng phước điền y (lành thay áo giải-thoát, y ruộng phước không trên), ngã kim

đánh đờn thọ, quảng độ chư quần sanh (ta nay đầu đội chiu, rộng độ các bầy sanh).

Áng ma ha ca ba ba tra tất để ta bà ha.

Bát (Bình-bát)

Phạm-ngữ bát-đa la, thử vân ứng-lượng-khí (tiếng Phạm-ngữ kêu bát-đa-la, đây kêu đồ ứng-lượng), vị thể, sắc, lượng, tam, cu ưng pháp cố (gọi là thể, sắc, lượng, ba cái đều nhằm phép vậy), thể dụng thiết, ngôa nhị vật (thể dùng ngồi, sắt, hai món), sắc dĩ dược yên, huân trị (sắc dùng khói thuốc xông trị), lượng phân thượng trung hạ (lượng thì phân có bậc thượng, trung, hạ).

Cụ (Cái Cụ)

Phạm-ngữ Ni-sur-đàn, thử vân Tọa-cụ, diệc vân

Bình bát là cái bát đựng cơm của phật, để đi hòa trai, gọi là khất thực bình thù không như cái bình không như cái bát, gọi rằng bình bát.

Cái cụ hình như nửa chiếc chiếu tư vương để trải mà lạy, cùng bện y thì phải ngồi lạy trên cái cụ ấy.

tùy-túc y (lời phạm kêu Ni-sur-dàn, đây kêu cái
lọa-cụ, cũng kêu y tùy-túc), khai cụ kệ vân (trái
cụ kệ rắng): ngọa cụ Ni-sur-dàn, trưởng dưỡng
tâm miêu tánh (cái ngọa-cụ là mền Ni-sur, nuôi
lớn lòng tánh tốt), triển khai đấng thánh địa,
phụng tri Như-lai mạng (trái mở lên bát phật, vân
giữ lời dạy đức Như-lai).

Áng đàn ba đàn ba ta bà ha.

Sa-di oai-nghi yếu lược hoàn

(Bộ Sa-di thiên oai-nghi dón giọn hết rồi)



QUY-SƠN ĐẠI-VIÊN-THIÊN- SƯ KINH-SÁCH

(Non Quy hiệu ông Đại-viên-thiền-sư làm lời
văn Kinh-sách.)

滄山大圓禪師警策

Phù : Nghiệp hệ thọ thân vị miên hình lụy (luận
vả nghiệp buộc mình chịu, chưa khỏi lụy mình),
bầm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng
thành (nhờ cha mẹ chung để vóc, mượn các duyên
mà đều nên), tuy nãi tứ đại phò trì, thường tương
vi bối (tuy là bốn cái lớn giúp cầm hắng trái lồi
nhau), vô thường lão bệnh, bất dữ như kỳ (con
vô-thường già bệnh, chẳng cho người hẹn), triêu
tồn tịch vong, sát-na dị thể (sớm-còn tối-mất,
giây phút đời khác), thí như xuân sương hiểu lộ,
thúc hốt tức vô (ví như sương mùa xuân, móc sớm
mai, thoát chút bèn tan), ngạn thọ tỉnh đẳng, khởi
năng trường cửu (cây bờ giây giếng, há đặng dài
lâu), niệm niệm tấn tốc, nhưt sát-na gian (hằng
hằng chóng kiếp, trong một giây lát), chuyên

tức, tức tức thị lai sinh hà nãi yển nhiên không quá (trở hơi bèn là đời khác, làm sao yên vậy luống qua), phụ mẫu bất cung cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly (cha mẹ chẳng dung đồ ngon ngọt, sáu thân vẫn đã bỏ lia), bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyên kế tự (chẳng hay phò vua giúp nước, nghiệp nhà luống bỏ nối thờ), miếng ly hương đảng, thế phát bầm sư (xa cách làng xóm, cạo đầu theo thầy), nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoảng bất tránh chi đức (trong chuyện chung công hay nhớ, ngoài rộng chung đức chẳng đua), huýnh thoát trần thế ký kỳ xuất ly (xa cách đời trần, trông cầu ra khỏi), hà nãi tài đẳng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tì-kheo (làm sao mới lên giới phẩm, bèn nói ta thiệt thầy Tì-kheo), đàn-việt sở tu, khiết dụng thường trụ (của đàn-việt chỗ nhờ, ăn dùng của thường trụ), bất giải thốn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hiệp cúng (chẳng biết xét chỗ đem đến, nói rằng phép người phải cúng), khiết liễu tụ đầu huyền huyền, đản thuyết nhưn gian tạp thoại (ăn rồi nhóm đầu nói xào xào, chỉ nói việc đời bậy bạ), nhiên tắc nhưt kỳ sủy lạc, bất tri lạc thị khổ nhưn (song thì một thuở đua vui,

chẳng biết vui là hơn khổ), năng kiếp tuần trần, vị thường phản tỉnh (nhiều kiếp theo đời trần, chưa từng xét lại), thời quang yêm một, tuế nguyệt ta đà (ngày giờ lặn mất, năm tháng dần dà), thọ dụng ân phiền, thi lợi nông hậu (chịu dùng càng nhiều, thêm lợi càng lắm), động kinh niên tải, bất nghị khí lý (trải qua nhiều năm, chẳng toan bỏ rời), tích tụ tư đa, bảo trì huyền chất (chứa nhóm cho nhiều, giữ gìn vóc huyền), Đạo-sư hữu sắc, giới húc Ti-kheo (vị Đạo-sư có dạy, răn khuyên thầy Ti-kheo), tấn đạo nghiêm thân tam thường bất tức (muốn cho tấn đạo, phải sửa mình, ba việc giảm bớt), hơn đa ư thử, đam vị bất hưu (người nhiều chung ấy, đắm mùi chẳng thôi), nhưt vãng nguyệt lai, hoát nhiên bạch thủ (ngày qua tháng lại, thoát vậy bạc đầu), hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri (kể hậu học chưa nghe chỗ tôn-chỉ, hợp phải rộng hỏi bậc tiên tri), tương vị xuất gia, qui cầu y, thực (toan nói rằng đi xuất gia, trọng cầu việc ăn mặc), phật tiên chế luật, khải sáng phát mộng (phật trước lập luật, mở dạy chỗ tối tăm), quý tắc oai-nghi, tinh như băng tuyết (phép tắc oai-nghi, sạch như băng tuyết),
(túng) (hoát)

chỉ tri tác phạm, thúc liễm sơ tâm (ngăn giữ làm phạm, bó buộc lòng ban đầu), vi tế điều chương, cách chư ồi tộ (nhỏ nhắn phép tắc, bỏ các thói xấu), Tỳ-ni pháp tịch, tăng vị thao bồi (chỗ tiệc phật Tỳ-ni, chưa từng nương gần), liễu nghĩa Thượng-thừa, khởi năng yên biệt (kinh liễu nghĩa, bực Thượng-thừa, đâu hay tỏ biết), khả tích nhứt sanh không quá, hậu hối nan truy (khả tiếc một đời luống qua, sau ăn năn chẳng kịp), giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhưn khế ngộ (kinh luật chưa từng để dạ, đạo màu không do đâu dặng tỏ), cập chí niên cao lập trưởng, không phúc cao tâm (nhưng đến tác cao, tuổi lớn, lòng không bụng trống), bất khản thân phụ lương bằng, duy tri cứ ngạo (chẳng chịu gần nương ban lành, chỉ biết lấn lướt), vị am pháp luật, trấp liễm toàn vô (chưa biết phép tắc, thu xếp trọn không), hoặc đại ngữ cao thanh, xuất ngôn vô độ (hoặc lớn tiếng cao dọng, buông lời không lường), bất kính thượng, trung, hạ tòa, bà-la-môn tu hội vô thù (chẳng kính bực thượng, trung, kẻ hạ-tòa, thói bà-la môn nhóm họp không khác), huyền bát tác thanh, thực tất tiên khởi (khua bát chén nổi

tiếng, ăn rồi dậy trước), khứ tự quai giác, tăng thể toàn vô (đi đứng trái lỗi, thể ông thầy trọn không) khởi tọa tụng chú, động tha tâm niệm (dậy ngồi bông chẳng, động tâm niệm người), bất tồn tạ ta quý tắc, tiểu tiểu oai-nghi (chẳng giữ mảy mảy phép-tắc, mọn mọn oai-nghi), tương hà thúc liêm hậu côn, tâm học vô nhơn phổng hiệu, (lấy đầu bó buộc kẻ hậu côn, người mới học không noi đầu bắt chước), tài tương giác sát, tiện ngôn ngã thị Sơn-tăng (mới dặng vừa biết, bằng nói ta là ông Sơn-tăng), vị văn phật giáo hành trì, nhứt hướng tình tồn thô táo (chưa nghe phật dạy phép hành trì, một bề lòng còn thô xấu), như tư tri kiến, cái vị sơ tâm dung đọa (tri kiến làm vậy, bởi vì lòng đầu biến nhác), hào xang nhơn tuần, nhằm nhiệm nhơn gian, toại thành sơ dạ (hăm hở lợi danh, bản thân theo đời, bèn nên quê kịch), bất giác lũng chủng lão hủ, xúc sự diện tường (chẳng ngờ lùm cụm già yếu, gặp việc xây mặt vào vách), hậu học tư tuân, vô ngôn tiếp dẫn (kẻ hậu học thừa hỏi, không lời dạy bảo), túng hữu đàm thuyết, bất thiệp điển chương. (dầu có luận nói, chẳng nhằm kinh luật), hoặc bị khinh

ngôn tiện trách hậu sanh vô lễ (hoặc bị lời nói khinh, bèn trách kẻ hậu sinh không phép), sân tâm phẫn khởi, ngôn ngữ cai nhọn (lòng giận nổi lên, lời nói gây người, nhứt triệu ngoạ tạt tại sàng, chúng khỗ oanh triền bức bạc (một mai bệnh nằm ở trên giường, các khỗ doanh xây ướp nghệt), hiểu tịch tư thốn, tâm lý hồi hoàng (sớm túi lo xét, trong lòng hồi hợp), tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng (đường trước mờ mờ, chưa biết về đâu), từng tư thủy tri hối quá, lâm khác quật tỉnh hề dụng (từ đây mới biết tội lỗi, đến chừng khát đào giếng sao kịp, tự hận tảo bất dự tu, niên vãng đa chư quá cựu (giận mình trước chẳng lo tu, tuổi già nhiều việc tội lỗi), lâm hành huy hoác, phạ lỗ chương hoàng (đến chết múa men, sợ hoảng lập cập), cốc xuyên tước phi, thức tâm tùy nghiệp (lưới rách chim bay, thức tâm theo nghiệp), như như phụ trái, cường giả tiên khiên (như người mắc nợ, ai mạnh kéo trước) tâm tự đa đoan, trọng xử thiên truy lòng lỗi nhiều mối, chỗ nào nặng phải sa), vô thường sát quý, niệm niệm bất đình (vô thường quý giết, hăm hăm chẳng tha), mạng bất khả diên, thời bất khả đãi (mạng

chẳng khá chờ, giờ chẳng khá đợi), nhơn-thiên tam hữu, ưng vị miên chi (chốn nhơn-thiên ba cõi, hợp chưa khỏi đó), như thị thọ thân, phi luận kiếp số (dường ấy chịu mình, chẳng luận mấy kiếp), cảm thương thân nhã, ai tai thiết tâm (chạnh thương thân thở, ngùi thay đau lòng), khởi khả dam ngôn, đệ tương kinh-sách (đâu khá nín nói, thay nhau răn dạy), sở hận đồng sinh tượng qui, khứ thánh thời điều (sửa giận đồng sinh đời tượng rớt, cách phật đã xa), phật pháp sinh sơ, nhơn đa giải đãi (phật pháp mới sanh, người nhiều biến nhác), lược thân quảng kiến, dĩ hiệu hậu lai (dồn bày rộng thấy, cho dễ lớp sau), nhược bất quyền căn, thành nan luân quản (bằng chẳng trừ bỏ, thiệt khó kéo lại), phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục (vả người đi xuất gia, đỡ chùng bước ra khỏi các cõi, lòng hình khác tục), thiện long thánh chưởng, chấn nhiếp ma quân (nổi thanh giòng phật, bỏ dẹp bày ma), dụng báo từ ân, bạt tế tam hữu (dùng trả bốn ơn, cứu giúp ba cõi), nhược bất như thử, lam si tăng luân (bằng chẳng dường ấy, xen lộn ông thầy), ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín-thí (lời nết trái sơ, luống

uồng của tin thí), tích niên hành xứ, thốn bộ bất di (chỗ đi năm trước, tất bước chẳng dời), hoảng hốt nhứt sinh, tương hà bằng thị (hoảng hốt một đời, hầu đâu nương cậy), huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan (phương chi rõ rõ tướng thầy, hình tướng khá xem), giai thị tức thực thiện căn, cảm tư dị báo đều biệt trước trông cội gỏi lành cảm đây báo lạ), tiện nghị đoan nhiên cũng thủ, bất qui thốn âm (bèn toan lẳng vậy khoanh tay, chẳng tiếc tắc bóng), sự nghiệp bất cần, công quả vô nhơn khắc tợ (sự nghiệp chẳng siêng, công quả không noi đâu đặng đến), khởi khả nhứt sinh không quá, ức diệc lai nghiệp vô tỳ (há khá một đời luống qua, chửn cũng nghiệp sau không giúp), từ thân quyết chí phi tri, ý dục đặng siêu hà sở (từ hai nghĩa thân quyết lòng mặc áo pháp, ý muốn vượt qua chỗ nào). hiểu tịch tư thốn, khởi khả thiên diên quá thời (sớm túi lo xét, há khá dần dà qua buổi, tâm kỳ phật pháp đồng lương, dụng tác hậu lai qui kinh (lòng hẹn rường cột phép phật, dùng làm rùa, gương đời sau), thường dĩ như thử, vị năng thiểu phân tương ứng (thường lấy dường ấy, chưa hay

chút phận ứng theo), xuất ngôn tu thiệp ư điển chương, đàm thuyết nãi bàn ư kê cổ (ra lời phải noi chung kinh luật, bàn nói bằng nhằm chung phép xưa), hình nghi tỉnh đặc, ý khí cao nhàn (hình dạng ngay thẳng, lòng dạ cao lạng), viễn hành yếu giả lương bằng, sắc sắc thanh ư nhĩ mục (đi xa phải nhờ bạn lành, thường thường trong chung tai mắt), trú chỉ tất tu trách bạn, thời thời vãn ư vị vãn (đi, ở ắt phải chọn bạn, khi khi nghe chung chưa nghe), cố vân sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu (cho nên có lời rằng: sanh ta ấy là cha mẹ, nên ta ấy là bạn bạn), thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận (gần nương bạn lành, như đi trong đường sương mù, tuy chẳng ướt áo, thường thường có nhuận), áp tập ác giả, trưởng ác tri kiến (gần quen kẻ dữ ấy, thêm lớn biết thấy dữ), hiệu tịch tọa ác, tức mục, giao báo (sớm tối gây dữ, bèn mắc báo trước mặt), một hậu trầm luân nhứt thất, nhơn thân vạn kiếp bất phục (thác rồi chìm đắm một phen mất, cái nhơn thân muôn kiếp chẳng dựng lại) trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai (lời ngay trái tai, khá chẳng

ghi lòng ấy vậy), tiện năng tháo tâm dục được, hối tích thao danh (bằng hay rửa lòng nuôi đức, mờ tích giấu danh), huân tố tinh thần huyền diệu chỉ tuyệt (chứa trải tinh thần, gầy ra dứt mất), nhược dục tham thiền học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn (bằng muốn tham thiền học đạo, mau khỏi chung của phương tiện), tâm khế huyền tân, nghiên cơ tinh yếu (lòng tỏ đạo màu, xét suốt chỗ nhiệm), quyết trạch thâm áo, khái ngộ chơn nguyên (quyết lựa màu nhiệm, mở tỏ nguồn chơn, bát vấn tiên tri, thân cận thiện hữu (rộng hỏi bậc tiên tri, gần nương bạn lành), thử tôn nan đặc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm (giòng này khó đặng sửa màu, ắt phải chín chắn dùng lòng), khả trung đốn ngộ chánh nhưn, tiện thị xuất trần giai tiệm (muốn cho mau tỏ nhưn chính, bèn thiết lần ra khỏi trần), thử tắc phá tam giới, nhị thập ngũ hữu (ấy thời phá trong ba cõi, hai mươi lăm loài), nội ngoại chư pháp, tận tri bất thiết (trong ngoài các phép, đều biết chẳng thiết), tòng tâm biến khởi, tất thị giả danh (từ lòng dấy lên, bèn là tên giả), bất dụng tương tâm tấu bạc (chẳng dùng đem lòng toan tính), dẫn tinh bất phụ vật,

vật khởi ngại nhờn (chỉ lòng chẳng nương vật, vật há ngăn người), nhậm tha pháp tánh châu lưu, mặc đoạn mặc tục (mặc dầu phép tánh khắp trái, chẳng dứt chẳng nối), văn thanh kiến sắc, cái thị tầm thường (nghe tiếng thấy sắc vốn việc tầm thường), già biên na biên, ưng dụng bất khuyết (bên việc bên lẽ, hiệp dùng chẳng thiếu), như tư hành chỉ, thiết bất uổng phi pháp phục (nết na in vậy, thiết chẳng uổng mặc áo pháp), diệc nãi thù báo tứ ân, bạt tế tam hữu (cũng là đền trả bốn ơn, cứu giúp ba loài), sinh sinh nhược năng bất thối, phát giai quyết định khả kỳ (đời đời bằng đặng chẳng lui, bực phát quyết định khá đến, vãng lai tam giới chi tâm, xuất một vị tha tác tác (chung khách qua lại ba cõi, ra vào vì người làm phép), thử chi nhưt học, tổn diệp tối huyền (một việc học này, rất nhiệm rất mầu), đản biện khẳng tâm, tất bất tương khiếm (chỉ phải khứng lòng, ắt chẳng đối ai), nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đồng siêu (bằng có chung người trung lưu, chưa đặng mau tỏ), thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tâm bối diệp (chỉ nơi giáo pháp để lòng, chuyên tìm kinh luật), tinh sưu nghĩa lý,

truyền xướng phu dương (ròng xét nghĩa lý, mở bày dạy bảo), tiếp dẫn hậu lai, báo phạt ân đức (diu dắc kẻ đời sau, đền ơn đức phật), thời quang diệc bất hư khi, tất tu dĩ thử phò tri (sớm túi cũng chẳng luống bỏ, ắt phải dùng đó giữ gìn), trú chỉ oai-nghi tiện thị tăng trung pháp khí (đi đứng phép tắc, bèn là phép khí ông thầy), khởi bất kiến ý từng chi các, thượng tủng thiên tâm (há chẳng thấy chung giây leo cây từng, cao tột ngàn tâm), phụ thác thẳng nhơn, phương năng quảng ích (nuơng nhờ nhơn tốt, mới đặng rộng lớn), khẩn tu trai giới, mạc mạn khuy du (tin giữ trai giới, chớ để trễ nải), thế thế sinh sinh, thù diệu nhơn quả (đời đời kiếp kiếp nhơn tốt quả mầu), bất khả đẳng nhàn quá nhứt, ngọt ngọt độ thời (chẳng nên lếu láo qua ngày, lơ lơ qua đời), khả tịch quang âm bất cầu thặng tấn (khá tiếc sớm tối, chẳng cầu thêm tới), đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô phụ từ ân (uống uổng mười phương cúng thí, cũng là cô quạnh bốn ơn), tịch luy chuyển thâm, tâm trần dị ứng (chứa nhóm càng sâu, lòng trần dễ lấp), xúc đồ thành trệ, nhơn sở kinh khi (chạm việc trở hư, người sửa khinh

dễ); cổ vân : (xưa phật dạy rằng :) bỉ kỳ trượng phu, ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối khuất (kia đã trượng-phu, ta cũng vậy, chẳng nên khinh mình mà lui sút), nhược bất như tử, đồ tại tri môn (bằng chẳng dường ấy, luống ở cửa chùa), nhấm nhiễm nhứt sinh, thù vô sở ích (lần thẩn một đời trọn không chỗ ích), phục vọng hưng quyết liệt chí chí, khai đặc đạt chí hoài (cúi trông phát chung chí hăm hở, mở chung lòng rộng rãi), cử thổ khán tha thượng lưu, mạc thiện tùy ư dụng bỉ (việc làm coi người bậc trước, chớ chuyên theo thói quê hèn), kim sinh tiện tu quyết đoán, tướng liệu bất do biệt nhơn (đời nay bèn phải quyết dứt, toan liệu chẳng noi người khác), tức ý vong duyên bất dữ chư trần tác đối (dứt lòng bỏ duyên, chẳng cho các bụi trần làm bạn), tâm không cảnh tịch, chỉ vị cứu trệ bất thông (lòng không cảnh vắng, chỉ bởi ngăn lâu chẳng thông), thực lã tư văn, thời thời kinh sách (đọc chín văn này, khi khi răn dứt), cường tác Chủ-tể, mạc tuận nhơn tình (gắng làm ông Chủ-tể, chớ theo tình người), nghiệp quả sở khiên, thành nan đào tị (nghiệp quả chỗ kéo, thiệt khó trốn lánh), thanh hòa hướng thuận,

hình trực ảnh đoan (tiếng hòa giới thuận, hình thẳng bóng ngay), như quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ (như quả rõ ràng, há không lo sợ), cố kinh vân : (nên trong kinh nói rằng :) giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong (ví dầu trăm ngàn đời, chỗ làm nghiệp chẳng mất), như duyên hội ngộ thời, quả báo huân tự thọ (như duyên khi gặp nhau, quả báo lại mình chịu), cố tri tam giới hình phạt, oanh bấn sát như cho biết ba cõi là chốn hình phạt, ràng buộc giết người), nỗ lực cần tu, mặc không quá nhứt (ràng sức chuyên tu, chớ luống qua ngày), thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì (rất biết tội lỗi, mới bèn khuyên nhau giữ gìn), nguyện bách kiếp thiên sanh, xú xú đồng vi pháp lữ (cầu nguyện trăm kiếp ngàn đời, chỗ chỗ đều làm bạn pháp), nãi vi minh viết : (bèn làm bài chàm rằng :) huyễn thân mộng trạch, không trung vật sắc (thân huyễn này như nhà chiêm - bao, trong trống mà có vật sắc), tiền tế vô cùng, hậu tế minh khải (đời trước không rồi, đời sau đâu dặng), xuất thủ một bĩ, thẳng trăm bĩ cực (ra cõi này vào cõi kia, xuống lên đà mỗi mét), vị miễn tam

luân, hà thời hưu tức (chưa khởi trong ba đường, thuở nào thôi dứt), tham luyến thế gian, âm duyên thành chất (tham luyến trong đời, âm duyên đà nên vóc), từng sinh chi lão, nhứt vô sở đắc (từ nhỏ đến già, một không chỗ đặng), căn bản vô minh, nhưn tư bị hoặc (cội gốc không rõ, nhưn nay mắc lầm), quang-âm khả tịch, sát na bất trắc (sớm tối khá tiếc, giây phút chẳng lường) kim sinh không quá, lai thế sát tắc (đời nay luống qua, đời sau bit lấp), từng mê chi mê, giai nhưn lục tặc (từ kiếp này mê, đến kiếp sau mê, đều bởi trong sáu giặc), lục đạo vãng hoàn, tam giới bồ bặc (qua lại sáu đường, lên xuống ba cõi), tảo phổng minh-sur, thân cận cao-đức (sớm tìm ông minh-sur, nương gần bậc cao-đức), quyết trạch thân tâm, khử kỳ kinh cước (quyết chọn lòng mình, bỏ sửa chông gai), thế tự phù hư, chúng duyên khởi bức (việc đời luống dối, các duyên giây ngắt), nghiên cùng pháp lý, dĩ ngộ vi tắc (xét suốt lẽ phép, lấy ngộ làm chừng), tâm cảnh cu quyên, mạc ký mạc ức (lòng cảnh đều dứt, chẳng nhớ chẳng tưởng), lục căn di nhiên, hành trú tịch mặc (sáu căn yên vậy, đi đứng vắng lặng),

nhứt tâm bất sinh, vạn pháp cụ tức (một lòng chẳng sinh, muôn phép đều dứt), phạm vi tăng giả, nghi tả trí tọa ngưng, triệu tịch ngoạn tỉnh (hễ phạm làm ông thầy, phải viết đề bên chỗ ngồi, sớm tối xem xét), sơ xuất gia nhơn, tức linh thực độ, vô sở di vong (người mới xuất gia, bèn khiến đọc thuộc, chớ cho quên mất).

Thâu tán (Lời thâu khen).

Sa-Di từ hạnh, kinh sách tinh cần (bậc Sa-di nết lành, răn dạy tinh siêng), oai - nghi tể tể sức thân tâm (oai nghi rõ rõ trau lòng mình, thập giới duyệt thâm căn (mười lời răn dứt gốc sâu), sự trưởng duy khâm, nhi tác Tì-khêu nhơn (thờ bậc lớn vui kính, mà làm nhơn thầy Tì-kheo).

Nam-mô đấng sơ địa bồ-tát ma-ha-lát.

Phục nguyện (Nếp xin)

Đồ tư kinh huấn. cộng phát bồ-đề thấy lời răn ấy, đều mở lòng bồ-đề), quan thử chí ngôn, hàm triêm kiên cố xem nói phải ấy, đều khiến bền chặt).

Lời phụ.

Bốn quyển luật này, diễn theo y như luật Trường-hàng, để học chữ quốc-ngữ cho dễ biết viết, đọc, có thêm bài chúc nguyện mới như sau này:

Kính chúc 敬祝, trăng tuế sáng lòa, mây từ ấm mát, hoa liên-đài chín bực trổ màu muôn cõi đều thơm, cây bửu-thọ bảy hàng, bóng mát ngàn thu thêm tốt, trong triều ngoài quận, vui mừng vận hội văn-minh, bốn biển năm châu hưởng đặng bõ-đề phước quả.

CHUNG (rồi)

莊 廣 興

TRANG-QUANG-HUNG

kính-soạn

Dịch xong tại kỳ tháng sáu năm Mậu-thìn hiệu vua Bảo-Đại thứ ba.

Quảng - Nam, Đà-Nẵng, chùa Sắc-tứ Từ-vân-tự mới dịch.



卷之七

湖大四年三月

...

開香滿大千世界鄉隣右族均霑法雨
之恩昭穆先靈同赴蓮池之會勸善友
遞相究竟願佛法久住流通凡居四序
之中悉賴萬全之應情與無情齊成

正覺

謹板

保大四年己巳拾貳月初一日

敕賜慈雲寺 佛學教育場衆等和南

中圻沱瀑

敕賜慈雲寺奉譯

峴港銀行座主人韓定豐夫妻願供印
行

讚曰

今辰會僧衆諷琅瑤祝讚當今皇帝萬
萬歲東宮殿下享遐齡文武諸大臣乘
佛力祿位轉高增合會檀那增福惠風
調雨順干戈寧天下樂太平普願天下
樂太平南無增福壽菩薩摩訶薩
伏願菩提樹長影遮百萬人天優鉢華

讚云

毗尼日用。切要玄微。威儀進止。謹堅持。
顯密不思議。身意無爲。苦海早出離。
沙彌慈行。鞭策精勤。威儀濟濟。飭身心。
十戒滅深根。事長惟欽。爲作比丘因。
威儀警策。進道嚴身。淨持氷雪。悟正因。
發足震魔軍。用報四恩。精要契玄津。
南無登初地。菩薩摩訶薩。

初出家人。即令熟讀。毋使遺忘。

十四

滄山大圓禪師警策終

何時休息。貪戀世間。陰緣成質。從生至老。一無所得。根本無明。因茲被惑。光陰可惜。剎那不測。今生空過。來世窒塞。從迷至迷。皆因六賊。六道往還。三界匍匐。早訪明師。親近高德。決擇身心。去其荆棘。世自浮虛。衆緣豈逼。研窮法理。以悟爲則。心境俱捐。莫記莫憶。六根怡然。行住寂默。一心不生。萬法俱息。

凡爲僧者。宜寫置座隅。朝夕玩省。

宰。莫徇人情。業果所牽。誠難逃避。聲
和響順。形直影端。因果歷然。豈無憂
懼。故經云。假使百千劫。所作業不亡。
因緣會遇時。果報還自受。故知三界
刑罰。縈絆殺人。努力勤修。莫空過日。
深知過患。方乃相勸行持。願百劫千
生。處處同爲法侶。乃爲銘曰。前際
幻身夢宅。空中物色。前際無窮。後際
寧尅。出此沒彼。升沉疲極。未免三輪。

消十方信施。亦乃孤負四恩。積累轉
深。心塵易壅。觸途成滯。人所輕欺。古
云。彼既丈夫。我亦爾。不應自輕而退
屈。若不如此。徒在緇門。荏苒一生。殊
無所益。伏望興夾烈之志。開特達之
懷。舉措看他上流。莫擅隨於庸鄙。今
生便須決斷。想料不由別人。息意忘
緣。不與諸塵作對。心空境寂。只爲久
滯不通。熟覽斯文。時時警策。強作主

一學。最妙最玄。但辦肯心。必不相賺。
若有中流之士。未能頓超。且於教法。
留心。溫尋貝葉。精搜義理。傳唱敷揚。
接引後來。報佛恩德。時光亦不虛棄。
必須以此扶持。住止威儀。便是僧中。
法器。豈不見倚松之葛。上聳千尋。附。
託勝因。方能廣益。懇修齋戒。莫謾虧。
躅。世世生生。殊妙因果。不可等閒過。
日。兀兀度時。可惜光陰。不求升進。徒。

用心。可中頓悟正因。便是出塵階漸。此則破三界。二十五有。內外諸法。盡知不實。從心變起。悉是假名。不用將心湊泊。但情不附物。物豈礙人。任他法性周流。莫斷莫續。聞聲見色。蓋是尋常。遮邊那邊應用不闕。如斯行止。實不枉披法服。亦乃酬報四恩。拔濟三有。生生若能不退。佛階決定可期。往來三界之賓。出沒爲他作則。此之

聞於未聞。故云。生我者父母。成我者朋
友。親附善者。如霧露中行。雖不濕衣。時
時有潤。狎習惡者。長惡知見。曉夕造惡。
卽目交報。歿後沉淪。一失人身。萬劫不
復。忠言逆耳。豈不銘心者哉。便能澡心
育德。晦跡韜名。蘊素精神。喧囂止絕。若
欲參禪學道。頓超方便之門。心契玄津。
研機精要。決擇深奧。啓悟真源。博問先
知。親近善友。此宗難得其妙。切須子細

堂僧相。容貌可觀。皆是宿植善根。感斯
異報。便擬端然拱手。不貴寸陰。事業不
勤。功果無因。克就。豈可一生空過。抑亦
來業無裨。辭親決志披緇。意欲等超何
所。曉夕思忖。豈可遷延過時。心期佛法
棟梁。用作後來龜鏡。常以如此。未能少
分相應。出言須涉於典章。談說乃侑於
稽古。形儀挺特。意氣高閒。遠行要假良
朋。數數清於耳目。住止必須擇伴。時時

可延。時不可待。人天三有。應未免之。如是受身。非論劫數。感傷歎訝。哀哉切心。豈可緘言。遞相警策。所恨同生像季。去聖時遙。佛法生疎。人多懈怠。略伸管見。以曉後來。若不觸矜。誠難輪迥。夫出家者。發足超方。心形異俗。紹隆聖種。震懾魔軍。用報四恩。拔濟三有。若不如此。濫廁僧倫。言行荒疎。虛霑信施。昔年行處。寸步不移。恍惚一生。將何憑恃。况乃堂

踵老朽。觸事面牆。後學咨詢。無言接引。
縱有談說。不涉典章。或被輕言。便責後
生無禮。嗔心忿起。言語該人。一朝臥疾
在牀。衆苦縈纏。逼迫。曉夕思忖。心裏惘
惶。前路茫茫。未知何往。從茲始知悔過。
臨渴掘井。奚爲。自恨蚤不預修。年晚多
諸過咎。臨行揮霍。怕怖惴惶。穀穿雀飛。
識心隨業。如人負債。強者先牽。心緒多
端。重處偏墜。無常殺鬼。念念不停。命不

知倨傲。未諳法律。戢斂全無。或大語
高聲。出言無度。不敬上中下座。婆羅
門聚會無殊。椀鉢作聲。食畢先起。去
就乖角。僧體全無。起坐忪諸。動他心
念。不存些些軌則。小小威儀。將何束
斂。後昆新學。無因做做。纔相覺察。便
言我是山僧。未聞佛教行持。一向情
存粗糙。如斯之見。蓋爲初心慵惰。饗
餐因循。荏苒人間。遂成疎野。不覺釐

常不足。人多於此。耽味不休。日往月
來。颯然白首。後學未聞旨趣。應須博
問先知。將謂出家。貴求衣食。佛先制
律。啓創發蒙。軌則威儀。淨如冰雪。止
持作犯。束斂初心。微細條章。革諸猥
弊。毗尼法席。曾未叨陪。了義上乘。豈
能甄別。可惜一生空過。後悔難追。教
理未常措懷。玄道無因契悟。及至年
高臘長。空腹高心。不肯親附良朋。惟

念之功。外弘不諍之德。迴脫塵世。冀
期出離。何乃纔登戒品。便言我是比
丘。檀越所須。喫用常住。不解忖思來
處。謂言法爾合供。喫了聚頭喧喧。但
說人間雜話。然則一期趁樂。不知樂
是苦因。曩劫徇塵。未嘗返省。時光淹
沒。歲月蹉跎。受用殷繁。施利濃厚。動
經年載。不擬棄離。積聚滋多。保持幻
質。導師有敕。戒最比丘。進道嚴身。三

滙山大圓禪師警策

夫業繫受身。未免形累。稟父母之遺體。假衆緣而共成。雖乃四大扶持。常相違背。無常老病。不與人期。朝存夕亡。剎那異世。譬如春霜曉露。倏忽即無。岸樹井藤。豈能長久。念念迅速。一剎那間。轉息卽是來生。何乃晏然空過。父母不供甘旨。六親固以棄離。不能安國治邦。家業頓捐。繼嗣。緬離鄉黨。剃髮稟師。內勤克

坐具尼師壇。長養心苗性。展開登聖地。
奉持如來命。唵檀波檀波娑婆訶。

沙彌律儀要略卷下終

有三。謂九條。十一條。十三條。中品有三。謂十五條。十七條。十九條。上品有三。謂二十一條。二十三條。二十五條。搭衣偈云。善哉解脫服。無上福田衣。我今頂戴受。廣度諸羣迷。唵摩訶迦波波吒悉帝娑婆訶鉢。梵語鉢多羅。此云應量器。謂體色量三皆應法故。體用瓦鐵二物。色以蔡烟熏治。量則分上中下。具梵語尼師壇。此云坐具。亦云隨足衣。開具偈云。

戴受。世世不捨離。唵悉陀耶娑婆訶。
七條衣。梵語鬱多羅僧。此云上著衣。
亦名入衆衣。凡禮佛。修懺。誦經。坐禪。
赴齋。聽講。布薩。自恣。當著此衣。搭衣
偈云。善哉解脫服。無上福田衣。我今
頂戴受。世世常得披。唵度波度波娑婆
訶。二十五條衣。梵語僧伽黎。此云合。亦
云重。亦云雜碎衣。凡八王宮。升座說法。
聚落乞食。當著此衣。又此衣九品。下品

遊歷廣遠。誇示於人。所到之處。歇放行李。不得徑入殿堂。一人看行李。一人先進問訊。取常住進止。方可安頓行李入內。

衣鉢名相第二十四

五條衣。梵語安陀會。此云中宿衣。亦云下衣。亦云雜作衣。凡寺中執勞服役。路途出入往還。當著此衣。搭衣偈云。善哉解脫服。無上福田衣。我今頂

從人借物。當先白師。師聽得去。白師聽不聽。皆當作禮。不聽不得有恨意。附。乃至大事。或遊方。或聽講。或入衆。或守山。或興緣事。皆當白師。不得自用。參方第二十三。遠行要假良朋。古人心地未通。不遠千里求師。附。年幼戒淺。未許遠行。如行不得。與不良之輩同行。須爲尋師訪道。決擇生死。不宜觀山翫水。惟圖

凡所施行不得自用第二十二
凡出入往來。當先白師。作新法衣。當
先白師。著新法衣。當先白師。剃頭。當
先白師。疾病服藥。當先白師。作衆僧
事。當先白師。欲有私具紙筆之輩。當
先白師。若諷起經唄。當先白師。若人
以物惠施。當先白師。已然後受。已物
惠施人。當先白師。師聽然後與。人從
已假借。當先白師。師聽然後與。已欲

事。不得乘馬。乃至戲心鞭策馳驟。附。凡
遇官府。不論大小俱宜迴避。遇鬪諍
者亦遠避之。不得住看。不得回寺誇
張。所見城中華美之事。
市物第二十一
無諍貴賤。無坐女肆。若爲人所犯。方
便避之。勿從求直。已許甲物。雖復更
賤。無捨彼取此。令主有恨。慎無保任。
致慙負人。

不得數數徬視人物行。不得共沙彌
小兒談笑行。不得與女人前後互隨
行。不得與尼僧前後互隨行。不得與
醉人狂人前後互隨行。不得後故視
女人。不得眼角徬看女人。或逢尊宿
親識俱立下徬。先意問訊。或逢戲幻
奇怪等。俱不宜看。惟端身正道而行。
凡遇水坑水缺。不得跳越。有路當遠
行。無路衆皆跳越則得。非病緣及急

席。有刀兵不宜坐。有寶物不宜坐。有婦
人衣被莊嚴等。不宜坐。欲說經。當知所
應說時。不應說時。不得說與我食。令爾
得福。附。凡乞食。不得哀求苦索。不得廣
談因果。望彼多施。多得勿生貪著。少得
勿生憂惱。不得專向熟情施主家。及熟
情菴院索食。

入聚落第二十二

無切緣不得入。不得馳行。不得搖臂行。

詐現威儀。假粧禪相。求彼恭敬。不得妄
說佛法。亂答他問。自賣多聞。求彼恭敬。
不得送盒禮效。白衣往還。不得管人家
務。不得雜坐酒席。不得結拜白衣人。作
父母姊妹。不得說僧中過失。

乞食第十九

當與老成人俱。若無人俱。當知所可行
處。到人門戶。宜審舉措。不得失威儀。家
無男子。不可入門。若欲坐。先當瞻視座。

中堂禮佛。或家堂聖像端莊問訊。次父母眷屬等。一一問訊。不得向父母說師法嚴出家難。寂寥淡薄。艱辛苦屈等事。宜爲說佛法。令生信增福。不得與親俗小兒等。久坐久立。雜話戲笑。亦不得問族中是非好惡。若天晚作宿。當獨處一榻。多坐少臥。一心念佛事。訖即還。不得留連。附。不得左右邪視。不得雜語。若與女人語。不得低聲密語。不得多語。不得

不得彼此送禮。不得囑託尼僧。入豪貴家化緣。及求念經懺等。不得與尼僧結拜父母姊妹道友。

至人家第十八

有異座當坐。不宜雜坐。人問經。當知時。慎勿爲非時之說。不得多笑。主人設食。雖非法會。亦勿失儀軌。無犯夜行。不得空室內或屏處。與女人共坐共語。不得書疏往來等同前。若詣俗省親。當先入

房人更用燈否。滅燈火不得口吹。念誦不得高聲。若有病人。當慈心始終看之。有人睡。不得打物作嚮。及高聲語笑。不得無故入他房院。

到尼寺第十七

有異座方坐。無異座不得坐。不得爲非時之說。若還不得說其好醜。不得書疏往來。及假借裁割澆浣等。不得手爲淨髮。不得屏處共坐。附。無二人不得單進。

附。不得脫裏衣臥。不得睡上牀笑語
高聲。不得聖像及法堂前攜溺器過
圍爐第十五
不得交頭接耳說話。不得彈垢膩火
中。不得烘焙鞋襪。不得向火太久。恐
妨後人。稍煖便宜歸位。
在房中住第十六
更相問訊須知大小。欲持燈火入。預
告房內知云火入。欲滅燈火。預問同

手默念云。以水盥掌。當願衆生。得清淨手。受持佛法。唵主迦囉耶娑訶。附。若小解。亦要收起衣袖。又不可著褊衫小解。

睡臥第十四

臥須右脅。名吉祥睡。不得仰覆臥。及左脅臥。不得與師同室同榻。或得同室。不得同榻。亦不得與同事沙彌共擡。凡掛鞋履小衣等。不得過人頭面。

繫之。一作記認。二恐墮地。須脫換鞋履。不可淨鞋入廁。至當三彈指使內人知。不得迫促內人使出。已上復當三彈指。默念云。大小便時當願衆生。棄貪瞋癡。蠲除罪法。不得低頭視下。不得持草畫地。不得努氣作聲。不得隔壁共人說話。不得唾壁。逢人不得作禮。宜側身避之。不得沿路行繫衣帶。便畢當淨澡手。未澡不得持物。洗

戲笑。遂感沸湯地獄之報。不得洗僻處。凡有瘡癬宜在後浴。或有可畏瘡尤宜迴避。免刺人眼。不得恣意久洗。妨礙後人。附脫衣著衣安詳自在。浴前先洗淨須細行。不得以洗淨水入浴釜。湯冷熱依例擊擲。不得大喚。

八則第十三

欲大小便即當行。莫待內逼。倉卒於竹竿上掛直裰。摺令齊整。以手巾或腰絛

當離地四五寸徐徐棄之。凡掃地。不得
逆風掃。不得聚灰土安門扇後。洗內衣。
須拾去蟣虱方洗。夏月用水盆了須覆。
若仰卽蟲生。不得熱湯潑地上。一切米
麪蔬果等。不得輕棄狼藉。須加愛惜。

入浴第十二

先以湯洗面。從上至下徐徐洗之。不得
麤躁以湯水濺鄰人。不得浴堂小遺。不
得共人語笑。人天寶鑑云。一沙彌入浴

上相聚。擺茶夜坐雜話。不得單上縫補
衣被。不得眠臥共鄰單說話動衆。

執作第十一

當惜衆僧物。當隨知事者教令。不得違
戾。凡洗菜當三易水。凡汲水先淨手。凡
用水當諦視有蟲無蟲。有以密羅瀝過
方用。若嚴冬不得早瀝水。須待日出。凡
燒竈不得燃腐薪。凡作食不得帶瓜甲
垢。凡棄惡水不得當道。不得高手揚潑。

不得大咳嗽。依聲。不得鄰單。交頭接
耳。講說世事。或有道伴親情相看。堂
中不得久話。相邀林下水邊。乃可傾
心談論。若看經。須端身澄心默翫。不
得出聲。二板鳴。卽宜早進堂歸位。默
念偈云。正身端坐。當願衆生。坐菩提
座。心無所著。附。不得穿堂直過。上單
下單俱當細行。勿令鄰單動念。不得
單上寫文字。除衆看經教時。不得單

塔當右遶。不得左轉。不得殿塔中涕唾。遶塔或三匝七匝。乃至十百匝。須知遍數。不得以笠杖等倚殿壁。

入禪堂隨衆第十

單上不得抖衣被作聲。扇風使鄰單動念。下牀默念偈云。從朝寅旦直至暮。一切衆生自廻護。若於足下喪身形。願汝卽時生淨土。不得大語高聲。輕手揭簾須垂後手。不得拖鞋依聲。

得習學詩詞。不得著心學字求工。但書寫端楷足矣。不得汚手執持經。對經典如對佛。不得戲笑。不得案上狼藉卷帙。不得高聲動衆。不得借人經看不還。及不加愛重。以致損壞。

入寺院第九

凡入寺門。不得行中央。須緣左右邊行。緣左先左足。緣右先右足。不得無故登大殿遊行。不得無故登塔。入殿

經行。凡經籍損壞。宜速修補。沙彌本業未成。不得習學外書子史。治世典章。附。不得揀應赴道場經習學。不得習學偽造經典。不得習學命書相書。醫書兵書。卜筮書。天文書地理書。圖讖書。乃至爐火黃句神奇鬼怪符水等書。不得習學宣卷打偈。不得習學外道書。除智力有餘。爲欲知內外教深淺者。可以涉躡然。勿生習學想。不

聞而思。思而修。不得專記名言。以資
談柄。不得未會稱會。入耳出言。年少
沙彌戒力未固。宜更學律。不得早赴
講筵。

習學經典第八

宜先學律。後學經。須多羅。不得違越。凡
學一經。須先白師。經完更白別學某
經。不得口吹經上塵。不得經案上包
藏茶末雜物。人閱經。不得近彼案前。

並禮。當隨師後遠拜。師拜人。不得與
師同拜。在師前。不得與同類相禮。在
師前。不得受人禮。已手持經像。不得
爲人作禮。附。凡禮拜。須精誠作觀。教
列七種禮。不可不知。

聽法第七

凡遇掛上堂牌。宜早上堂。莫待法鼓
大播。整理衣服。平視直進。坐必端嚴。
不得亂語。不得大咳唾。附。凡聽法。須

作聲。不得食畢先起。若違僧制。聞白槌。不得抗拒不服。飯中有穀去皮食之。不得見美味。生貪心恣口食。不得偏衆食。

禮拜第六

禮拜不得占殿中央。是住持位。有人禮佛。不得向彼人頭前逕過。凡合掌。不得十指參差。不得中虛。不得將指插鼻中。須平胸高低得所。不得非時禮拜。如欲非時禮。須待人靜時。師禮佛。不得與師

狗。來益食。不得言。不用。若已飽。當以手讓却之。不得瓜頭使風屑落。鄰鉢中。不得含食語。不得笑談雜話。不得嚼食。有聲。如欲挑牙。以衣袖掩口。食中或有蟲蠅。宜密掩藏之。莫令鄰單見生疑心。當一坐食。不得食訖。離座更坐食。不得食訖。以手指刮碗鉢食。凡食。不得太速。不得太遲。行食未至。不得生煩惱。或有所需。默然指授。不得高聲大喚。不得碗鉢

恭敬。出生飯不過七粒。麪不過一寸。饅頭不過指甲許。多則爲貪。少則爲慳。其餘蔬菜豆腐不出。凡出生。安左掌中。想念偈云。汝等鬼神衆。我今施汝供。此食遍十方。一切鬼神共。凡欲食。作五觀想。一計功多少。量彼來處。二忖己德行。全缺應供。三防心離過。貪等爲宗。四正事良藥。爲療形枯。五爲成道故。方受此食。無呵食好惡。不得以食私所與。若擿與

避懶偷安。不得私取招提。竹木華果蔬
菜。一切飲食。及一切器物等。不得談說
朝廷公府。政事得失。及白衣家。長短好
惡。凡自稱。當舉二字法名。不得云我及
小僧。不得因小事爭執。若大事難忍者。
亦須心平氣和。以論理辯。不可則辭而
去。動氣發麤。即非好僧也。

隨衆食第五

聞撻槌聲。即當整衣服。臨食咒願。皆當

方供新者。委者不得棄地踐踏。宜置屏
處。不得聞呼不應。凡呼俱宜以念佛應
之。凡拾遺物。即當白知事僧附。不得與
年少沙彌結友。不得三衣苟簡。不得多
作衣服。苦有餘當捨。不得辦精緻條。拂
玩噐等。挖點江湖取笑識者。不得著色
服。及類俗人衣飾等。不得不淨手搭衣。
凡上殿。須束縛袴襪。不得放意自便。不
得閒走。不得多言。不得坐視大衆勞務。

淨室淨地。淨水中洩唾。當於僻處。喫茶
湯時。不得隻手揖人。不得向塔洗齒。及
向和尚阿闍黎等。凡聞鐘聲。合掌默念
云。聞鐘聲煩惱輕。智慧長。菩提生。離地
獄。出火坑。願成佛度衆生。唵伽羅帝耶
娑訶。不得多笑。若大笑及呵欠。當以衣
袖掩口。不得急行。不得將佛燈私就已
用。若燃燈當好。以罩密覆。勿令飛蟲投
入。供佛華取開圓者。不得先鞞。除委者

若偶分行。約於某處會。不得後時。師
受齋。當侍立出生。齋畢復侍立收齋。
入衆第四

不得爭坐處。不得於座上。遙相呼語
笑。衆中有失儀。當隱惡揚善。不得伐
勞顯已之功。凡在處。睡不在人前。起
不在人後。凡洗面。不得多使水。擦牙
吐水。須低頭引水下。不得噴水濺人。
不得高聲鼻洩嘔吐。不得於殿塔。及

行世法中。一切惡事。

隨師出行第三

不得過歷人家。不得止住道邊。共人語。不得左右顧視。當低頭隨師後。到檀越家。當住一面。師教坐。應坐。到他寺院。師禮佛。或自禮。不得擅自鳴磬。若山行。當持坐具隨之。若遠行。不得相離太遠。若過渡。當持杖徐試淺深。持瓶攜錫等具。如律中文繁不錄。附。

涉道話有益身心者。皆當記取。師有所使令。宜及時作辦。不得違慢。凡睡眠。不得先師。凡人問師諱。當云上某字。下某字。凡弟子當擇明師。久久親近。不得離師太早。如師實不明。當別求良導。設離師。當憶師誨。不得縱情自用。隨世俗流行不正事。亦不得住市井鬧處。不得住神廟。不得住民房。不得住近尼寺處。不得與師各住。而

便住。當一心思師望歸。師對賓。或立
常處。或於師側。或於師後。必使耳目
相接。候師所須。師疾病。一一用心調
治。房室被褥。藥餌粥食等。持衣授履。
洗浣烘晒等。具於律中。茲不繁錄。附。
凡侍師。不命之坐。不敢坐。不問不敢
對。除自有事欲問。凡侍立。不得倚壁
靠桌。宜端身齊足側立。欲禮拜。若師
止之。宜順師命。勿拜。凡師與客談論

事。不須拜跪。但端立師側。據實申白。師若身心倦。教去應去。不得心情不喜。現於顏色。凡有犯戒等事。不得覆藏。速詣師。哀乞懺悔。師許則盡情發露。精誠悔改。還得清淨。師語未了。不得語。不得戲坐師座。及臥師牀。著師衣帽等。爲師馳達書信。不得私自折看。亦不得與人看。到彼有問。應答則實對。不應當則善辭却之。彼留不得。

師經行不應作禮。師食。師說經。師梳
齒。師澡浴。師眠息等。俱不應作禮。師
閉戶不應戶外作禮。欲入戶作禮。應
彈指三遍。師不應應去。持師飲食。皆
當兩手捧。食畢。歛器。當徐徐。侍師不
得對面立。不得高處立。不得太遠立。
當令師小語得聞。不費尊力。若請問
佛法因緣。當整衣禮拜。合掌胡跪。師
有語。澄心諦聽。思惟深入。若問家常

汝門過不起。除讀經時。病時。剃髮時。飯
時。作衆事時。行護云。五夏以上。即闍黎
位。十夏以上。即和尚位。雖比丘事。沙彌
當預知之。

事師第二

當早起。欲入戶。當先三彈指。若有過。和
尚阿闍黎教誡之。不得還逆語。視和尚
阿闍黎。當如視佛。若使出不淨器。不得
唾。不得怒恚。若禮拜。師坐禪。不應作禮。

沙彌威儀諸經。及古清規。今沙彌成範。中節出。又宣律師。行護律儀。雖誠新學。比丘。有可通用者。亦節出。良以末法人情。多諸懈怠。聞繁則厭。由是刪繁取要。仍分類。以便讀學。間有未備。從義補入。一二。其有樂廣覽者。當自檢閱全書。

○敬大沙門第一

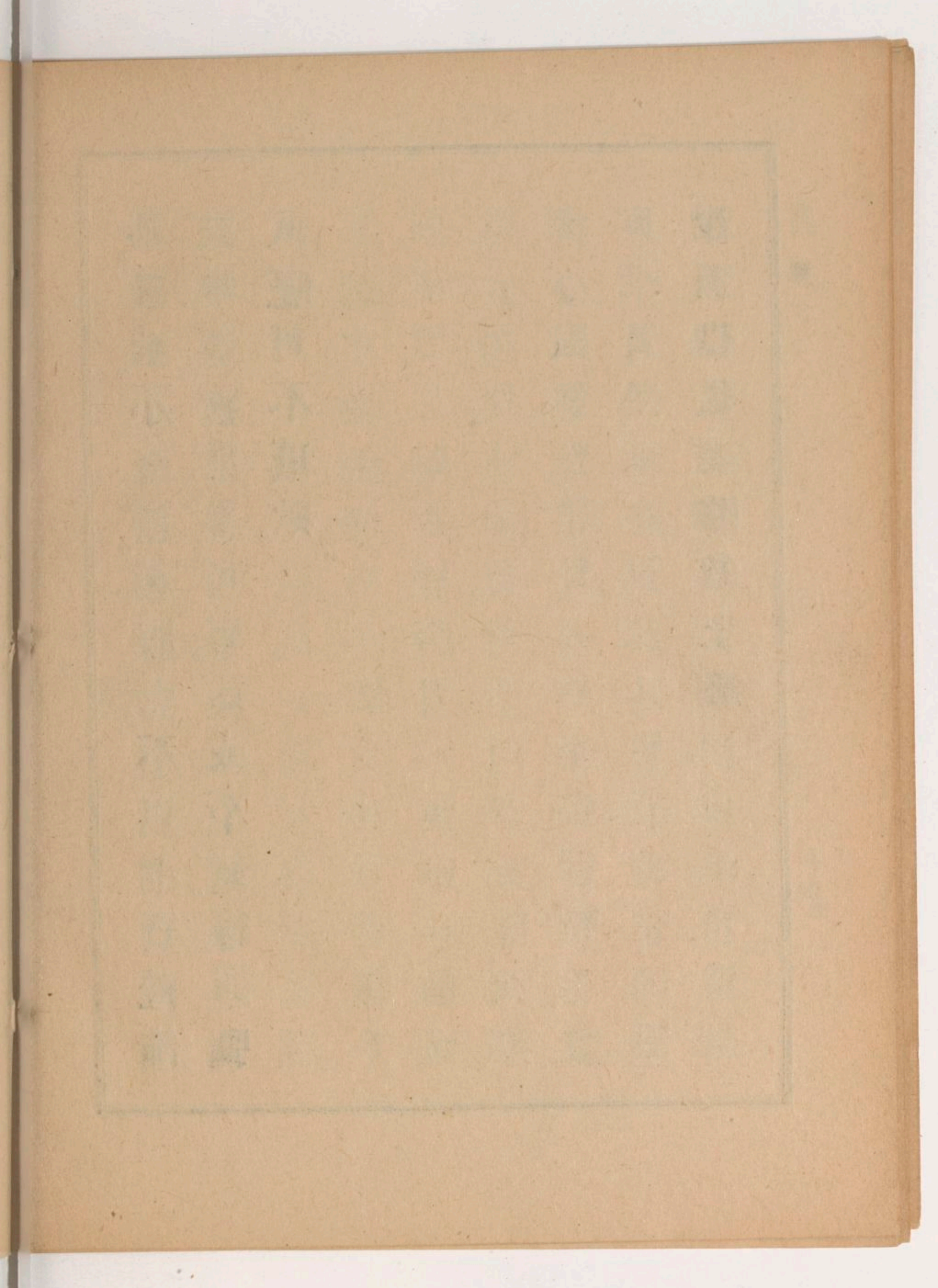
不得喚大沙門字。不得盜聽大沙門說戒。不得轉行說大沙門過。不得坐見大

沙彌律儀要略卷下

菩薩戒弟子雲棲寺沙門祿宏輯

○下篇威儀門

佛制沙彌年滿二十。欲受具足戒時。若問不能具對沙彌事者。不應與具足戒。當云。卿作沙彌。乃不知沙彌所施行。沙門事大難作。卿且去。熟學當悉聞知。乃應受具足戒。今授卿具足戒。人謂佛法易行。沙門易作。故當先問。以下條則於



不營求。不畜積。不販賣。不以七寶粧飾
衣器等物。庶幾可耳。如或不然。得罪彌
重。噫可不戒歟。

沙彌律儀要略卷上終

似也。似金者銀也。謂金色生本自黃。銀可染。黃似金也。寶者七寶之類也。皆長貪心。妨廢道業。故佛在世時。僧皆乞食。不立烟爨。衣食房室。悉任外緣。置金銀於無用之地。捉持尚禁。清可知矣。鋤金不顧。世儒尚然。釋子稱貧。畜財奚用。今人不能俱行乞食。或入叢林。或住菴院。或出遠方。亦未免有金銀之費。必也知違佛制。生大慚愧。念他貧乏。常行布施。

聲。則咽中火起。故午食尚宜寂靜。况過
午乎。昔有高僧。聞鄰房僧。午後舉爨。不
覺涕泣。悲佛法之衰殘也。今人體弱多
病。欲數數食者。或不能持此戒。故古人
稱晚食爲藥石。取療病之意也。必也知
違佛制。生大慚愧。念餓鬼苦。常行悲濟。
不多食。不美食。不安意食。庶幾可耳。如
或不然。得罪彌重。噫。可不戒歟。十曰。不
捉持生像。金銀寶物。解曰。生即金也。像

此即犯。乃至漆彩雕刻。及紗絹帳褥之類。亦不宜用。古人用草爲座。宿於樹下。今有床榻。亦既勝矣。何更高廣。縱恣幻軀。脅尊者。一生脅不著席。高峯妙禪師。三年立願。不沾床橈。悟達受沉香之座。尙損福而招報。噫可不戒歟。九曰不非時食。解曰。非時者。過日午非僧食之時分也。諸天早食。佛午食。畜生午後食。鬼夜食。僧宜學佛。不過午食。餓鬼聞碗鉢。

古有仙人。因聽女歌。音聲微妙。遽失神足。觀聽之害如是。况自作乎。今世愚人。因法華有琵琶鏡鈸之句。恣學音樂。然法華乃供養諸佛。非自娛也。應院作人間法事道場。猶可爲之。今爲生死捨俗出家。豈宜不修正務。而求工技樂。乃至圍棋陸博。骰擲擣菹等事。皆亂道心。增長過惡。噫。可不戒歟。八曰不坐高廣大牀。解曰。佛制繩牀。高不過如來八指。過

慈。非所應也。除年及七十。衰頹之甚。非
帛不暖者。或可爲之。餘俱不可。夏禹惡
衣。公孫布被。王臣之貴。宜爲不爲。豈得
道人。反貪華飾。壞色爲服。糞掃蔽形。固
其宜矣。古有高僧。三十年著一緇鞋。况
凡輩乎。噫。可不戒歟。七曰。不歌舞倡妓。
不往觀聽。解曰。歌者。口出歌曲。舞者。身
爲戲舞。倡妓者。謂琴瑟簫管之類是也。
不得自作。亦不得他人作時。故往觀聽。

失智慧種。迷魂狂藥。烈於砒酖。故經云。寧飲烱銅。慎無犯酒。噫。可不戒歟。六曰。不著香華鬘。不香塗身。解曰。華鬘者。西域人貫華作鬘。以嚴其首。此土則繪絨金寶。製飾巾冠之類。是也。香塗身者。西域貴人。用名香爲末。令青衣摩身。此土則佩香熏香。脂粉之類。是也。出家之人。豈宜用此。佛制三衣。俱用麤疎麻布。獸毛蠶口。害物傷

多種。甘蔗葡萄。及與百花。皆可造酒。此方止有米造。俱不可飲。除有重病。非酒莫療者。白衆方服。無故一滴不可沾唇。乃至不得喫酒。不得止酒舍。不得以酒飲人。儀狄造酒。禹因痛絕。紂作酒池。國以滅亡。僧而飲酒。可耻尤甚。昔有優婆塞。因破酒戒。遂併餘戒俱破。三十六失。一飲備焉。過非小矣。貪飲之人。死墮沸屎地獄。生生愚癡。

急難。方便權巧。慈悲利濟者不犯。古人謂行已之要。自不妄語。始况學出世之道乎。經載沙彌。輕笑一老比丘。讀經聲如狗吠。而老比丘者是阿羅漢。因教沙彌急懺。僅免地獄。猶墮狗身。惡言一句爲害至此。故經云。夫士處世。斧在口中。所以斬身。由其惡言。噫。可不戒歟。五曰不飲酒。解曰。飲酒者。謂飲一切能醉人之酒。西域酒有

不見。不見言見。虛妄不實等。二者綺
語。謂粧飾浮言靡語。艷曲情詞。導欲
增悲。蕩人心志等。三者惡口。謂麤惡
罵詈人等。四者兩舌。謂向此說彼。向
彼說此。離間恩義。挑唆鬪爭等。乃至
前譽後毀。面是背非。證入人罪。發宣
人短。皆妄語之類也。若凡夫自言證
聖。如言已得須陀洹果。斯陀含果等。
名大妄語。其罪極重。餘妄語爲救他

出家十戒全斷。媠欲。但于犯世間一切男女。悉名破戒。楞嚴經載。寶蓮香比丘尼。私行媠欲。自言媠欲。非殺非偷。無有罪報。遂感身出猛火。生陷地獄。世人因欲殺身亡家。出俗爲僧。豈可更犯。生死根本。欲爲第一。故經云。雖媠泐而生。不如貞潔而死。噫。可不戒歟。四曰不妄語。解曰。妄語有四。一者妄言。謂以是爲非。以非爲是。見言

二曰不盜。解曰。金銀重物。以至一鍼
一草。不得不與而取。若常住物。若信
施物。若僧衆物。若官物民物。一切物。
或奪取。或竊取。或詐取。乃至偷稅冒
渡等。皆爲偷盜。經載一沙彌。盜常住
果七枚。一沙彌。盜衆僧餅數番。一沙
彌。盜衆僧石蜜少分。俱墮地獄。故經
云。寧就斷手。不取非財。噫。可不戒歟。
三曰不媼。解曰。在家五戒。惟制邪媼。

佛聖人師僧父母。下至蝸飛螻動微細
昆蟲。但有命者。不得故殺。或自殺。或教
他殺。或見殺隨喜。廣如律中。文繁不錄。
經載冬月生虱。取放竹筒中。煖以綿絮。
養以膩物。恐其饑凍而死也。乃至瀝水
覆燈。不畜猫狸等。皆慈悲之道也。微類
尚然。大者可知矣。今人不能如是行慈。
復加傷害可乎。故經云。施恩濟乏。使其
得安。若見殺者。當起慈心。噫可不戒歟。

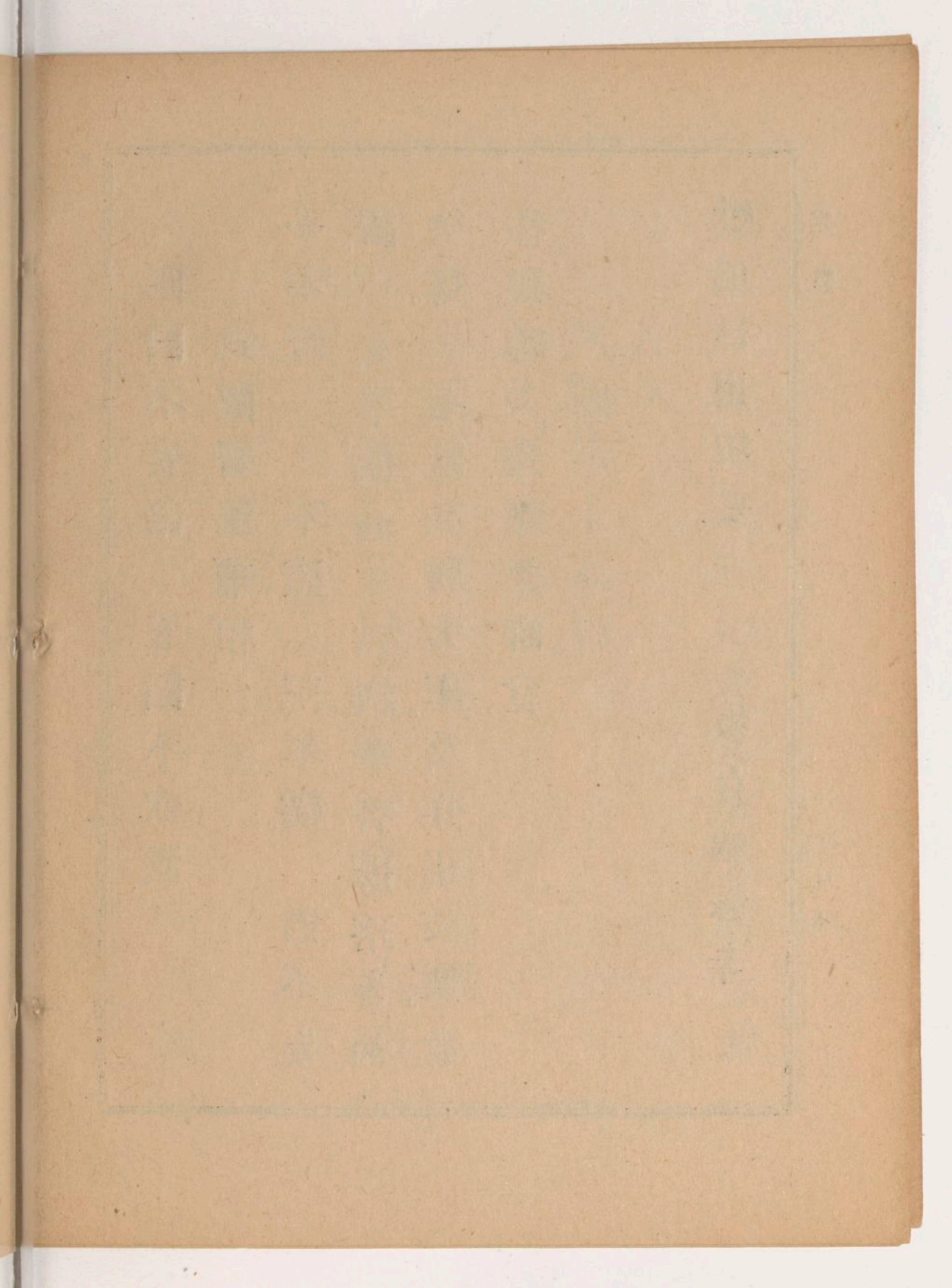
本所受戒。愚者茫乎不知。狂者忽而不學。便擬躡等。罔意高遠。亦可慨矣。因取十戒。略解數語。使蒙學知所向方。好心出家者。切意遵行。慎勿違犯。然後近爲比丘戒之階梯。遠爲菩薩戒之根本。因戒生定。因定發慧。庶幾成就聖道。不負出家之志矣。若樂廣覽。自當閱律藏全書。後十戒出沙彌十戒經。佛敕舍利弗。爲羅睺羅說。一曰。不殺生。解曰。上至諸

沙彌律儀要略卷上。

菩薩戒弟子雲棲寺沙門株宏輯。
梵語沙彌。此云息慈。謂息惡行慈。息世
染。而慈濟衆生也。亦云勤策。亦云求寂。
律儀者。十戒律諸威儀也。

上篇戒律門。

佛制出家者。五夏以前。專精戒律。五夏
以後。方乃聽教參禪。是故沙彌剝落。先
受十戒。次則登壇受具。今名爲沙彌。而



四曰不妄語。五曰不飲酒。

八關齋法戒相。

一不殺。二不盜。三不媾。四不妄

語。五不飲酒。六離華香瓔珞香油

塗身。七離高勝大床。及作倡伎樂。故

往觀聽。八離非時食。

毗尼日用切要。

板存福慧寺。

覺意。八者。八正道。九者。九衆生居。十者。十一。切入。

沙彌尼十戒相。

式叉摩那戒相。

一曰不媠。二曰不盜。三曰不殺。

四曰不妄語。五曰不非時食。六曰

不飲酒。

優婆塞戒相。

一曰不殺。二曰不盜。三曰不邪媠。

金銀寶物。

沙彌應具五德。應知十數。

福田經云。沙彌應知五德。一者。發心出家。懷佩道故。二者。毀其形好。應法服故。三者。割愛辭親。無適莫故。四者。委棄身命。尊崇道故。五者。志求大乘。爲度人故。僧祇律云。應爲沙彌說十數。一者。一切衆生皆依飲食。二者。名色。三者。知三受。四者。四諦。五者。五陰。六者。六入。七者。七

洗足。

若洗足時。當願衆生。具足神力。所行無礙。唵藍莎訶。

沙彌十戒相。

一曰不殺生。二曰不盜。三曰不婬。四曰不妄語。五曰不飲酒。六曰不著香華鬘。不香塗身。七曰不歌舞倡伎。及故往觀聽。八曰不坐高廣大床。九曰不非時食。十曰不捉持生像。

見疾病人。當願衆生。知身空寂。離乖諍
法。唵。室哩多。室哩多。軍吒唎莎嚩賀。

剃髮。

剃除鬚髮。當願衆生。遠離煩惱。究竟寂
滅。唵。悉殿都。漫多囉。跋陀耶娑婆
訶。

沐浴。

洗浴身體。當願衆生。身心無垢。內外光
潔。唵。跋折囉。惱迦吒莎訶。

五濁衆生令離垢。同證如來淨法身。

讚佛。

讚佛相好。當願衆生成就佛身。證無相

法。唵。牟尼牟尼。三牟尼薩嚩賀。

繞塔。

右繞於塔。當願衆生所行無逆。成一切

智。南無三滿多。沒馱喃。唵。杜波杜

波娑婆訶。

看病。

惑垢。南無歡喜莊嚴王佛。南無
寶髻如來。南無無量勝王佛。
唵。嚩悉波羅摩尼莎婆訶。
若見大河。當願衆生。得預法流。入佛
智海。
若見橋道。當願衆生。廣度一切。猶如
橋梁。
浴佛。
我今灌浴諸如來。淨智莊嚴功德聚。

正身端坐。當願衆生。坐菩提座。心無
所著。唵。嚩。則囉。阿尼鉢羅尼。邑多
耶。莎訶。

睡眠。

以時寢息。當願衆生。身得安隱。心無
亂動。㊀阿觀想阿字輪。一氣持二十
一遍。

取水。

若見流水。當願衆生。得善意欲。洗除

午齋出主。

大鵬金翅鳥。曠野鬼神眾。羅刹鬼子
母。甘露悉充滿。唵。穆帝莎訶。

受襯。

財法二施。等無差別。檀波羅蜜。具足

圓滿。

敷單坐禪。

若敷床座。當願衆生。開敷善法。見真
實相。

僧輸馱你鉢頭摩俱摩囉爾嚩僧輸
馱耶陀囉陀囉素彌麼唎莎嚩訶
嗽口連心淨。吻水百花香。三業恆清
淨。同佛住西方。唵。憇。唵。罕。莎。訶。
執持錫杖。當願衆生。設大施會。示如
實道。唵。那。嚩。嚩。那。栗。嚩。那。栗。吒。鉢
底。那。栗。帝。娜。夜。鉢。儼。吽。發。吒。

衆。如來應量器。我今得敷展。願供一切
衆等三輪空寂。唵。斯麻摩尼莎訶。
手執楊枝。當願衆生。皆得妙法。究竟
清淨。唵。薩吧嚩述答。薩哩吧。荅哩
嘛。薩吧嚩述怛吩。唵。嚩。莎。訶。
嚼楊枝。嚼楊枝。述怛吩。唵。嚩。莎。訶。
嚼楊枝時。當願衆生。其心調淨。嚩諸
煩惱。唵。阿暮伽。彌摩隸。爾嚩迦囉

受此食。

結齋。先念準提咒。次念此偈云。

所爲布施者。必獲其利益。若爲樂故
施。後必得安樂。飯食已訖。當願衆生。
所作皆辨。具諸佛法。

洗鉢。

以此洗鉢水。如天甘露味。施與諸鬼
神。悉皆獲飽滿。唵。摩休囉悉莎訶。
展鉢。

佛制比丘。食存五觀。散心雜話。信施
難消。大衆聞罄聲。各正念。
執持應器。當願衆生。成就法器。受天
人供。唵。枳哩。枳哩。嚩日囉。吽發吒。
願斷一切惡。願修一切善。誓度一切
衆生。
一。計功多少。量彼來處。二。忖己德行。
全缺。應供。三。防心離過。貪等爲宗。四。
正事良藥。爲療形枯。五。爲成道業。應

若見空鉢。當願衆生。究竟清淨。空無
煩惱。若見滿鉢。當願衆生。具足盛滿。一切
善法。法力不思議。慈悲無障礙。七粒遍十
方。普施周沙界。唵。度利益蒞訶。
侍者送食。
汝等鬼神衆。我等施汝供。此食徧十
方。一切鬼神共。唵。穆力陵蒞訶。

手執淨瓶。當願衆生。內外無垢。悉令光
潔。唵。勢伽嚕迦叱捨叱莎訶。

蕩淨瓶真言。

唵。嚩莎訶。

灌水真言。

唵。嚩悉鉢囉摩尼莎訶。

曩謨蘇嚕婆耶。怛他耶多誡。怛姪他。

唵。蘇嚕蘇嚕。鉢囉蘇嚕娑婆訶。

受食。

讚佛。

法王無上尊。三界無倫匹。天人之導師。
四生之慈父。我今暫皈依。能滅三祇業。
稱揚若讚嘆。億劫莫能盡。

禮佛。

天上天下無如佛。十方世界亦無比。世
間所有我盡見。一切無有如佛者。

普禮真言。

唵。嚩日囉斛。

供淨瓶。

善哉解脫服。無上福田衣。奉持如來命。
廣度諸衆生。唵。摩訶迦婆波吒悉帝
莎訶。

臥具。

臥具尼師壇。長養心苗性。展開登聖地。
奉持如來命。唵。檀波檀波莎訶。

登道場。

若得見佛。當願衆生。得無礙眼。見一切
佛。唵。阿蜜栗帝吽發吒。

佛觀一鉢水。八萬四千蟲。若不持此咒。
如食衆生肉。唵。嚩悉波囉摩尼莎訶。

五衣。

善哉解脫服。無上福田衣。我今頂戴受。

世世不捨離。唵。悉陀耶莎訶。

七衣。

善哉解脫服。無上福田衣。我今頂戴受。

世世常得披。唵。度波度波莎訶。

大衣。

洗滌形穢。當願衆生。清淨調柔。畢竟無
垢。唵。賀曩蜜栗帝莎訶。

洗手。

以水盥掌。當願衆生。得清淨手。受持佛
法。唵。主迦囉耶莎訶。

洗面。

以水洗面。當願衆生。得淨法門。永無垢
染。唵。藍莎訶。

飲水。

從舍出時。當願衆生。深入佛智。永出三界。

登廁。

大小便時。當願衆生。棄貪嗔癡。蠲除罪法。

唵。狠魯陀耶莎訶。

洗淨。

事訖就水。當願衆生。出世法中。速疾而往。

唵。室唎婆醯莎訶。

去穢。

散失。

下單。

從朝寅旦直至暮。一切衆生自廻護。
若於足下喪其形。願汝卽時生淨土。

唵。逸帝律尼菴訶。

行步不傷蟲。

若舉於足。當願衆生。出生死海。具衆
善法。唵。地唎日唎菴訶。

出堂。

聞鐘聲。煩惱輕。智慧長。菩提生。離地
獄。出火坑。願成佛。度衆生。唵。伽囉
帝耶莎訶。
若著上衣。當願衆生。獲勝善根。至法
彼岸。彼著下裙時。當願衆生。服諸善根。具足
慚愧。
整衣束帶。當願衆生。檢束善根。不令

毗尼日用切要。

寶華山傳戒比丘讀體集。

早覺。

睡眠始寤。當願衆生。一切智覺。周顧十方。

鳴鐘。

願此鐘聲。超法界。鐵圍幽闇。悉皆聞。聞塵清淨。證圓通。一切衆生成正覺。聞鐘。

千眼千耳見聞隨喜加心參補爾
云

佛曆二千九百五十七己巳年冬

勅賜慈雲寺釋莊廣興謹序

本省屬洲城廂前醫科進士四圍大法
官沙梨大人嬉心題審經咨

東洋博古場正監督大臣並河內省
妃砮寺高僧長老全閱依許行印
施以便流通今蒙

佛恩弟子福主韓定豐寶號貴臺廣發
婆心出財印布敬送諸方禪德上
弘佛法之恩次願今生福果遙
祈智海高明一炤心燈光光無量

新撰毗尼沙彌威儀警策國語序
一切諸佛語心爲宗演理爲教結戒爲
律三者如鼎三足缺一不成源來
古板東漢相傳學道之源以爲規
則於丁卯年僧承

省座大臣列憲大人準許設 佛學教
育場布施濟養慈兒演譯經律爲
國語字以弘禪教庶應潮流今現
譯得禪律一部共四卷經商

毘尼沙彌

威儀
警策
律



毘尼沙彌
威儀律
警策